

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Gây mê hồi sức năm 2023
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM- Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, quận 5, TP HCM
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 9 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 13. 10. /2022
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, quận 5, TP HCM

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028.39525243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (M04-050-lctthao) (02).

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Tấn

**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO
CHUYÊN KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC NĂM 2023**

(Đính kèm thư mời chào giá số /BVĐHYD-VTTB ngày tháng 10 năm 2022)

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo phẫu thuật cỡ 160 x 135cm	Áo phẫu thuật - Chất liệu vải không dệt SMMMS từ 35 - 43gsm chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3, chống tĩnh điện - Kích thước 160 x 135cm - Các đường nối được ép bằng sóng cao tần - Có 2 khăn thấm kích thước khoảng 30 x 40cm bằng vải spunlatic tiêu chuẩn Châu Âu (CE) thấm hút tốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	40.460
2	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ, 70 - 80mm, chiều cao ghim khi đóng 3 từ đến 5mm	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ - Chất liệu titanium - Kích thước * Chiều dài 70 - 80mm * Chiều cao ghim khi đóng có 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng: 3mm - 3.5mm - 4mm (đối với mô có độ dày trung bình) / 4mm - 4.5mm - 5mm (đối với mô dày) - Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên với 3 chiều cao ghim khác nhau - Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng dán - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ cùng hãng	1	Cái	400
3	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ, 70- 80mm, chiều cao ghim khi đóng 1.5mm, 1.8mm và 2.0mm	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ - Chất liệu: titanium - Kích thước * Chiều dài từ 70 - 80mm * Chiều cao ghim khi đóng điều chỉnh được 3 mức 1.5mm, 1.8mm và 2.0mm - Thiết kế 6 hàng ghim, dập ghim 3D - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	820
4	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, đầu móc, mô mỏng, mô dày và mô trung bình, 30mm, 45mm, 60mm	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, đầu móc - Chất liệu titanium, thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên có chiều cao ghim khác nhau - Chiều dài băng dán 30mm, 45mm, 60mm, chiều cao ghim tương ứng, sau khi đóng có độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng - Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng dán - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Cái	300
5	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, mô mỏng, 30mm	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô mỏng và mạch máu - Chất liệu titanium, thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên có chiều cao ghim khác nhau là 2mm - 2.5mm - 3mm trong mỗi băng dán - Chiều dài băng dán 30mm, sau khi đóng có 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng - Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng dán - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Cái	120
6	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, mô mỏng, 45mm	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô mỏng và mạch máu - Chất liệu titanium, thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên, chiều cao ghim khác nhau là 2mm - 2.5mm - 3mm trong mỗi băng dán - Chiều dài băng dán 45mm, sau khi đóng có 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng - Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng dán - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Cái	180
7	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60mm	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng 60mm - Chất liệu titanium, 6 hàng kim - Kích thước: * Chiều dài băng dán 60mm * Chiều cao ghim sau khi đóng 1.0/1.5/1.8/2.0mm - Công nghệ giữ mô bề mặt (chống trượt mô khi cắt) - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	1.156

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phần nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
8	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, mô dày và mô trung bình, 60mm	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình - Chất liệu titanium, thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên, chiều cao ghim khác nhau là 3mm - 3.5mm - 4mm trong mỗi băng dán - Chiều dài băng dán 60mm, sau khi đóng có 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng - Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng dán - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô nội soi bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Cái	2.080
9	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc, chủ động, mô dày và mô trung bình, 45mm	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình - Chất liệu titanium, thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên, chiều cao ghim khác nhau là 3mm - 3.5mm - 4mm trong mỗi băng dán - Chiều dài băng dán 45mm, sau khi đóng có 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng - Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng dán - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô nội soi bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Cái	12
10	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 45mm	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng 45mm - Chất liệu titanium, 6 hàng ghim - Kích thước: * Chiều dài băng dán 45mm * Chiều cao ghim sau khi đóng 1.0/1.5/1.8/2.0mm - Công nghệ giữ mô bề mặt - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô nội soi cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	144
11	Băng dán dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi, băng dán 60mm	Băng dán dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi - Ghim dập bằng titanium - Thiết kế 3 chiều cao ghim đóng từ thấp đến cao trong cùng 1 băng dán theo thứ tự: Chiều cao ghim đóng: 1.25mm-1.5mm-1.75mm tương ứng với chiều cao ghim mở 3.0mm-3.5mm-4.0 mm trong cùng 1 băng dán dùng cho mô trung bình đến mô dày. - Dao cắt mới trên mỗi băng dán - Chiều dài băng dán 60mm - Tương thích với dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	125
12	Băng dán dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi, băng dán 45mm	Băng dán dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi - Ghim dập bằng titanium - Thiết kế 3 chiều cao ghim đóng từ thấp đến cao trong cùng 1 băng dán theo thứ tự: Chiều cao ghim đóng: 0.75mm-1.0mm-1.25 mm tương ứng với chiều cao ghim mở 2.0mm-2.5mm-3.0mm trong cùng 1 băng dán dùng cho mạch máu, mô mỏng đến mô trung bình. - Dao cắt mới trên mỗi băng dán - Chiều dài băng dán 45mm. - Tương thích với dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	75
13	Băng dán dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở	Băng dán dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở - Ghim dập bằng titanium - Kích thước: 103.4×12.6 mm/ 123.4×72 mm. - Chiều dài đường dao cắt: 60 mm/ 80 mm. - Chiều dài đường ghim: 64 mm/ 84 mm. - Số lượng ghim: 64 ghim/ 84 ghim, 2 hàng ghim mỗi bên. - Chiều cao ghim trước khi đóng 3.8 mm/ 4.8 mm và sau khi đóng 1.5 mm/ 2.0 mm. - Lưỡi dao mới trong mỗi băng dán. Thiết kế khóa an toàn bọc lưỡi dao sau khi bắn. - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở cùng hãng. - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	75
14	Băng dán khâu nối thẳng dùng trong mổ mở ngực bụng	Băng dán khâu nối thẳng dùng trong mổ mở ngực bụng - Chất liệu ghim bằng titanium - Chiều cao ghim trước khi bắn 2.5mm, chiều cao sau khi bắn 1mm - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở cùng hãng - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Cái	6
15	Băng đệm gác phẫu thuật loại 10 ô	Băng đệm gác phẫu thuật, chất liệu giấy có phủ lớp chống thấm nước, đạt độ chịu lực tốt - Gồm 2 lớp: lớp phía trước trong suốt phía trên, lớp phía sau màu trắng, có in các con số và các đường viền ô kiểm soát số lượng gác chính xác - Kích thước băng 35 x 83cm, có 10 ô, có 5 hàng, kích thước ô 15.2 x 11.5cm, chứa 10 miếng gác kích thước 10 x 10cm - Có 2 lỗ treo giúp băng đệm thẳng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Cái	1.250

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
16	Bảng đếm gác phẫu thuật loại 15 ô	Bảng đếm gác phẫu thuật, chất liệu giấy có phủ lớp chống thấm nước, đạt độ chịu lực tốt - Gồm 2 lớp: lớp phía trước trong suốt phía trên, lớp phía sau màu trắng, có in các con số và các đường viền, kiểm soát số lượng gác chính xác - Kích thước bảng 51x83cm, có 15 ô, có 5 hàng, kích thước ô 16.3x12cm, chứa 15 miếng gác kích thước 40 x 40cm - Có 2 lỗ treo giúp bảng đếm thẳng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Cái	6.550
17	Bao chỉ dưới co giãn	Bao chỉ dưới co giãn - Chất liệu bằng màng thun - Kích thước 15cm x 140cm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Cái	700
18	Bao chỉ trên co giãn	Bao chỉ trên co giãn - Chất liệu bằng màng thun - Kích thước 10cm x 95cm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Cái	700
19	Bao chụp đầu đèn	Bao chụp đầu đèn - Chất liệu Plastic trong suốt - Đường kính 60cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Cái	4.350
20	Bình chứa dịch 3 lít dùng trong truyền dịch nhanh	Bình chứa dịch 3 lít dùng trong truyền dịch và máu nhanh - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Thể tích 3000 ml, vạch chia 50ml, màng lọc 160 micron, 3 cổng đầu vào, 1 cổng đầu ra, 2 cổng thông xả khí - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2 đang có tại BV	3	Cái	25
21	Bình CO2 dùng cho băng đạn bắn liên tục	Bình CO2 dùng cho băng đạn bắn liên tục - Tương thích với tay cầm cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	100
22	Bộ cảm biến đo đường huyết liên tục	Bộ cảm biến đo đường huyết liên tục * Cảm biến đo đường huyết liên tục, nhỏ, gọn nhẹ - Trọng lượng ≤ 5gr - Kích thước ≤ 40mm - Phạm vi chỉ số glucose ít nhất trong khoảng 40 - 500 mg/dL hoặc lớn hơn - Thời gian sử dụng cảm biến có thể lên đến 14 ngày - Có thể hoạt động được ở nhiệt độ tối thiểu ≤ 15 độ C, tối đa ≥ 40 độ C - Thiết kế chống nước * Thiết bị đọc kết quả - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	300
23	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 1	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 1 - Điện cực ốc tai uốn vòng ≥ 450° - Cuộn cảm ứng: đường kính: ≤ 31mm, độ dày ≤ 3.6mm - Nam châm: Độ dày ≤ 3.6mm, tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ 1.5 Telsa, chất liệu titanium, tháo được nam châm khi chụp cộng hưởng từ 3 Telsa - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: chất liệu titanium, hình dạng tròn hoặc chữ nhật, độ dày khay ≤ 4.7mm, Kích thước (RxSxC) ≤ 21mm x 19.5mm x 7mm, dung tích ≤ 4.5cm3 không bao gồm dây điện, trọng lượng ≤ 9.5g bao gồm cả dây điện, chịu va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng ≥ 22 điện cực; Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh; Khoảng cách giữa mỗi điện cực khi uốn vòng 0.4 – 0.8mm; Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực từ 0,5 đến 0,8 mm; Diện tích bề mặt tiếp xúc ≥ 0.2 mm2; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng ≤ 15mm; Chiều dài của dây chứa điện cực khi thẳng (từ giữa hai điện cực cuối tới đỉnh ≤ 15mm; từ chóp đỉnh tới vòng silicon ≤ 20mm); Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa ≤ 99mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai; Có dây platinum để giữ dây điện cực duỗi thẳng và tháo ra được - Điện cực nằm ngoài ốc tai: Số lượng: ≥ 2 (bao gồm: Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình cầu đường kính ≤ 1.5mm, dài ≤ 80mm)	3	Bộ	5

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
24	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 2	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 2 - Điện cực ốc tai uốn vòng $\geq 450^\circ$ - Cuộn cảm ứng: Đường kính ≤ 31 mm; độ dày ≤ 3.6 mm - Nam châm: Độ dày ≤ 3.7 mm; Tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ 1.5 Telsa; Chất liệu titanium hoặc tương đương; Tháo được nam châm khi chụp cộng hưởng từ 3 Telsa - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium hoặc tương đương; Hình dạng tròn hoặc chữ nhật, chiều dài khay ≤ 4 mm; Kích thước (R x S x C) ≤ 24 mm x 23 mm x 3.9 mm; Dung tích ≤ 3.9 cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng ≤ 8.6 g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện hoặc chất liệu tương đương - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng ≥ 22 điện cực; Số lượng kênh kích thích: ≥ 22 kênh; Khoảng cách giữa mỗi điện cực khi uốn vòng: 0.4 – 0.8 mm; Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực: từ 0.5 đến 0.8 mm; Diện tích bề mặt tiếp xúc ≥ 0.2 mm²; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng ≤ 14.25 mm; Chiều dài của dây chứa điện cực khi thẳng (từ giữa hai điện cực cuối tới đỉnh ≤ 15 mm; từ chóp đỉnh tới vòng silicon ≤ 20 mm); Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa ≤ 99 mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai; Có dây platinum để giữ dây điện cực duỗi thẳng và tháo ra được. - Điện cực đặt nằm ngoài ốc tai: Số lượng 2 (bao gồm: Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình trụ hoặc hình cầu; đường kính ≤ 0.6 mm, dài ≤ 60 mm).	3	Bộ	5
25	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 3	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 3 - Điện cực ốc tai định dạng thẳng và mảnh - Cuộn cảm ứng: Đường kính ≤ 31 mm; độ dày ≤ 3.6 mm. - Nam châm: Độ dày ≤ 3.6 mm; Tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ 1.5 Telsa; Chất liệu titanium; tháo được nam châm khi chụp cộng hưởng từ 3 Telsa. - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium; Hình dạng tròn hoặc chữ nhật, chiều dài khay ≤ 6.9 mm; Kích thước (R x S x C) ≤ 21 mm x 22.5 mm x 7; Dung tích ≤ 4.4 cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng ≤ 9.5 g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng ≥ 22 điện cực - Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh; Khoảng cách giữa các điện cực khi thẳng: từ 0.85 mm đến 0.95 mm; Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực: từ 0.3 đến 0.6 mm; Diện tích bề mặt tiếp xúc 0.19 – 0.14 mm²; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng ≤ 19.1 mm; Chiều dài của dây chứa điện cực khi thẳng; Chiều dài dây điện cực nằm trong ốc tai bao phủ trọn vẹn ≤ 20 mm; Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa ≤ 90 mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai; Có dây platinum để giữ dây điện cực duỗi thẳng và tháo ra được - Điện cực đặt nằm ngoài ốc tai: Số lượng ≥ 2 (bao gồm Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình cầu đường kính ≤ 1.5 mm, dài ≤ 80 mm)	3	Bộ	5
26	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 4	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 4 - Điện cực ốc tai định dạng thẳng - Cuộn cảm ứng: Đường kính: ≤ 31 mm; độ dày: ≤ 3.6 mm - Nam châm: Độ dày: ≤ 3.6 mm; Tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ 1.5 Telsa; Chất liệu titanium; tháo được nam châm khi chụp cộng hưởng từ 3 Telsa - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium; Hình dạng tròn hoặc chữ nhật; chiều dài khay ≤ 7 mm; Kích thước (R x S x C) ≤ 21 mm x 19.5 mm x 7 mm; Dung tích ≤ 4.5 cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng ≤ 9.5 g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng ≥ 22 điện cực; Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh; Khoảng cách nén giữa các điện cực khi thẳng ≥ 0.75 mm; Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực từ 0.4 đến 0.6 mm; Diện tích bề mặt tiếp xúc 0.19 – 0.14 mm²; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng ≤ 16.4 mm; Chiều dài dây điện cực nằm trong ốc tai bao phủ trọn vẹn ≤ 20 mm; Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa ≤ 90 mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai; Có dây platinum để giữ dây điện cực duỗi thẳng và tháo ra được - Điện cực đặt nằm ngoài ốc tai: Số lượng ≥ 2 (bao gồm: Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình cầu đường kính ≤ 1.5 mm, dài ≤ 80 mm).	3	Bộ	5

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
27	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 5	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 5 - Điện cực ốc tai uốn vòng 450° - Cuộn cảm ứng: Đường kính ≤ 31mm; độ dày ≤ 3.9mm. - Nam châm: Độ dày ≤ 3.9mm; Tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ ở mức 3.0 Tesla không cần tháo nam châm - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium; Hình chữ nhật, chiều dày khay ≤ 3.9mm; Kích thước (R×S×C) ≤ 24mm x 23mm x 3.9mm; Dung tích ≤ 4.2cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng ≤ 9.2g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng ≥ 22 điện cực; Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh; Khoảng cách giữa mỗi điện cực khi uốn vòng: 0.4 – 0.8mm; Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực từ 0.5mm - 0.8mm; Diện tích bề mặt tiếp xúc 0.21 - 0.23 mm²; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng ≤ 14.25mm; Chiều dài của dây điện cực nằm trong ốc tai bao gồm cả softip ≤ 19mm; Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa ≤ 99mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai; Có dây platinum để giữ dây điện cực duỗi thẳng và tháo ra được - Điện cực nằm ngoài ốc tai: Số lượng ≥ 2 (bao gồm: Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình cầu đường kính ≤ 0.6mm, dài ≤ 60mm)	3	Bộ	5
28	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 6	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 6 - Điện cực ốc tai định dạng thẳng và mảnh - Cuộn cảm ứng: Đường kính ≤ 31mm; độ dày ≤ 3.9mm. - Nam châm: Độ dày ≤ 3.9mm; Tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ ở mức 3.0 Tesla không cần tháo nam châm - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium; Hình chữ nhật, chiều dày khay ≤ 3.9mm; Kích thước (R×S×C) ≤ 24mm x 23mm x 3.9mm; Dung tích ≤ 4.2cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng ≤ 9.2g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài ≥ 2.5J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng 22 điện cực - Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh; Khoảng cách giữa các điện cực khi thẳng: từ 0.85mm - 0.95mm; Đường kính mặt cắt ngang ≤ 0.6mm x 0.5mm ở gốc và 0.35mm x 0.25 ở đầu chóp; Diện tích bề mặt tiếp xúc 0.14 – 0.20mm²; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng ≤ 19.1mm; Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa ≤ 105mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai; Có dây platinum để giữ dây điện cực duỗi thẳng và tháo ra được. - Điện cực đặt nằm ngoài ốc tai: Số lượng ≥ 2 (bao gồm: Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình cầu đường kính ≤ 0.6mm, dài ≤ 60mm)	3	Bộ	5
29	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 7	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 7 - Điện cực ốc tai uốn vòng 450° và mảnh - Cuộn cảm ứng: Đường kính ≤ 31mm; độ dày ≤ 3.9mm - Nam châm: Độ dày ≤ 3.9mm; Tháo rời được; Chất liệu titanium hoặc tương đương; An toàn khi chụp cộng hưởng từ ở mức 3,0 Tesla không cần tháo nam châm - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium hoặc tương đương; Hình chữ nhật, chiều dày khay ≤ 3.9mm; Kích thước (R×S×C) ≤ 24mm x 23mm x 3.9mm; Dung tích ≤ 4.2cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng ≤ 9.2g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài ≥ 2.5J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện hoặc chất liệu tương đương. - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng ≥ 22 điện cực, Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh; Khoảng cách giữa mỗi điện cực khi uốn vòng ≤ 0.6mm; Diện tích bề mặt tiếp xúc 0.15 – 0.16mm²; Đường kính đầu chóp điện cực: ≤ 0.35mm x 0.4mm; Đường kính gốc điện cực 0.475mm x 0.5mm; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng ≤ 14mm; Chiều dài của dây chứa điện cực bao gồm cả đầu softip ≤ 14.4mm; Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa ≤ 98mm - Có ba điểm trắng ký hiệu trên thiết bị biểu thị độ sâu khi luồn điện cực: Chỉ hiển thị sau khi vỏ ống được tháo ra; Khoảng cách giữa các điểm trắng ≤ 1mm; Khoảng cách từ đầu điện cực đến điểm trắng gần nhất ≤ 18.4mm; Đường kính điểm trắng ≤ 2.1mm - Vỏ ống bọc dây điện cực với kích thước: Đường kính đầu vỏ ống ≤ 0.77mm; Chiều dài vỏ ống ≤ 5.5mm; Đường kính gốc vỏ ống ≤ 1.5mm; Đường kính điểm màu trắng trên vỏ ống ≤ 1.45mm; Chiều dài vỏ ống ≤ 28.9mm; Chiều dài tay cầm vỏ ống ≤ 9.5mm - Dụng cụ định hình ốc tai: Đường kính đầu chóp ≤ 0.8 mm; Đường kính gốc ≤ 1.4 mm - Điện cực đặt nằm ngoài ốc tai: Số lượng ≥ 2 (bao gồm Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình trụ đường kính ≤ 0.6mm, dài ≤ 60mm)	3	Bộ	5
30	Bộ dẫn lưu khí, dịch, máu từ trung thất ra ngoài, van 1 chiều, 2300ml	Bộ dẫn lưu khí, dịch, máu từ trung thất ra ngoài - Thiết kế loại 3 khoang, có van điều chỉnh áp lực - Sử dụng van 1 chiều trên dọc tuyến dẫn lưu, van áp lực âm điều chỉnh tay tránh hiện tượng siphon hoặc trào ngược và có vị trí để hút dịch làm xét nghiệm - Thể tích 2300ml - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Bộ	50

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
31	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực 120mbar, 250ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực 120mbar - Chất liệu polyetylen - Dung tích 250ml - Bao gồm 1 vaccum, 1 ống dài 800mm, 1 trocar và ống nối dài 125cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	1.500
32	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực 900mbar, 400ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực 900mbar - Chất liệu PVC - Dung tích bình 400ml, ống nối dài 125cm - Bao gồm 1 bình hút áp lực âm, 1 ống dẫn lưu dài 800mm, và 1 kim đâm xuyên da nối liền với ống dẫn lưu, ống nối có đầu female nối với bình hút có đầu male, đầu bình hút áp lực âm có khóa và lò xo giúp nhận biết áp lực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	600
33	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm 450ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, dạng lò xo nén - Chất liệu silicon - Thiết kế dạng dẹt, có lò xo nén tạo áp lực âm - Duy trì liên tục áp lực hút ở mức thấp - Có van một chiều loại bỏ nguy cơ trào ngược máu/dịch tiết - Dung tích 450ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	Bộ	1.950
34	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm 700ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, dạng lò xo nén, có 2 van một chiều, có nắp xả cuối túi - Chất liệu bằng silicon, nhựa mềm - Bình chứa dung tích 700ml - Dây dẫn dài 650mm, đường kính trong 1.6 - 3.5mm, đường kính ngoài 2.7 - 6.0mm - Vật tư đi kèm 1 trocar và dây treo bình - Tiệt khuẩn	3	Bộ	1.500
35	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ, 100ml	Bộ dẫn lưu vết mổ - Chất liệu bằng silicon - Tích hợp van chống trào ngược chống nhiễm khuẩn, dạng bơm hút chân không, có móc treo tại giường hoặc xách tay - Dung tích 100ml - Tiệt khuẩn	6	Bộ	270
36	Bộ dây bơm cho tay dao 23kHz	Bộ dây bơm cho tay dao 23kHz - Chất liệu bằng Polyvinylclorua - Thiết kế: * Đánh dấu màu phân biệt trên thân máy chính và tay dao * Đánh dấu màu phân biệt cho đường bơm phun dịch và đường hút - Tốc độ tưới nhanh từ 25 - 30ml - Áp lực đáp ứng khoảng 660mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	240
37	Bộ dây bơm cho tay dao 36kHz	Bộ dây bơm cho tay dao 36kHz - Chất liệu bằng nhựa Polyvinylclorua - Thiết kế: * Đánh dấu màu phân biệt trên thân máy chính và tay dao * Đánh dấu màu phân biệt cho đường bơm phun dịch và đường hút - Tốc độ bơm từ 1 - 10ml - Tốc độ tưới nhanh từ 25 - 30ml - Áp lực đáp ứng khoảng 660mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	20
38	Bộ dây dẫn khí 2 bẫy nước dùng cho máy thở, người lớn/trẻ em	Bộ dây dẫn khí 2 bẫy nước dùng cho máy thở, người lớn /trẻ em - Chất liệu Polypropylen (PP) - Đường kính 22mm/15mm, dài 1.6m - Thành ống dạng gợn sóng - Có 5 đoạn ống nối (trong đó có 1 đoạn rời dài 0.8m), 1 co Y có 2 cổng kiểm soát, một co thẳng 22mm M/M, 1 co L 22M/15F có cổng luer lock - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	1.120
39	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê kèm bóng giúp thở, người lớn	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê kèm dây nối bóng giúp thở, người lớn - Chất liệu PVC và PE y tế, cỡ người lớn, dạng dây song song, gợn sóng - Bao gồm : + 02 dây thở co giãn tối đa lên đến 2.0m, đường kính 22mmF + 01 co Y có 2 cổng kiểm soát + 01 co thẳng đường kính 2 đầu 22mm M/M + 01 dây mở rộng dài 0.8 - 1.5m hai đầu có co 22mmF + 01 co nối chữ L 22M/15F có cổng luer lock để lấy mẫu khí đo CO2, dùng cho các loại máy thở - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	3.000

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
40	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, người lớn	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, người lớn - Chất liệu Polypropylen - Thiết kế 2 dây thở co giãn được - Đường kính 22mmF, chiều dài dây khoảng 1.5m - Bộ phận đi kèm: co nối chữ L xoay chiều, có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO ₂ , đường kính 22mmM/15mmF - Kháng trở dòng mức 60 lít/phút khi ống giãn khoảng 2.0 mbar - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	16.950
41	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em - Chất liệu PE và PVC - Gồm 2 dây thở co giãn tối đa 1.5m, đường kính 15mm, co nối có cổng lấy mẫu khí đo CO ₂ , đoạn ống dài 0.8m đường kính 22mm hai đầu có co 22mmF - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	450
42	Bộ dây thở Mapleson người lớn	Bộ dây thở Mapleson người lớn - Bao gồm + 01 dây thở cố định dài 1.8m + 01 van APL 30M xả ra + 01 bóp bóng giúp thở 2 lít có móc treo + 01 co chữ L cỡ 22M - 15F + 01 nắp đậy an toàn + 01 co nối thẳng dẻo, mềm, trong suốt cỡ 6 - 9mm/15F phù hợp mọi loại máy + 01 co nối thẳng 15F- 22F - Mức kháng trở tại mức 7 lít/phút là 1.6mbar (áp lực tối đa) - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	115
43	Bộ dây thở Mapleson trẻ em	Bộ dây thở Mapleson trẻ em - Bao gồm + 01 dây thở cố định dài 1.8m + 01 dây thở cố định 0.4m + 01 van APL 30M xả ra + 01 bóp bóng giúp thở 0.5 lít + 01 co chữ L cỡ 22M - 15F, có cổng đo ETCO ₂ + 01 nắp đậy an toàn + 01 co nối thẳng dẻo, mềm, trong suốt cỡ 6 - 9mm/15F phù hợp mọi loại máy + 01 co nối thẳng 15F- 22F - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	50
44	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn - Chất liệu tổng hợp - Bao gồm hai cảm biến, hai thiết bị xả, bộ dây truyền tĩnh mạch chia đôi (macro drip), hai bộ dây nối chịu áp lực dài 48"(122cm) và 12"(30cm), bốn khóa ba ngã. - Phạm vi đo huyết áp -50 đến +300 mm Hg - Nhiệt độ hoạt động 15° đến 40°C - Độ nhạy 5.0µ V/V/mm Hg ± 1% - Phi tuyến tính và độ trễ ± 1.5% hoặc ± 1mm Hg - Trở kháng kích thích 350 ohms ± 10% - Trở kháng tín hiệu 300 ± 5% - Độ lệch chuẩn ± 25 mm Hg - Độ lệch chuẩn bởi nhiệt ± 0.3 mm Hg/°C - Độ lệch đầu ra ± 1 mm Hg mỗi 8 giờ sau 20 giây khởi động - Độ nhạy lệch do nhiệt ± 0.1%/°C - Dao động tự nhiên 40 Hz bình thường cho bộ đo tiêu chuẩn (48"/12"), > 200 Hz cho riêng bộ cảm biến - Sự rò rỉ < 2µ amps tại 120V RMS 60 Hz - Quá áp cho phép -500 tới +5000 mm Hg - Có nút Snap-tab có thể nắm dễ dàng và kéo 360 độ để thử nghiệm sóng vuông. Vỏ đầu nối chống nước, gắn vào thiết bị mà không cần chân nối. Đầu nối được mạ vàng giúp đảm bảo việc truyền tín hiệu có độ chính xác cao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy EV1000	4	Bộ	50

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
45	Bộ đón bé chào đời	Bộ đón bé chào đời - Chất liệu 100% cotton - Cấu hình chi tiết (07 hạng mục): * Áo sơ sinh 01 cái (dây cột ngang áo) * Tã sơ sinh 01 cái * Nón 01 cái * Bao tay, bao chân 01 bộ * Khăn lông quần bé 70 x 140 cm: 01 cái * Khăn sữa 02 cái * Khăn gạc lau dịch tiết 80 x 100 cm: 01 cái - Lưu ý: * Logo bệnh viện ĐHYD TPHCM được in/thêu trên nón, áo và khăn bông quần bé màu xanh dương; * Cung cấp số lượng 50% màu xanh dành cho bé trai và 50% màu hồng dành cho bé gái * Chất liệu mềm, mịn, không ra màu khi ngâm nước - Tiệt khuẩn	6	Bộ	6.800
46	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch 20G, 22G, dài 80mm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đo huyết áp động mạch xâm lấn - Kim bằng thép không gỉ, đường kính 0.8mm và 0.95mm, dài 50mm - Catheter bằng Fluorinated ethylene propylene (FEP), cỡ 20G và 22G dài 80mm, khóa luer lock để cố định - Dây dẫn đường bằng thép không gỉ, dài 25cm, 1 đầu cứng và 1 đầu mềm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	5.750
47	Bộ gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm cỡ 18G dài 50/100mm	Bộ gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm - Chất liệu catheter bằng polyamid trong suốt - Bộ bao gồm: Kim 18G dài 50/100mm, Catheter cỡ 20G dài 50/90cm, dụng cụ cố định catheter với màng lọc, kẹp nối catheter, màng lọc 0.2 micromet, dây nối tiêm thuốc - Đặc điểm: Kim mặt vát, hiển thị tốt dưới siêu âm, có vạch đánh dấu trên thân kim, mũi kim trần kích thích chính xác, cấp nối luer, catheter cân quang, có vạch đánh dấu, lỗ mở trung tâm cho phép dòng chảy tốt và liên tục - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	100
48	Bộ gây tê ngoài màng cứng kết hợp tủy sống, cỡ 18G x 3 1/4"	Bộ gây tê ngoài màng cứng kết hợp tủy sống - Kim bằng thép không gỉ, đầu cong 18G dài 3 1/2", kim gây tê tủy sống 27G dài 5" - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh chắc chắn, dễ cầm ngay cả khi đeo găng ướt - Catheter cỡ 20G bằng polyamid không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cân quang ngầm - Đầu nối catheter dạng nắp bật, tránh tình trạng vận quá mức gây tắc catheter - Có bơm tiêm giảm kháng lực giúp xác định khoang màng cứng dễ dàng và chính xác - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron có miếng dán cố định bộ lọc - Có khay đựng các phụ kiện kèm theo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	4	Bộ	15
49	Bộ gây tê ngoài màng cứng, cỡ 18G x 3 1/4"	Bộ gây tê ngoài màng cứng - Kim bằng thép không gỉ, đầu cong, 18G x 3 1/4" - Catheter cỡ 20G bằng polyamid và polyurethan dài 1000mm, đầu thuôn nhỏ dần, có đường ngầm cân quang, đầu nối dạng nắp bật - Có bơm tiêm giảm kháng lực giúp xác định khoang màng cứng dễ dàng và chính xác - Màng lọc 0.2 micron có miếng dán cố định bộ lọc - Bơm tiêm 2/10/20 ml luer lock - Có khay đựng các phụ kiện kèm theo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	5.050
50	Bộ khăn cắt đốt nội soi đoạn qua niệu đạo	Bộ khăn cắt đốt nội soi đoạn qua niệu đạo - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43gsm, chống thấm nước đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3, chống thấm cồn - Kích thước 180/180cm x 240cm - Bao gồm: 1 Khăn trái bàn dụng cụ 140 x 200cm 2 Khăn thấm 30 x 40cm Có bao phủ chỉ Có túi chứa dịch lỏng với màng lọc và ống nối Có băng keo y tế - Thiết kế lỗ tròn 7cm với màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo, dính chặt, lỗ bầu dục 8 x 5cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	550

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
51	Bộ khăn chụp mạch não	Bộ khăn chụp mạch não - Chất liệu vải không dệt cao cấp SMMMS từ 43 - 50gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Các đường nối được ép bằng sóng cao tần - Cấu hình bao gồm (21 hạng mục): * 1 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300cm * 1 khăn chụp mạch vành 3 lỗ 240 x 370cm * 1 bao kính chắn chì 80 x 90cm (có thun) * 1 tấm phủ chắn chì 140 x 150cm * 1 bao chụp đầu đèn M; 1 bao remote 10 x 26cm * 1 khăn lót 50 x 60cm * 1 khăn phủ vùng sinh dục 15 x 30cm * 1 chén nhựa xanh 1000ml * 2 chén nhựa 100ml; 1 chén nhựa 50ml * 1 bơm tiêm luer lock 10ml; 2 bơm tiêm thường 10ml * 10 gạc cotton 12 lớp * 1 kim chích 23G; 1 kim chích 18G * 2 que thấm betadine 19cm * 2 áo phẫu thuật L 135 (h) x 160 (w) * 10 khăn thấm 30 x 40cm * 2 khay nhựa 20 (L) x 10 (w) x 6(H) * 1 khay nhựa lớn 35cm x 43cm x 11cm Có máng chứa dịch bên phía thủ thuật viên đứng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	Bộ	3.000
52	Bộ khăn chụp mạch vành	* 1 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300cm * 1 khăn chụp mạch vành 3 lỗ * 1 bao kính chắn chì 80 x 90cm (có dây thun) * 1 tấm phủ chắn chì 140 x 150cm * 1 bao chụp đầu đèn M * 1 bao remote 10 x 26cm * 1 khăn lót 50 x 60cm * 1 khăn phủ vùng sinh dục 15 x 30cm * 1 chén nhựa xanh 1000ml * 2 chén nhựa 100ml * 1 chén nhựa 50ml * 1 bơm tiêm luer lock 10ml * 1 bơm tiêm thường 10ml * 10 gạc cotton 12 lớp * 1 kim chích 23G * 1 kim chích 18G * 2 que thấm betadine 19cm * 2 áo phẫu thuật L 135 (h) x 160 (w) * 10 khăn thấm 30 x 40cm * 2 khay nhựa 20 (L) x 10 (w) x 6(H)C - Có máng chứa dịch bên phía thủ thuật viên đứng - Các đường nối được ép bằng sóng cao tần - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	3.000
53	Bộ khăn gậy tê ngoài màng cứng	Bộ khăn gậy tê ngoài màng cứng, bao gồm: - 1 khay có 4 ngăn chứa dung dịch - 3 gạc không dệt 8 lớp - 5 gòn viên đường kính 3cm - 1 kẹp bông sát khuẩn dài 19cm - 1 khăn có lỗ tròn 8cm 100 x 100cm chất liệu vải bán thấm - 1 khăn thấm 33 x 40cm - 1 khăn trải bàn dụng cụ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	2.000
54	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ L 140 x 200cm 2 Khăn mổ thận lấy sỏi qua da 200 x 270cm 1 Khăn có keo 80 x 200cm 2 Khăn thấm 30 x 40cm 1 Bao chụp đầu đèn size L đường kính 75cm Màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo dính chặt Túi chứa dịch lỏng với màng lọc và co nối - Thiết kế lỗ 15 x 15cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	70

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
55	Bộ khăn phẫu thuật chi	Bộ khăn phẫu thuật chi - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 50gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ L 140 x 200cm 1 Băng keo 9 x 50cm 1 Khăn phẫu thuật chi 240 x 310cm 1 Khăn hình chữ T có lỗ dẫn hồi đường kính 6cm Có vị trí cố định các ống dây 1 Khăn tiếp cận 80 x 100cm 1 Khăn thấm 30 x 40cm 1 Bao chi dưới 28 x 85cm chất liệu vải bán thấm thiết kế chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	1.000
56	Bộ khăn phẫu thuật ghép gan	Bộ khăn phẫu thuật ghép gan - Chất liệu vải bán thấm cao cấp 62gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới, có vùng thấm hút đặc biệt xung quanh phẫu trường - Bao gồm: 2 Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMS 200 x 300cm 4 Khăn thấm 30 x 40cm 1 Khăn phủ bàn mayo 2 lớp được cấu tạo từ plastic và được gia cố lớp bán thấm 80cm x 145cm 1 Khăn phẫu thuật ghép gan chất liệu thấm mặt trên 200/285 x 380cm có vùng phẫu trường 70 x 100cm, có vùng siêu thấm và băng keo 1 băng keo 9 x 50cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	30
57	Bộ khăn phẫu thuật hiển gan	Bộ khăn phẫu thuật hiển gan - Chất liệu vải bán thấm cao cấp chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới - Bao gồm: 2 Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMS 200 x 300cm 4 Khăn thấm 30 x 40cm 1 Khăn phủ bàn mayo 2 lớp được cấu tạo từ plastic và được gia cố lớp bán thấm 80 x 145cm 1 Băng keo 9 x 50cm 1 Khăn phủ đầu 150 x 250cm 1 Khăn phủ chân 180 x 200cm 2 Khăn phủ bên 80x 98cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	100
58	Bộ khăn phẫu thuật mạch vành	Bộ khăn phẫu thuật mạch vành - Bao gồm: 2 khăn trải bàn dụng cụ L 140 x 200cm 1 khăn trải bàn dụng cụ 120x120cm, bằng vải không dệt SMMMS 43gsm 1 khăn phủ vùng sinh dục 19x35cm 6 khăn có keo 80x120cm, bằng vải không dệt SMMMS 50gsm 1 khăn phủ đầu 170x 230/280cm 1 khăn phủ chân 160x230cm 2 khăn phủ bên 100x150cm, bằng vải không dệt SMMMS 50gsm 2 khăn không keo thấm 30x35cm 1 khăn phủ dụng cụ 150x160cm 1 khăn phủ dụng cụ có keo 100x200cm 1 túi dụng cụ 35x40cm 1 túi kim chỉ 18x20cm: plastic trong 2 băng keo OP 9x50cm 1 khăn trải bàn L 140x200cm: plastic - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	90
59	Bộ khăn phẫu thuật mắt	Bộ khăn phẫu thuật mắt, - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp 43gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn bằng đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ 50 x 80cm 1 Khăn phẫu thuật mắt 100 x 100cm có túi chứa dịch và màng phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	800

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
60	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp gối	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp gối - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ L 140 x 200cm 1 Khăn nội soi khớp gối 240 x 270cm Có túi chứa dịch chứa tối thiểu 54 lít 2 Băng keo 9 x 50cm 2 Khăn thấm 30 x 40cm 1 Bao chỉ dưới 28 x 85cm, chất liệu vải bán thấm thiết kế chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	600
61	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp vai	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp vai - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ L 140 x 200cm 1 Khăn U plastic 160 x 230cm, rãnh hình chữ U 12 x 75 cm có dán băng keo y tế 1 Khăn nội soi khớp vai có túi chứa dịch 160 x 230cm, có ống nối 1 Băng keo 9 x 50cm 1 Bao chỉ trên 23 x 60cm, chất liệu vải bán thấm thiết kế chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài 2 Khăn thấm 30 x 40cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	350
62	Bộ khăn phẫu thuật sọ	Bộ khăn phẫu thuật sọ - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 50gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ L 140 x 200cm 1 Khăn phẫu thuật sọ 250 x 300cm, với vùng thấm mỏng vừa đủ kích thước 40 x 45cm Lỗ 20 x 25cm với màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo, dính tốt Túi chứa dịch lỏng có nút xả (không có dây, miệng túi 70cm, cao 40cm) Tấm cố định ống dẫn 1 Khăn đa dụng 70 x 160cm 4 Khăn có keo 45 x 60cm 1 Băng keo 9 x 50cm 2 Khăn thấm 30 x 40cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	500
63	Bộ khăn phẫu thuật tim hở	Bộ khăn phẫu thuật tim hở - Chất liệu vải không dệt SMMMS, chống tĩnh điện, chống thấm nước, chống thấm cồn - Kích thước: Gồm 2 khăn trải bàn dụng cụ L 200 x 280cm, 1 khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35cm, 5 khăn có keo 100 x 120cm, 1 khăn phủ đầu 200 x 250cm, 1 khăn phủ chân 300 x 350cm, 2 khăn phủ bên 100 x 140cm, 2 khăn không keo thấm 30 x 35cm, 2 khăn không keo 100 x 100cm, 1 túi dụng cụ 40 x 35 cm, 1 túi kim chỉ 15 x 20cm, 2 băng keo 10 x 50cm, 4 khăn thấm 30 x 40cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	5	Bộ	350
64	Bộ khăn phẫu thuật tim hở trẻ em	Bộ khăn phẫu thuật tim hở trẻ em - Chất liệu vải không dệt, không thấm máu và cồn, không bụi vải, chống tĩnh điện - Kích thước gồm: 2 khăn phủ bàn dụng cụ 165 x 200 cm, 1 khăn phủ vùng sinh dục 12 x 20 cm, 2 khăn không keo thấm 30 x 35cm, 1 túi dụng cụ 35 x 40cm, 6 băng keo 10 x 50cm, 2 khăn phủ bên 80 x 120cm, 1 khăn phủ dưới chân 200 x 200cm, 1 khăn phủ trên đầu 150 x 230cm, 4 khăn có keo 60 x 90cm, 4 khăn thấm 40 x 57cm, 1 khăn phủ dụng cụ 150 x 160cm, 1 khăn không keo 90 x 100cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Bộ	150
65	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ L 140 x 200cm 1 Băng keo 9 x 50cm 4 Khăn thấm 30 x 40cm 1 Khăn phủ đầu 160 x 250cm, có phần gia cố bằng vải siêu thấm 2 Khăn phủ bên 100 x 120cm, có phần gia cố bằng vải siêu thấm 1 Khăn phủ chân 180 x 200cm, có phần gia cố bằng vải siêu thấm 1 Túi kim chỉ 1 Màng phẫu thuật 28 x 30cm chất liệu PU mỏng dẻo, dính tốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Bộ	1.600

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
66	Bộ khăn sanh mổ có túi	Bộ khăn sanh mổ có túi - Chất liệu vải bán thấm cao cấp từ 62 - 70gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới, có vùng thấm hút đặt biệt xung quanh phẫu trường, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 4 - Các đường nối được ép bằng sóng cao tần - Cấu hình chi tiết bao gồm (05 hạng mục): * 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200cm * 1 Khăn sanh mổ có túi chứa dịch 240 x 455cm chất liệu vải bán thấm, với màng phẫu thuật 30 x 32cm chất liệu PU mỏng dẻo, dính chặt khi phẫu thuật, xung quanh túi có vùng thấm đặc biệt * 4 Khăn thấm 30 x 40cm * 2 Khăn em bé 60 x 100cm * 1 Khăn lót nôi 98 x 120cm (chất liệu vải bán thấm mềm mại, chỉ thấm mặt trên) - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tiệt khuẩn	5	Bộ	5.900
67	Bộ khăn sanh thường	Bộ khăn sanh thường - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS từ 43 - 50gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Các đường nối được ép bằng sóng cao tần - Cấu hình chi tiết bao gồm (06 hạng mục): * 1 khăn trải bàn dụng cụ 120 x 140cm * 2 tấm phủ 80 x 100cm có keo dán * 2 khăn lau bé 80 x 80cm * 3 khăn lót bán thấm 80 x 80cm * 1 khăn lót bán thấm 60 x 60cm * 1 túi chứa dịch 80 x 120cm có vạch chia chính xác từng ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Bộ	3.000
68	Bộ khăn vùng hậu môn và âm đạo	Bộ khăn vùng hậu môn và âm đạo - Chất liệu vải không dệt 6 lớp SMMMMS 45 - 50gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện - Cấu hình chi tiết: * 2 x Khăn thấm 30 x 40cm * 1 x Băng keo cố định ống dây 10 x 50cm * 1 x Khăn phụ khoa 180/230 x 240cm có lỗ, có băng keo xung quanh lỗ và túi chứa dịch * 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200cm - Các đường nối được ép bằng sóng cao tần - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Bộ	50
69	Bộ mở da dây qua da bơm bóng loại thay thế bằng silicon, cỡ 24Fr, dài 24.6cm	Bộ mở da dây qua da bơm bóng loại thay thế, bơm bóng 20cc - Chất liệu bằng silicon - Cỡ 24Fr dài 24.6cm - Bao gồm 1 khóa xoay, 2 bơm tiêm 10ml luer có sẵn dung dịch, 2 gel bôi trơn tan trong nước, 1 bolster - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	30
70	Bộ mở da dây qua da kèm thuốc tê bằng silicon, cỡ 24Fr, đường kính 5.5mm, dài 150cm	Bộ mở da dây qua da kèm thuốc tê - Chất liệu bằng silicon - Cỡ 24Fr, đường kính 5.5mm, dài 150cm - Bao gồm: 1 bộ drape; 1 thông lộn; 5 cái gạc 4x4cm; 1 kéo; 1 dụng cụ cầm máu; 1 trục đỡ; 1 kẹp ống; 1 bộ chuyển; 2 khóa xoay; 1 dây cáp; 1 bộ nối male; 1 bolster; 2 túi gel bôi trơn hòa tan trong nước; 1 kim 22G; 1 kim 25G; 1 gạc vệ sinh; 1 thuốc mỡ povidone; 1 thuốc tê Xylocaine 1%, 1 ống bơm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	40
71	Bộ nong cho tán sỏi mật qua da	Bộ nong cho tán sỏi mật qua da - Chất liệu bằng nhựa - Dạng thẳng, có đầu thuôn dần để nong rộng đường hầm - Kích cỡ 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr - Tiệt khuẩn	3	Bộ	50
72	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bàng quang qua da, cỡ 8 - 16Fr	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bàng quang qua da - Chất liệu 100% silicon, trơn láng - Kích cỡ 8 - 16Fr, dài 35 - 40cm - Bao gồm 01 ống thông tiêu 2 nhánh có bóng dung tích 5 - 10ml, 01 cây chọc dò trocar, 01 lưỡi dao rạch - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Bộ	100
73	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm công bằng - Sử dụng được ≥ 95 lần - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy Harmonic hiện có tại bệnh viện	4	Cái	15

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
74	Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh	- Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh (dịch, máu...) cho người bệnh - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Gồm bình chứa 120ml với bộ lọc 250 micron và bộ lọc kỵ nước để loại bỏ khí, cụm đầu 3 dây lấy dịch, bộ trao đổi nhiệt, ngăn áp suất và bộ khử khí, dây nối người bệnh dài 54" với cổng tiêm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2 đang có tại BV	3	Bộ	20
75	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu, dùng cho tay dao 23kHz	- Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu - Chất liệu nhựa y tế, giắc nối 3 chân đồng tương thích ổ cắm monopolar tiêu chuẩn trên các loại dao mổ điện thông dụng - Tương thích với tay dao mổ siêu âm 23kHz cho phép phẫu thuật siêu âm và cầm máu bằng điện cùng một lúc, ngay trên cùng 1 tay dao - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	80
76	Bơm tiêm chứa 50ml dung dịch pha sẵn dùng bơm nhỏ giọt bằng quang	- Bơm tiêm chứa 50ml dung dịch pha sẵn dùng bơm nhỏ giọt bằng quang * Thành phần: - Hyaluronic acid (dạng muối natri) 1.6% - 800mg/50ml - Sodium chondroitin sulphate (2% - 1g/50ml) - Calcium chloride dihydrate (0.87% - 440mg/50ml) - Nước tinh khiết 100% - Tiệt khuẩn	3	Ông	140
77	Bóng gây mê 0.5 - 3 lít dùng 1 lần	- Bóng gây mê dùng cho máy gây mê dùng 1 lần, có hoặc không móc treo cuối đuôi bóng - Chất liệu nhựa Polypropylen - Thể tích từ 0.5 - 3 lít - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	85
78	Bóng kéo sợi 3 kênh dùng kéo sợi ống mật chủ	- Bóng kéo sợi 3 kênh dùng để kéo sợi ống mật chủ - Có 3 kênh làm việc: dây dẫn, kênh bơm bóng và kênh bơm dung dịch cản quang - Đường kính bóng tối đa 20mm, đường kính đầu cuối 5.5Fr, chiều dài làm việc 1900mm, phù hợp kênh làm việc đường kính 3.2mm, có 2 dải cản quang ở đầu và cuối bóng - Bộ phận đi kèm 3 bơm tiêm 15mm/18mm/20mm - Có đánh dấu ở cuối dụng cụ (V-marking), có phần kết nối với ống soi (C-hook) - Tương thích ống soi tá tràng TJF - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	110
79	Bóng nong đường mật, đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ từ 8 - 10 - 12mm	- Bóng nong đường mật - Chất liệu Pebax, siêu bền, không thấm nước - Đường kính dây dẫn bóng 7 - 8Fr, dài 160 - 180cm, chiều dài bóng 5 - 6cm, đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ từ 8 - 10 - 12mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích dây dẫn 0.035"	3	cái	30
80	Bóng nong thực quản, tá tràng, đại trực tràng, đường kính bóng 8 - 20mm	- Bóng nong thực quản, tá tràng, đại trực tràng 3 mức bơm 12mm, 15mm, 18mm, có dây dẫn - Đường kính bóng 8 - 20mm - Chiều dài bóng ≥ 5,5cm - Áp suất bóng 2 - 8atm (30-120 psi) - Chiều dài catheter ≥ 240cm - Đường kính catheter ≥ 8Fr - Kênh làm việc ≥ 2.8mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	8
81	Buồng tiêm đa năng đặt cố định lâu dài dưới da	- Buồng tiêm đa năng đặt cố định lâu dài dưới da - Vỏ bằng titanium hoặc nhựa - Đường kính nền 29/30mm - Chiều cao 11.2 - 11.7mm - Thể tích trong 0.6ml - Cho phép truyền được chất cản quang, cản từ trực tiếp - Tốc độ truyền tối đa 5ml/giây - Catheter cỡ 8Fr, làm bằng silicon, đầu đóng van 3 chiều ngăn máu chảy vào gây tắc nghẽn - Chụp được dưới CT và MRI - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	25
82	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 5Fr	- Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Bằng titanium - Catheter cỡ 5Fr, đường kính ngoài 1.68mm, dài 70cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích chụp CT và cộng hưởng từ MRI	3	Bộ	10
83	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 8.5Fr	- Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Bằng titanium, phủ silicon - Catheter 8.5Fr, đường kính trong 1.6mm - Chịu được truyền áp lực cao 22.4bar - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với môi trường MRI	3	Bộ	40

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
84	Cảm biến đo hoạt động não khi gây mê toàn thân hoặc an thần dùng cho trẻ em	Cảm biến đo hoạt động não khi gây mê toàn thân hoặc an thần dùng cho trẻ em - Chất liệu bằng Polycarbonate - Tấm đệm bằng đồng và hợp kim đồng, có chất cách nhiệt - Mạch linh hoạt mang hình in Polyester với dung môi Ag/AgCl và dung môi đã được xử lý - Gel điện cực dạng chất lỏng - Đĩa điện bằng nhựa, Miếng xốp điện bột polyurethane/polyester + Điện cực 1/32inch bột trắng Polyethylene, 2 mặt được phủ chất kết dính dùng trong y tế - Kích thước 26.7cm x 2.8cm - Trọng lượng 3.2g - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy BIS monitor	ng phân n	Cái	150
85	Cảm biến theo dõi độ sâu gây mê sử dụng 1 lần cho người lớn	Cảm biến theo dõi độ sâu gây mê sử dụng 1 lần cho người lớn Chất liệu bằng Polycarbonate + Tấm đệm bằng đồng và hợp kim đồng, có chất cách nhiệt + Mạch linh hoạt mang hình in Polyester với dung môi Ag/AgCl và dung môi đã được xử lý + Gel điện cực dạng chất lỏng + Đĩa điện bằng nhựa + Miếng xốp điện bột Polyurethane/polyester + Điện cực 1/32inch bột trắng Polyethylene, 2 mặt được phủ chất kết dính dùng trong y tế - Kích thước 27.94cm x 2.8cm - Trọng lượng 3.7g - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy BIS monitor	ng phân n	Cái	450
86	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng - Chất liệu PVC - Đầu ống 3mm, dài 5 - 5.2cm - Thân có chấn phóng xạ, đầu nối vận xoắn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	50
87	Catheter đo cung lượng tim liên tục, cỡ 7.5Fr, dài 110cm	Catheter đo cung lượng tim liên tục đo các chỉ số CCO/SVO2/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)DV - Catheter bằng Polyvinylchlorua (PVC) - Cỡ 7.5Fr, dài 110cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với monitor Vigilantiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	45
88	Catheter lấy huyết khối các cỡ 2Fr - 7Fr	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Chất liệu bóng cao su, catheter bằng Pebax - Có vạch đánh dấu độ sâu - Kích cỡ 2Fr - 7Fr dài 80cm - Đường kính bóng 4.5 - 14mm - Thể tích bóng 0.05 - 1.75ml - Tiêu chuẩn ISO/ tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	65
89	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch bằng Pebax, đường kính 6 - 14mm	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Chất liệu bóng cao su, catheter bằng Pebax - Có vạch đánh dấu độ sâu - Kích cỡ 2 - 7Fr dài 80cm - Đường kính bóng 6 - 14mm - Thể tích bóng 0.2 - 1.75ml - Dây dẫn 0.018 - 0.038" - Hai dải chắn bức xạ ở hai đầu gần và xa của bóng tăng cường khả năng hiển thị dưới huỳnh quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	50
90	Chất làm đầy dành cho vùng da trung bì	Chất làm đầy da vùng mặt để xóa các nếp nhăn tĩnh vùng mắt mức độ nặng, tiêm lớp giữa của trung bì - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo 20mg/ml, Lidocain 3mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat vừa đủ - Dạng gel vô khuẩn, trong suốt, phân hủy sinh học của acid hyaluronic ổn định - Kim bằng thép không gỉ, thành mỏng, cỡ 29G - Đóng gói trong ống tiêm bằng thủy tinh - Hiệu quả cải thiện lâm sàng sau khi tiêm kéo dài 9 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Ống	80

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
91	Chất làm đầy dành cho vùng da trung bì sâu	Chất làm đầy da vùng mặt để xóa các nếp nhăn tĩnh mức độ nặng vùng mặt (cho đối tượng da dày), tiêm lớp sâu của trung bì sâu - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo 20mg/ml. Lidocain 3mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat vừa đủ - Dạng gel vô khuẩn, trong suốt, phân hủy sinh học của acid hyaluronic ổn định không có nguồn gốc động vật - Kim bằng thép không gỉ, thành mỏng, cỡ kim 27G - Hiệu quả cải thiện lâm sàng sau khi tiêm kéo dài 12 tháng - Đóng gói trong ống tiêm bằng thủy tinh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Ống	92
92	Chất làm đầy dành cho vùng mặt	Chất làm đầy dành cho vùng mặt để làm tăng thể tích của mô mặt, điều chỉnh thể tích của mặt, má hóp - Thành phần Hyaluronic acid liên kết chéo 20mg/ml, Lidocain hydrochlorid 3mg/ml (tương đương 0,3% lidocain), dung dịch muối đệm phosphat vừa đủ - Dạng gel vô khuẩn, trong suốt, phân hủy sinh học của acid hyaluronic ổn định không có nguồn gốc động vật - Đóng gói trong ống tiêm bằng thủy tinh - Kim bằng thép không gỉ, kim 27G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	hộp	50
93	Chất làm đầy dành cho vùng mặt, tiêm vào lớp dưới hạ bì sắt xương	Chất làm đầy dành cho vùng mặt, tiêm vào lớp dưới hạ bì sắt xương, dùng để phục hồi thể tích khuôn mặt - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo dạng gel 20mg/ml và lidocain 3mg. Dung dịch đệm phosphate pH 7,2 - Thể tích ống 1ml - Đặc tính một chất gel acid hyaluronic liên kết chéo sinh lý, vô khuẩn, không có chất gây sốt, không có nguồn gốc động vật, Gel được đóng trong 1 ống tiêm bơm đẩy sẵn, dùng 1 lần - 04 Kim tiêm bằng thép không gỉ, cỡ 27G 1/2inch - Hiệu quả kéo dài 24 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	6	Ống	50
94	Chất làm đầy lớp sâu của chân bì hoặc niêm mạc môi	Chất làm đầy được dùng tiêm vào lớp sâu của chân bì hoặc niêm mạc môi - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo dạng gel 17.5 mg/ml và lidocain 3mg, dung dịch đệm phosphate pH 7,2 - Thể tích ống 1ml - Đặc tính gel acid hyaluronic liên kết chéo sinh lý, không có chất gây sốt, không có nguồn gốc động vật, đóng trong 1 ống tiêm bơm đẩy sẵn - 04 Kim tiêm bằng thép không gỉ, cỡ 30G 1/2inch - Hiệu quả kéo dài 18 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	1	Ống	50
95	Chất làm đầy nếp nhăn và xóa thâm vùng mắt, bọng dưới mắt	Chất làm đầy nếp nhăn và xóa thâm vùng mắt, bọng dưới mắt - Thành phần: Hyaluronic acid 15mg/ml bán liên kết chéo, 0,3% Lidocaine hydrochloride và muối phosphat, hỗn hợp 8 amino acid, 3 chất chống oxy hóa, Vitamin B6, 2 khoáng chất. - Đặc điểm: Dạng gel nhẹ, có đặc tính nhớt, đàn hồi cho phép sản phẩm lan đều trên vùng điều trị, được chứa trong 2 ống tiêm, mỗi ống 1ml, trong suốt, không gây sốt - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 30G 1/2" - Hiệu quả cải thiện lâm sàng sau khi tiêm kéo dài 9 - 12 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Ống	40
96	Chất làm đầy trẻ hóa da	Chất làm đầy trẻ hóa da được dùng để phục hồi cân bằng nước cho da, cải thiện cấu trúc da và độ đàn hồi của da, tiêm vào lớp bì của da - Thành phần Hyaluronic acid liên kết chéo 20mg/ml. Lidocain hydrochlorid 3mg/ml (tương đương 0,3% lidocain). Dung dịch muối đệm phosphat vừa đủ - Dạng gel vô khuẩn, trong suốt, phân hủy sinh học của acid hyaluronic ổn định - Kim bằng thép không gỉ, thành mỏng, cỡ 29G - Hiệu quả cải thiện lâm sàng sau khi tiêm kéo dài 6 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Ống	70
97	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da trung bì	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da trung bì, tái tạo, khắc phục vết thâm và khiếm khuyết bề mặt ở vùng mặt và các khu vực khác cơ thể - Thành phần hoạt chất Hyaluronic acid ổn định 16mg/ml; Sodium Chloride, Phosphate buffer, nước cất 1ml - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 33G, dài 4mm - Dạng gel tinh khiết, trong suốt, đóng trong ống tiêm bằng thủy tinh 1ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Ống	45

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
98	Chất làm đầy và làm ấm dành cho vùng hạ bì	Chất làm đầy và làm ấm, tái tạo cấu trúc vùng da mặt, cổ, đường viền cổ, dành cho vùng da hạ bì - Thành phần: Hyaluronic acid 15mg/ml bán liên kết chéo, 0.3% Lidocaine hydrochloride và muối phosphat, hỗn hợp 8 amino acid, 3 chất chống oxy hóa, Vitamin B6, 2 khoáng chất. - Đặc điểm: Dạng gel, được chứa trong 2 ống tiêm, mỗi ống 1ml, trong suốt, không gây sốt, gồm hyaluronic acid bán liên kết chéo không có nguồn gốc động vật và 0.3% lidocaine hydrochloride - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 30G 1/2" - Hiệu quả cải thiện làm sáng sau khi tiêm kéo dài 4 - 6 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Ống	200
99	Chất làm đầy vùng hõm da	Chất làm đầy da mục đích làm đầy vùng hõm da tự nhiên và thứ phát cho vùng da trung bì sâu - Thành phần chính 32mg (H-HA) + 32mg (L-HA) muối natri axit hyaluronic, thành phần khác: natri clorua, natri photphat và nước vừa đủ 2ml - Dung dịch trong suốt, phân hủy sinh học của acid hyaluronic ổn định không có nguồn gốc động vật - Hiệu quả cải thiện làm sáng sau khi tiêm từ 6 - 9 tháng - Đóng gói trong ống tiêm thủy tinh - Kim 29G x 1/2 bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Hộp	50
100	Chất làm đầy vùng xương gò má, cằm	Chất làm đầy da vùng xương gò má, cằm - Thành phần Hyaluronic Acid liên kết chéo 25 mg/ml - Lidocaine hydrochloride 0,3%, Dung dịch đệm Phosphate pH 7.3 vừa đủ - Đặc điểm gel vô trùng, trong suốt, không có nguồn gốc động vật, được chứa trong 2 ống tiêm, mỗi ống 1.2ml - Kim bằng thép không gỉ, cỡ kim 25G 1" - Hiệu quả cải thiện làm sáng sau khi tiêm kéo dài 9 - 20 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Ống	12
101	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco thành phần Sodium hyaluronate	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco - Thành phần Sodium hyaluronate 1.5% - Độ pH 6.8 - 7.6 - Độ thẩm thấu 300 - 360(mOsmol/kg) - Chỉ số dẻo 133 - Độ nhớt 295.000mPa.s - Hệ số phân tán/kết dính(CDI) 44 - Trọng lượng phân tử 2.9mega - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Ống	400
102	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco tổng hợp Sodium hyaluronate, Sodium chondroitin sunfate	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco - Thành phần: * 1 ống 0.4ml chứa 1% sodium hyaluronate * 1 ống 0.35ml chứa 3% sodium hyaluronate * 4% Sodium chondroitin sunfate - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương đương Duovisc	3	Ống	100
103	Chất nhầy phẫu thuật nội nhãn, thành phần Hyaluronate Sodium 1.8%	Chất nhầy phẫu thuật nội nhãn - Thành phần Hyaluronate Sodium 1.8%, trọng lượng phân tử trung bình 3.2 triệu Dalton, độ nhớt 2 triệu mPas, độ thẩm thấu 200 - 400 mosmol/kg và độ pH 6.8 - 7.6 - Thể tích 0.85ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Ống	400
104	Chỉ khâu không tiêu bằng nylon, đơn sợi, 10/0 dài 30cm, 2 kim tròn đầu cắt 3/8C	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi khâu kết mạc, giác mạc và củng mạc - Chỉ bằng nylon 10/0 dài 30cm - 2 kim tròn đầu cắt bằng thép không gỉ, 3/8C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	84
105	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 16mm, miếng đệm 3x3mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ba lá - Chỉ Polyester, số 2/0, dài 75cm - 2 kim tròn, 16mm, 1/2C - Miếng đệm bằng PTFE 3x3mm - Tiệt khuẩn, đóng gói tép/8 sợi: 4 sợi xanh, 4 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	36
106	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 17mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ba lá - Chỉ bằng Polyester, 2/0, dài 75cm phủ silicon - 2 kim tròn, bằng thép không gỉ, 17mm, 1/2C - Tiệt khuẩn, đóng gói tép/8 sợi: 4 sợi xanh, 4 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	144

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
107	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 17mm, miếng đệm 6x3mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, 2/0, dài 75cm phủ silicon - 2 kim tròn, bằng thép không gỉ, 17mm, 1/2C, miếng đệm bằng PTFE 6x3mm - Tiệt khuẩn, đóng gói tếp/8 sợi: 4 sợi xanh, 4 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tếp	72
108	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 20mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ Polyester, số 2/0, dài 75cm - 2 kim tròn, 20mm, 1/2C - Tiệt khuẩn, đóng gói tếp/10 sợi: 5 sợi xanh, 5 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tếp	120
109	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 20mm, miếng đệm 7x3mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ Polyester, số 2/0, dài 75cm - 2 kim tròn, 20mm, 1/2C - Miếng đệm bằng PTFE 7x3mm - Tiệt khuẩn, đóng gói tếp/10 sợi: 5 sợi xanh, 5 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tếp	60
110	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 22mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, 2/0, dài 75cm phủ silicon - 2 kim tròn, bằng thép không gỉ, 22mm, 1/2C - Tiệt khuẩn, đóng gói tếp/8 sợi: 4 sợi xanh, 4 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tếp	402
111	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 22mm, miếng đệm 6x3mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, 2/0, dài 75cm phủ silicon - 2 kim tròn, bằng thép không gỉ, 22mm, 1/2C, miếng đệm bằng PTFE 6x3mm - Tiệt khuẩn, đóng gói tếp/8 sợi: 4 sợi xanh, 4 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tếp	168
112	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 22mm, miếng đệm mềm 6x3mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, 2/0, dài 75cm phủ silicon - 2 kim tròn, bằng thép không gỉ, 22mm, 1/2C, miếng đệm mềm bằng PTFE 6x3mm - Tiệt khuẩn, đóng gói tếp/8 sợi: 4 sợi xanh, 4 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tếp	168
113	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 3/0 75cm 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C 16mm	Chỉ khâu không tiêu đa sợi, sửa van, thay van - Chỉ bằng Polyester, 3/0, dài 75cm, chịu lực suốt vòng đời, phủ silicon - 2 kim tròn đầu nhọn 3/8C, bằng hợp kim thép không gỉ chống gỉ, 16mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tếp	144
114	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 3/0 90cm 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2C 20mm	Chỉ khâu không tiêu đa sợi, sửa van, thay van - Chỉ bằng Polyester, 3/0, dài 90cm, chịu lực suốt vòng đời, phủ silicon - 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C, bằng hợp kim thép không gỉ chống gỉ, 20mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tếp	1.080
115	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 13mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 5/0 dài 75cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 13mm, 1/2C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tếp	180
116	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi, khâu mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 5/0 dài 90cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 17mm, 1/2C, kim phủ silicon, kim có thể khâu qua mô nhiều lần mà không bị cùn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tếp	2.268
117	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, , 7/0 dài 60cm. 2 kim tròn đầu nhọn dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 7/0 dài 60cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 9.3mm, 3/8C, hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tếp	264

TT	Tên danh mục mới chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
118	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 10/0 dài 20cm, 2 kim thẳng	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu treo thủy tinh thể vào cùng mạc - Chỉ bằng Polypropylene 10/0 dài 20cm - 2 kim thẳng bằng thép không gỉ, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	96
119	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 2/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu cắt, dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene số 2/0, dài 90cm, chất phủ Polyethylen glycol - 2 kim tròn đầu cắt dài 26mm, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), 1/2C, kim phủ silicon, kim có thể khâu qua mô nhiều lần mà không bị cùn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	2.230
120	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 2/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu cắt, dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 2/0 dài 90cm, không tan giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim Ethaloy dài 26mm, 1/2C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	1.080
121	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 3/0 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2C 26mm	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 3/0, dài 90cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 26mm, 1/2C, kim phủ silicon, kim có thể khâu qua mô nhiều lần mà không bị cùn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tép	648
122	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 3/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 3/0 dài 90cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethaloy dài 26mm, 1/2C, hệ thống cánh bảo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	385
123	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 3/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu nhọn dài 31mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 3/0 dài 90cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethaloy dài 31mm, 1/2C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	264
124	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 4/0 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2C 22mm	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 4/0, dài 90cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 22mm, 1/2C, kim phủ silicon, kim có thể khâu qua mô nhiều lần mà không bị cùn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tép	1.476
125	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 4/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 4/0 dài 75cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethaloy dài 17mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon giữ độ sắc của kim 58% qua nhiều lần đâm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	60
126	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 4/0, dài 90cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 17mm, 3/8C, phủ silicon, kim có thể khâu qua mô nhiều lần mà không bị cùn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	108
127	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 4/0 dài 90cm; 2 Kim tròn đầu nhọn dài 20mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 4/0 dài 90cm, không tan giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethaloy dài 20mm, 1/2C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	540
128	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng polypropylene, 4/0, 90cm 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C 17mm	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 4/0 dài 90cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Ethaloy, dài 17mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	24

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
129	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 5/0 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2C 13mm	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 5/0, dài 75cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 13mm, 1/2C, kim phủ silicon, kim có thể khâu qua mô nhiều lần mà không bị cùn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tép	684
130	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 5/0 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C 13mm	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 5/0, dài 90cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 13mm, 3/8C, kim phủ silicon, kim có thể khâu qua mô nhiều lần mà không bị cùn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tép	1.368
131	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 5/0 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C 17mm	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 5/0, dài 90cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 17mm, 3/8C, kim phủ silicon, kim có thể khâu qua mô nhiều lần mà không bị cùn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	792
132	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 5/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 5/0 dài 90cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 17mm, 1/2C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	720
133	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 6/0 dài 60cm, 2 Kim tròn đầu nhọn dài 11mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 11mm, 3/8C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	372
134	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 6/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 6/0 dài 60cm, không tan giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 9.3mm, 3/8C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	1.212
135	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 13mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 6/0 dài 75cm, không tan giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 13mm, 3/8C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	744
136	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 9mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 6/0, dài 75cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 9mm, 3/8C, kim phủ silicon, kim có thể khâu qua mô nhiều lần mà không bị cùn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tép	1.872
137	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 7/0 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C 8mm	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 7/0, dài 60cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim thép không gỉ, 8mm, 3/8 C, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	900
138	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 8/0 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C 6mm	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 8/0, dài 60cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 6mm, 3/8C, kim phủ silicon, kim có thể khâu qua mô nhiều lần mà không bị cùn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tép	828

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
139	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 8/0 dài 45cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 6.5mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 8/0 dài 45cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 6.5mm, 3/8C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	36
140	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, số 0 dài 100cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 31mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 0 dài 100cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 1 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 31mm, 1/2C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	144
141	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng polypropylene, số 1 dài 100cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 45mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 1 dài 100cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 1 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim Ethalloy dài 45mm, 1/2C, hệ thống cánh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	1.008
142	Chỉ khâu không tiêu polyamid đơn sợi, 5/0 dài 80cm, 2 kim tròn đầu cắt 3/8C, 12mm, miếng đệm 2x3.5mm	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi dùng để đóng bụng tim - Chỉ bằng Polyamid, 5/0, dài 80cm, có miếng đệm 2x3.5mm - 2 kim tròn đầu cắt, 12mm, 3/8C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	180
143	Chỉ khâu không tiêu polyamid đơn sợi, 6/0, dài 80cm, 2 kim tròn dài 10mm 3/8C, miếng đệm 2x3.5mm	Chỉ khâu không tiêu dùng để đóng bụng tim, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, 6/0, dài 80cm, có miếng đệm 2x3.5mm - 2 kim tròn, 10mm, 3/8C, phủ silicon - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	324
144	Chỉ khâu không tiêu Polyamid, đơn sợi, 2/0 dài 75cm, 1 kim tam giác, dài 24mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2/0, dài 75cm, 1 kim tam giác, 3/8C 24mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 31.39N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	7.718
145	Chỉ khâu không tiêu Polyamid, đơn sợi, 2/0 dài 75cm, 1 kim thẳng dài 60mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu da - Chỉ bằng Polyamid, 2/0 dài 75cm - 1 kim thẳng bằng thép không gỉ, dài 60mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Tép	812
146	Chỉ khâu không tiêu Polyamid, đơn sợi, 3/0 dài 75cm, 1 kim tam giác dài 24mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu da - Chỉ bằng Polyamid, số 3/0, dài 75cm - 1 kim tam giác dài 24mm, 3/8C, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	5.700
147	Chỉ khâu không tiêu Polyamid, đơn sợi, 3/0 dài 75cm, 1 kim tam giác, dài 24mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu da - Chỉ bằng Polyamid, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8C 24mm, làm bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 15.50N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	20.284
148	Chỉ khâu không tiêu Polyamid, đơn sợi, 4/0 dài 45cm, 1 kim tam giác, dài 19mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu da - Chỉ bằng Polyamid, số 4/0, dài 45cm - 1 kim tam giác dài 19mm, 3/8C, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tép	900
149	Chỉ khâu không tiêu Polyamid, đơn sợi, 4/0 dài 75cm, 1 kim tam giác, dài 19mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 4/0, dài 75cm, 1 kim tam giác, 3/8C 19mm, làm bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 9.81N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	5.936

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
150	Chỉ khâu không tiêu Polyamid, đơn sợi, 5/0 dài 75cm, 1 kim tam giác, dài 16mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 5/0, dài 75cm, 1 kim tam giác, 3/8C 16mm, làm bằng thép không gỉ phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 6.67N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	3.168
151	Chỉ khâu không tiêu Polyamid, đơn sợi, 6/0 dài 45cm, 1 kim tam giác, dài 12mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, 6/0, dài 45cm, 1 kim tam giác, 3/8C 12mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 3.04N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	338
152	Chỉ khâu không tiêu Polyamid, đơn sợi, 9/0 dài 13cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 5.1mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi, khâu mạch máu - Chỉ bằng Polyamid số 9/0 dài 13cm - 1 kim tròn đầu nhọn dài 5.1mm 3/8C, bằng hợp kim Ethalloy, phủ lớp silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	60
153	Chỉ khâu không tiêu Polyamide, đơn sợi số 1, dài 75cm, 1 kim tam giác, 30mm 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 1, dài 75cm, kim tam giác, 3/8C 30mm, làm bằng thép không gỉ phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 50.33N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	2.448
154	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene số 2/0, 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, 26mm	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn 1/2C, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 29.14N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	504
155	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene, số 3/0, 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, 26mm	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 3/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2C 26mm, làm bằng thép không gỉ phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 17.66N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	540
156	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene, số 4/0, 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, 17mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn 1/2C, 17mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 11.58N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	72
157	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene, số 4/0, 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, 22mm	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2C 22mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 11.58N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	1.128
158	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene, số 5/0, 75cm, 2 kim tròn, 1/2C, 13mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn 1/2C 13mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 7.16N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	468
159	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene, số 5/0, 75cm, 2 kim tròn, 3/8C, 13mm	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8C 13mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 7.16N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	684
160	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene, số 5/0, 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, 17mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn 1/2C, 17mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 7.16N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	tép	756
161	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene, số 6/0 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn, dài 10mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, 6/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 3/8C 10mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 3.53N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	864

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
162	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene, số 7/0, 75cm, 2 kim tròn, 3/8C, 10mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 7/0, dài 75cm, 2 kim tròn 3/8C, 10mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 1.86N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	72
163	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethyleneglycol, đơn sợi, 6/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 13mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethyleneglycol, 6/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 13mm, 3/8C, bằng hợp kim Suralloy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tép	1.080
164	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 2/0 dài 70 - 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên, đa sợi khâu mô mềm, - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 2/0, dài 70 - 75cm, thời gian chịu lực 1 năm, giới hạn độ bền kéo đứt 1.44 Kgf, phủ sáp - 1 kim tròn đầu nhọn bằng thép không gỉ, dài 26mm, 1/2C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	2.764
165	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 2/0 dài 70 - 75cm, 1 kim tam giác, dài 24mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên, đa sợi khâu mô mềm - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 2/0, dài 70-75cm, thời gian chịu lực 1 năm, giới hạn độ bền kéo đứt 1.44 Kgf, phủ sáp - 1 kim tam giác bằng thép không gỉ, dài 24mm, 3/8C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	11.478
166	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 2/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 25mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 2/0 dài 75cm, phủ sáp, 1 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 25mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	2.000
167	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 3/0 dài 70 - 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi khâu mô mềm, - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 3/0, dài 70-75cm, thời gian chịu lực 1 năm, giới hạn độ bền kéo đứt 0,96 Kgf, phủ sáp - 1 kim tròn đầu nhọn bằng thép không gỉ, dài 17mm, 1/2C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	1.224
168	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 3/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 20mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 3/0 dài 75cm, phủ sáp - 1 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 20mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	4.800
169	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 4/0 dài 70 - 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 13mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên, đa sợi khâu mô mềm - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 4/0, dài 70 -75cm, thời gian chịu lực 1 năm, giới hạn độ bền kéo đứt 0,60 Kgf, phủ sáp - 1 kim tròn đầu nhọn bằng thép không gỉ, dài 13mm, 3/8C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	600
170	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 5/0 dài 70 - 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 13mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên, đa sợi khâu mô mềm, - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 5/0, dài 70 - 75cm, thời gian chịu lực 1 năm, giới hạn độ bền kéo đứt 0,40 Kgf, phủ sáp - 1 kim tròn đầu nhọn bằng thép không gỉ, dài 13mm, 3/8C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	600
171	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng tơ tằm số 8/0 dài 45cm, 2 kim hình thang 3/8C dài 6mm	Chỉ khâu không tiêu trong phẫu thuật mắt - Chỉ bằng tơ tằm số 8/0, dài 45cm - 2 kim hình thang, 3/8C dài 6mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	tép	144

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
172	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng tơ tằm, 2/0 dài 75cm, 1 kim tam giác 3/8C 24mm	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi - Chỉ bằng tơ tằm, 2/0, dài 75cm, phủ silicon hoặc sáp ong - 1 Kim tam giác, bằng thép, 24mm, 3/8C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Tép	1.164
173	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng tơ tằm, 3/0 dài 75cm, 1 kim tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên, đa sợi khâu mô mềm - Chỉ bằng tơ tằm số 3/0 dài 75cm - 1 Kim tròn dài 26mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	Tép	672
174	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng tơ tằm, số 0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi khâu mô mềm - Chỉ bằng tơ tằm số 0 dài 75cm - 1 Kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	5	Tép	2.168
175	Chỉ khâu liên kim các loại, cỡ 17G	Chỉ khâu liên kim dùng năng cơ thâm mỹ, dùng 1 lần - Chất liệu chỉ Polydioxanone (PDO) - Có chốt nhựa giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - Cỡ chỉ 3-0, dài 180mm - 1 kim đầu tù bằng thép, phủ silicon - Cỡ kim 17G, dài 100mm - Đốc kim nhựa - Thời gian tiêu 6 - 8 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Hộp	10
176	Chỉ khâu liên kim các loại, cỡ 21G	Chỉ khâu khâu thâm mỹ tự tiêu liên kim dùng năng cơ thâm mỹ, dùng 1 lần - Chất liệu chỉ Polydioxanone (PDO) - Có chốt nhựa giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - Cỡ chỉ 3-0, dài 300mm - 2 kim đầu tù bằng thép, phủ silicon - 2 kim 21G, Chiều dài 100mm - Đốc kim nhựa - Thời gian tiêu 6 - 8 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Hộp	10
177	Chỉ khâu liên kim các loại, cỡ 27G	Chỉ khâu khâu thâm mỹ tự tiêu liên kim ứng dụng điều trị và trẻ hóa làn da, dùng 1 lần - Chất liệu chỉ Polydioxanone (PDO) - Cỡ chỉ 5-0 chiều dài chỉ 70mm - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ - 1 kim đầu nhọn, sử dụng loại thép không gỉ, phủ silicon - Cỡ kim 27G, dài 40mm - Đốc kim nhựa - Thời gian tiêu 6 - 8 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Hộp	40
178	Chỉ khâu liên kim dùng điều trị và trẻ hóa làn da cỡ 29G 40mm/50mm	Chỉ khâu liên kim ứng dụng điều trị và trẻ hóa làn da, dùng 1 lần - Chỉ bằng Polydioxanone (PDO), 6-0, dài 50mm - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ phủ silicon, 29G, dài 40mm - Đốc kim sử dụng nhựa tay cầm - Thời gian tiêu 6 - 8 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	6	Cây	28.700
179	Chỉ khâu liên kim dùng điều trị và trẻ hóa làn da cỡ 29G 50mm/70mm, chỉ tròn không gai	Chỉ khâu liên kim ứng dụng điều trị và trẻ hóa làn da, dùng 1 lần - Chỉ bằng Polydioxanone (PDO), 6-0, dài 70mm - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ phủ silicon, 29G, dài 50mm - Đốc kim bằng nhựa tay cầm - Thời gian tiêu 6 - 8 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	6	Cây	2.200
180	Chỉ khâu liên kim dùng điều trị và trẻ hóa làn da cỡ 31G 30mm/30mm	Chỉ khâu liên kim ứng dụng điều trị và trẻ hóa làn da, dùng 1 lần - Chỉ bằng Polydioxanone (PDO), 7-0, dài 30mm - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, phủ silicon, 31G, dài 30mm - Đốc kim sử dụng nhựa tay cầm - Thời gian tiêu 6 - 8 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	6	Cây	18.600

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
181	Chỉ khâu liên kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, 3/0 kim 18G, dài 100mm/185mm	Chỉ khâu liên kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, dùng 1 lần - Chất liệu chỉ Polydioxanone (PDO) - Có chốt nhựa giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - Cờ chỉ: 3-0, dài 185mm - 1 kim đầu tù bằng thép, phủ silicon, 18G, dài 100mm - Đốc kim nhựa - Thời gian tiêu 6 - 8 tháng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Ông	230
182	Chỉ khâu liên kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, cỡ kim 18G, dài 100mm/185mm	Chỉ khâu liên kim dùng nâng cơ thẩm mỹ - Chỉ bằng Polydioxanone (PDO), 0-0, dài 185mm - Có nút xóp giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - Độ bền khi kéo ≥ 0.35 kgf, thử nghiệm độ dai ≥ 0.45 kgf - Hàm lượng nước ≤ 500 ppm - Đơn phân còn sót $\leq 1\%$ - Kim loại nặng ≤ 10 ppm - Kim đầu tù kiểu chữ L, bằng thép không gỉ, 18G, dài 100mm - Thời gian tiêu 6 - 8 tháng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	6	Cây	64
183	Chỉ khâu liên kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, cỡ kim 19G, dài 100mm/165mm	Chỉ khâu liên kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, dùng 1 lần - Chất liệu chỉ Polydioxanone (PDO) - Có chốt nhựa giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - Cờ chỉ 3-0, chiều dài 165mm - 1 Kim đầu tù bằng thép, phủ silicon, 19G, dài 100mm - Đốc kim nhựa - Thời gian tiêu 6 - 8 tháng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Ông	100
184	Chỉ khâu tiêu bằng polyglecaprone 25, đa sợi 4/0 dài 45cm, 1 kim tam giác, dài 19mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone 25, 4/0 dài 45cm, chịu lực 50% sau 7 ngày, 20% sau 14, tiêu hoàn toàn 90 - 120 ngày - 1 kim tam giác bằng hợp kim Ethalloy dài 19mm, 1/2C, kim phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	756
185	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Collagen đơn sợi số 2/0 dài 75cm, 1 kim tròn 1/2C dài 36mm	Chỉ khâu tiêu chậm đơn sợi - Chỉ bằng sợi Collagen bền xoắn, tinh khiết, làm từ lớp thanh mạc ruột bò, số 2/0 dài 75cm. Giữ vết khâu tốt từ 14 - 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày - 1 kim tròn 1/2C dài 36mm, kim bằng thép cứng, không gỉ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	5	Tép	2.266
186	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Collagen đơn sợi số 4/0 dài 37cm 2 kim tam giác 3/8C dài 12mm	Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi dùng khâu da, niêm mạc... - Chỉ bằng sợi Collagen bền xoắn, tinh khiết, làm từ lớp thanh mạc ruột bò số 4/0, dài 37cm, được đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng. giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày, tan hoàn toàn trong 90 ngày - 2 kim tam giác, bằng thép không gỉ, 3/8C, dài 12mm, phủ silicon - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	5	Tép	480
187	Chỉ khâu tiêu chậm bằng collagen số 3/0, 75cm, 1 kim tam giác, 3/8C, 26mm	Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi - Chỉ bằng collagen thiên nhiên tinh khiết, có tẩm muối chrome, số 3/0, dài 75cm, sợi chỉ tròn đều, mềm dẻo, dễ uốn dễ thắt nút - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, phủ silicon, 3/8C dài 26mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	5	tép	4.506
188	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Collagen, đơn sợi số 2/0, dài 75cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 26mm	Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi dùng khâu da, sản phụ khoa... - Chỉ bằng sợi Collagen bền xoắn, tinh khiết, làm từ lớp thanh mạc ruột bò số 2/0, dài 75cm, được đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng. giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 90 ngày - 1 kim tròn bằng thép không gỉ, 1/2C, dài 26mm, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	5	tép	230
189	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Collagen, số 1/0, dài 75cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 40mm	Chỉ khâu tiêu chậm đơn sợi dùng khâu da, sản phụ khoa - Chỉ bằng sợi Collagen bền xoắn, tinh khiết, làm từ lớp thanh mạc ruột bò, số 1/0, dài 75cm, được đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng. Giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn 90 ngày - 1 Kim tròn bằng thép không gỉ, không cong, không gãy, 1/2C dài 40mm, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	5	Tép	640

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
190	Chỉ khâu tiêu chậm bằng collagen, số 4/0, dài 75cm, 1 kim tròn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm đơn sợi - Chỉ bằng sợi Collagen bền xoắn, tinh khiết, làm từ lớp thanh mạc ruột bò, số 4/0, dài 75cm - 1 kim tròn 1/2C, dài 26mm bằng thép không gỉ, không cong, không gãy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Tép	5.032
191	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, đơn sợi, 3/0 dài 30cm 1 kim tròn đầu nhọn, 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, có gai số 3/0, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài 30cm, thời gian giữ vết thương 2 tuần, tiêu hoàn toàn 90 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng Surgalloy 26mm, 1/2C, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	120
192	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, đơn sợi, 4/0 dài 15cm, 1 kim tròn đầu nhọn, 17mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, có gai số 4/0 dài 15cm, thời gian giữ vết thương 2 tuần, tiêu hoàn toàn 90 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng Surgalloy 17mm, 3/8C, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	240
193	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Glycomer 631, số 1, dài 90cm, 1 kim tròn đầu nhọn, 1/2C dài 37mm	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer 631 (gồm 60% glycolide, 14% dioxanone, 26% trimethylene carbonate), số 1, dài 90 cm, độ bền nút ≥ 2 tuần và khoảng 40% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn sau 90 - 110 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn, phủ silicon, 1/2C dài 37mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	tép	360
194	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Glycomer 631, số 2/0, dài 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn, 1/2C dài 26mm	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer 631 (gồm 60% glycolide, 14% dioxanone, 26% trimethylene carbonate), số 2/0, dài 75cm, độ bền nút ≥ 2 tuần và khoảng 40% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn sau 90 - 110 ngày - 1 Kim tròn đầu nhọn phủ silicone, 1/2C dài 26mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	tép	1.600
195	Chỉ khâu tiêu chậm bằng poly 4 hydroxybutyrate, đơn sợi, 1 dài 90cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 40mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, thành bụng - Chỉ bằng Poly - 4 - hydroxybutyrate số 1, chỉ dài 90cm, kim tròn 1/2C, kim tròn 40mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 74.07N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	120
196	Chỉ khâu tiêu chậm bằng poly 4 hydroxybutyrate, đơn sợi, số 0 dài 90cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 40mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, thành bụng - Chỉ bằng Poly - 4 - hydroxybutyrate số 0, chỉ dài 90cm, kim tròn 1/2C, kim tròn 40mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 52.97N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	204
197	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanon 3/0 dài 70cm, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần, 70% sau 4 tuần, 60% sau 6 tuần, tiêu hoàn toàn 182 - 238 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 26mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	984
198	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 2/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá - Chỉ bằng polydioxanon 2/0 dài 70cm, giữ lực khâu tốt trong 60 - 90 ngày, tiêu hoàn toàn 180 - 210 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Tép	144

TT	Tên danh mục môi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
199	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 2/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloid dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanon 2/0 dài 70cm, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần, 70% sau 4 tuần, 60% sau 6 tuần, tiêu hoàn toàn 182 - 238 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloid dài 26mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	372
200	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 4/0 dài 30cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanon 4/0 dài 30cm, chịu lực 67% sau 2 tuần, 50% sau 4 tuần, 37% sau 6 tuần, tiêu hoàn toàn 182 - 238 ngày, chất kháng khuẩn Triclosan, chỉ dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%, 1 đầu tự khoá linh hoạt - 1 kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Tép	60
201	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu nhọn bằng ethalloid dài 20mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanon, 4/0 dài 70cm, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần, 40% sau 4 tuần, 35% sau 6 tuần, tiêu hoàn toàn 182 - 238 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloid dài 20mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	5.052
202	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 20mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu đường tiêu hoá, mật tụy - Chỉ bằng polydioxanon 4/0 dài 70cm, giữ lực khâu tốt trong 60- 90 ngày, tiêu hoàn toàn 180 - 210 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn dài 20mm, 1/2C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	756
203	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanon, 5/0 dài 90cm, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần, 40% sau 4 tuần, 35% sau 6 tuần, tiêu hoàn toàn 182 - 238 ngày - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloid dài 17mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	840
204	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 6/0 dài 70cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanon, 6/0, dài 70cm, lực giữ vết mổ $\geq 60\%$ sau 2 tuần, $\geq 40\%$ sau 4 tuần, $\geq 35\%$ sau 6 tuần, tiêu hoàn toàn 182 - 238 ngày - 2 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloid dài 9.3mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	1.080
205	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 7/0 dài 70cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanon, 7/0 dài 70cm, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần, 40% sau 4 tuần, 35% sau 6 tuần, tiêu hoàn toàn 182 - 238 ngày - 2 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim Ethalloid dài 9.3mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	768
206	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, số 1 dài 45cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 40mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanon, số 1 dài 45cm, lực giữ vết mổ 75% sau 2 tuần, 65% sau 4 tuần, 55% sau 6 tuần, tiêu hoàn toàn 182 - 237 ngày, chất kháng khuẩn Triclosan, 1 đầu tự khoá hình chữ nhật, có 2 hàng neo ép đối xứng, 5 neo/1cm - 1 kim tròn đầu nhọn dài 40mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	120
207	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polyglycaprone, đơn sợi 3/0 dài 20cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglycaprone, số 3/0 dài 20cm, 62% sau 1 tuần, 27% sau 2 tuần, tiêu hoàn toàn 90 - 120 ngày, chất kháng khuẩn Triclosan, chỉ dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%, 1 đầu tự khoá linh hoạt - 1 kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Tép	240
208	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglyconate số 0, dài 90cm, 1 kim tròn, 1/2C, 40mm	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglyconate thành phần copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate, số 0, sợi chỉ dài 90cm, tiêu hoàn toàn sau 180 ngày - 1 kim tròn phủ silicon, 1/2C dài 40mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	tép	220

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
209	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglyconate, đơn sợi có gai số 0, dài 30cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 37mm	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglyconate thành phần copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate, có gai số 0, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài 30cm, thời gian giữ vết thương 21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn 180 ngày - 1 kim tròn bằng Suralloy 37mm, 1/2C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	tép	200
210	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglyconate, đơn sợi có gai số 2/0, dài 30cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 26mm	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglyconate thành phần copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate, có gai đầu tù, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, số 2/0, dài 30cm - 1 kim tròn bằng Suralloy 26mm, 1/2C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	72
211	Chỉ khâu tiêu nhẹ bằng Polyglactin 910 số 2/0, 90cm, kim tròn 1/2C, 37mm	Chỉ khâu tiêu nhanh tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin 910 áo bao poly(glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 2/0, dài 90cm - Kim tròn, 1/2C, 37mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 24.59N, sức căng kéo giảm 50% sau 5 ngày, 100% sau 14 ngày, tiêu hoàn toàn sau 42 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	4.000
212	Chỉ khâu tiêu nhẹ bằng polyglactin 910 số 2/0, 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2C, 36mm	Chỉ khâu tiêu nhanh tổng hợp đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin 910 phủ bọc polygalactin 370 và calcium stearat, số 2/0, dài 90cm - Kim tròn đầu cắt bằng hợp kim Ethalloy dài 36mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	tép	3.552
213	Chỉ khâu tiêu nhẹ bằng polyglactin 910, đa sợi, 3/0 dài 45cm, 1 kim tam giác, dài 22mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu nhanh tổng hợp, đa sợi khâu da, mô dưới da - Chỉ bằng polyglactin 910, 3/0 dài 45cm - 1 kim tam giác bằng hợp kim Ethalloy dài 22mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ silicon - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	156
214	Chỉ khâu tiêu nhẹ bằng Polyglactin 910, đa sợi, 4/0 dài 75cm, 1 Kim tam giác ngược, dài 19mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu nhanh tổng hợp đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin 910 được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, lực căng giữ vết thương 50% sau 5 ngày, tiêu hoàn toàn 42 ngày - 1 kim tam giác ngược bằng thép Ethalloy, phủ silicon, 19mm, 3/8C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	2.240
215	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Glyconate, 3/0 dài 70cm. 1 kim tròn đầu nhọn, dài 22mm. 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 3/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C 22mm, bằng thép không gỉ, phủ silicone, lực căng kéo nút thắt 28.66N, sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tiêu hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	360
216	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Glyconate, đơn sợi số 4/0, dài 45cm, 1 kim thép không gỉ 3/8C dài 19mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene), số 4/0, dài 45cm, 1 kim bằng thép không gỉ, phủ silicon, 3/8C, 19mm, lực căng kéo nút thắt 17.87N, sức căng kéo giảm 50% sau 6 - 7 ngày, tiêu hoàn toàn sau từ 56 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	tép	648
217	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Glyconate, số 2/0, dài 70cm, 1 kim tròn, 1/2C dài 26mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 2/0, dài 70 cm, độ bền còn 50% sau 13 - 14 ngày, tiêu hoàn toàn 60 - 90 ngày - 1 kim tròn 1/2C, dài 26mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	tép	1.000
218	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Glyconate, số 4/0, dài 70cm, 1 kim tròn, 1/2C dài 22mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 4/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C 22mm, bằng thép không gỉ, phủ silicone, lực căng kéo nút thắt 20.75N, sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tiêu hoàn toàn sau 60 - 90 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	72
219	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer 9-1 đa sợi, 1, dài 90cm. 1 kim tròn đầu nhọn, 40mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, đạt lực khỏe bằng 140% USP, số 1 dài 90cm - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	6.012

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
220	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng lactomer 9-1 số 4-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn, 1/2C, 26mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate, số 4/0, dài 75cm - Kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	2.196
221	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer 9-1, đa sợi số 0, dài 90cm, 1 kim tròn đầu nhọn 1/2C, dài 40mm	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, đạt lực khô bằng 140% USP, số 0 dài 90cm - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	tép	4.232
222	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer 9-1, đa sợi, 2/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, đạt lực khô bằng 140% USP, số 2/0 dài 75cm - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	972
223	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer 9-1, đa sợi, 3/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, đạt lực khô bằng 140% USP, số 3/0 dài 75cm - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	3.132
224	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Polyglactin 910, đa sợi số 0 dài 90cm, 1 kim tròn 1/2C dài 40mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 0, chỉ dài 90 cm, kim tròn, 1/2C 40mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 51.66N, sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 - 70 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	tép	500
225	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Polyglactin 910, đa sợi số 1 dài 90cm, 1 kim tròn 1/2C dài 40mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 1, chỉ dài 90cm, kim tròn, 1/2C 40mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 66.30N, sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 - 70 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	1.416
226	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Polyglactin 910, đa sợi số 2/0 dài 70cm, 1 kim tròn 1/2C dài 26mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 2/0, dài 70 cm, kim tròn 1/2C 26mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 38.84N, sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 - 70 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	540
227	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Polyglactin 910, đa sợi số 3/0 dài 70cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 3/0, dài 70 cm, kim tròn 1/2C 26mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 22.04N, sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 - 70 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	230
228	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 2/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910, số 2/0 dài 70cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày, được bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn - 1 kim tròn đầu nhọn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy, phủ silicon, dài 26mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	4.711
229	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 22mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910, số 3/0 dài 70cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày, được bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn - 1 kim tròn đầu nhọn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 22 mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	2.500

TT	Tên danh mục mới chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
230	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910, số 3/0 dài 70cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày, được bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn - 1 kim tròn đầu nhọn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy, phủ silicon, dài 26mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	7.652
231	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 4/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược, dài 16mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910 được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 4/0 dài 45cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày - 1 kim tam giác ngược bằng thép Ethalloy, phủ silicon, dài 16mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	4	Tép	300
232	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 22mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910, bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn, số 4/0 dài 70cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn bằng hợp kim Ethalloy dài 22mm, 1/2C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	3.250
233	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 5/0 dài 45cm, 1 kim tam giác dài 16mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910 được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, số 5/0 dài 45cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày - 1 kim tam giác bằng thép Ethalloy, phủ silicon, dài 16mm 3/8C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	180
234	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 5/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910 được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, số 5/0 dài 75cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tự tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn bằng Ethalloy có phủ silicon, dài 17mm 1/2C - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	828
235	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 6/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược, dài 11mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, số 6/0 dài 45cm, lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày - 1 kim tam giác ngược dài 11mm 3/8C, bằng thép Ethalloy, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	180
236	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 6/0 dài 45cm, 1 kim tròn đầu nhọn, dài 13mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910 được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 6/0 dài 45cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn bằng thép Ethalloy, phủ silicon, dài 13mm 1/2C - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	36
237	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, số 1, dài 70cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 31mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910, số 1 dài 70cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày, được bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn - 1 kim tròn đầu nhọn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicon, dài 31mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	4.104
238	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, số 1, dài 90cm, 1 kim tròn đầu nhọn dài 40mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910, chỉ số 1 dài 90cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày, được bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn - 1 kim tròn đầu nhọn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy, phủ silicon, dài 40mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	3.996

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
239	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Polyglactin 910, đa sợi, số 5/0, dài 70 cm, có phủ chất kháng khuẩn, 1 kim tròn đầu nhọn, 17mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin 910, calcium stearate, có chất kháng khuẩn, số 5/0 dài 70cm, độ bền kéo chỉ còn 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn từ 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu nhọn dài 17mm 1/2C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	544
240	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, số 1, dài 70cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 30mm, phủ Chlorhexidine Diacetate (CHD)	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi kháng khuẩn - Chỉ bằng Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt phủ Chlorhexidine Diatiêu chuẩn Châu Âu (CE)tate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 1, chỉ dài 70cm, kim tròn, 1/2C 30mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt $\geq 49.8N$, sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 - 70 ngày - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	1	Tép	840
241	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, số 1, dài 90cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 40mm, phủ Chlorhexidine Diacetate (CHD)	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp đa sợi kháng khuẩn - Chỉ bằng Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt phủ Chlorhexidine Diatiêu chuẩn Châu Âu (CE)tate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 1, dài 90cm, kim tròn 1/2C, 40mm bằng thép không gỉ, phủ silicon, giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt $\geq 49.8 N$, sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 - 70 ngày - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	1	Tép	840
242	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, số 2/0 70cm, kim tròn 1/2C, 26mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi kháng khuẩn - Chỉ bằng Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt phủ Chlorhexidine Diatiêu chuẩn Châu Âu (CE)tate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 2/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C, 26mm, bằng thép không gỉ, phủ silicon, giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt $\geq 26.3 N$, sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 - 70 ngày - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	1	Tép	960
243	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, số 3/0 70cm, kim tròn 1/2C, 26mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi kháng khuẩn - Chỉ bằng Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt phủ Chlorhexidine Diatiêu chuẩn Châu Âu (CE)tate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2C, 26mm bằng thép không gỉ, phủ silicon, giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt $\geq 17.4N$, sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 - 70 ngày - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	1	Tép	3.600
244	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, số 4/0 dài 75cm, 1 kim tam giác, dài 16mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910 được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày - 1 kim tam giác bằng thép Ethalloy dài 16mm 3/8C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	180
245	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, số 4/0, 70cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 22mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi kháng khuẩn - Chỉ bằng Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt phủ Chlorhexidine Diatiêu chuẩn Châu Âu (CE)tate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 4/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C, bằng thép không gỉ, phủ silicon, giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt $\geq 9.32 N$, sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 - 70 ngày - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	1	Tép	720
246	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglytone 6211, đơn sợi, số 4/0 75cm, 1 kim tam giác, 3/8C 19mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đơn sợi, khâu da thẩm mỹ - Chỉ bằng Polyglytone 6211 Glycolide, Caprolactone, Trimethylene carbonate, Lactide, số 4/0, dài 75cm, giữ vết thương 10 ngày, chịu lực sau 5 ngày (lực giữ còn 50 - 60%), tiêu hoàn toàn sau 55 - 60 ngày - 1 kim tam giác, 19mm, 3/8C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tép	900
247	Chỉ khâu tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 2/0, dài 58 - 60cm, không kim	Chỉ khâu tiêu tự nhiên, đa sợi, không kim - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 2/0, dài 58 - 60cm, thời gian chịu lực 1 năm, giới hạn độ bền kéo đứt 1.44 Kg, phủ sáp - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	1.452
248	Chỉ khâu tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 2/0, dài 60 - 62cm, không kim	Chỉ khâu tiêu tự nhiên đa sợi - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 2/0, tép 13 sợi dài 60 - 62cm, phủ sáp, không kim - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	960

TT	Tên danh mục môi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
249	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 3/0, dài 58 - 60cm, không kim	Chỉ không tiêu tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 3/0 dài 58 - 60cm, thời gian chịu lực 1 năm, giới hạn độ bền kéo đứt 0,96 Kgf, phủ sáp, không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	3.180
250	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 3/0, dài 60 - 62cm, không kim	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 3/0, tép 13 sợi dài 60 - 62cm, phủ sáp, không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	1.000
251	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 4/0, dài 58 - 60cm, không kim	Chỉ không tiêu tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 4/0, dài 58 - 60cm, thời gian chịu lực 1 năm, giới hạn độ bền kéo đứt 0,60 Kgf, phủ sáp, không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	600
252	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 5/0, dài 58 - 60cm, không kim	Chỉ không tiêu tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 5/0, dài 58 - 60cm, thời gian chịu lực 1 năm, giới hạn độ bền kéo đứt 0,40 Kgf, phủ sáp, không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	420
253	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng tơ tằm, đa sợi số 1, dài 150cm, không kim	Chỉ không tiêu tự nhiên, đa sợi - Chất liệu tơ tằm, số 1, dài 150cm, phủ silicon hoặc sáp ong, không kim - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Tép	1.000
254	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu bằng silicone, màu vàng	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon, màu vàng - Kích thước 2 sợi dài 40 - 45cm, rộng 1 - 1.5mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	120
255	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu bằng silicone, màu xanh	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon, màu xanh - Kích thước 1 sợi dài 70 - 75cm, rộng 2 - 2.5mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	480
256	Chỉ nâng đỡ, màu đỏ	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicone, màu đỏ - Kích thước 2 sợi dài 40 - 45cm, rộng 1 - 1.5mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	384
257	Chỉ thép 5, dài 42- 45cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 48mm	Chỉ bằng thép không gỉ, số 5, dài 42 - 45cm - Kim tròn đầu cắt, dài 48mm, 1/2C, phủ silicon - Tiệt khuẩn, 1 tép/4 sợi - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	386
258	Chỉ thép 5, dài 45- 47cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 48mm	Chỉ bằng thép không gỉ, số 5, dài 45 - 47cm, chịu lực suốt vòng đời - Kim tròn đầu cắt, 48mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Tép	240
259	Chỉ thép điện cực đa sợi số 2/0 dài 60cm, 1 kim tròn đầu nhọn 17mm, 1/2C, 1 kim thẳng đầu tam giác 60mm	Chỉ thép điện cực đa sợi, số 2/0, dài 60cm, phủ blue polyethylene - 1 kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 1/2C, 1 kim thẳng đầu tam giác 60mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	120
260	Chỉ thép điện cực đa sợi số 3/0, 60cm, 1 kim tròn 13mm, 1 kim thẳng 51mm	Chỉ thép điện cực đa sợi, chỉ 3/0, dài 60cm, áo bao Polyethylene Blue không tích điện trong dịch mô - Kim nối với máy tạo nhịp hoặc sợi dây nối - 1 kim tròn 13mm, 1 kim thẳng 51mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	504
261	Chỉ thép điện cực đa sợi số 3/0, 60cm, 1 kim tròn 17mm, 1 kim thẳng 88mm	Chỉ thép điện cực đa sợi tạo nhịp nhĩ và thất, kích thích trong và sau mô tim - Chỉ bằng thép không gỉ phủ lớp cách điện PTFE poly (tetrafluoroethylene) hoặc FEP poly (tetrafluoroethylene-co-hexafluoropropylene), số 3/0, dài 60cm - 1 kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 1/2C, 1 kim thẳng dài 88mm đầu kim có khắc bé - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Tép	180

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
262	Chỉ thép số 1 dài 45cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 37mm	Chỉ bằng thép không gỉ, đơn sợi, số 1, dài 45cm - 1 kim tròn đầu cắt 1/2C dài 37mm, phủ silicon, giá trị trung bình lực căng kéo ≥ 4.76 Kgf - Tiết khuôn, 1 tép/4 sợi - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	60
263	Chỉ thép số 2 dài 45cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 37mm	Chỉ bằng thép không gỉ, đơn sợi, số 2, dài 45cm - 1 kim tròn đầu cắt 1/2C dài 37mm, phủ silicon, giá trị trung bình lực căng kéo ≥ 5.9 Kgf - Tiết khuôn, 1 tép/4 sợi - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Tép	72
264	Chỉ thép số 3 dài 45cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 40mm	Chỉ bằng thép không gỉ, đơn sợi, số 3, dài 45cm - Kim tròn đầu cắt, dài 40mm, 1/2C, phủ silicon - Tiết khuôn, 1 tép/4 sợi - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	36
265	Chỉ thép số 4 dài 45cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 48mm	Chỉ bằng thép không gỉ, số 4, dài 45cm - kim tròn đầu cắt dài 48mm, 1/2C - Tiết khuôn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Tép	136
266	Clip cầm máu, đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi	Clip cầm máu, đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi - Chất liệu bằng Nitinol - Bao gồm bộ tay quay bung clip, cáp chụp ống soi và bung bằng sợi chỉ. - Kích thước 11, 12, 14 - Độ sâu 3/6mm - Chiều dài clip 9, 10, 11mm - Tổng chiều dài 165cm, 220cm - Hình dạng clip loại a, t và gc - Tương thích dụng cụ lấy lỗ thủng cùng hãng - Tương thích MRI 3 testla - Tiết khuôn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	2
267	Clip kẹp mạch máu titanium cỡ nhỏ	Clip kẹp mạch máu titanium cỡ nhỏ, hình chữ V - Chất liệu titanium - Chiều cao 3.0mm, chiều rộng 4.2mm, chiều cao clip đóng 3.6mm - Đặc điểm clip có mặt trong cắt rãnh hình thoi xếp chồng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ tay cầm	3	Cái	1.980
268	Clip kẹp mạch máu titanium cỡ trung bình	Clip kẹp mạch máu titanium cỡ trung bình, hình chữ V - Chất liệu titanium - Chiều cao 4.8mm, chiều rộng 5.8mm, chiều cao clip đóng 5.6mm - Đặc điểm clip có mặt trong cắt rãnh hình thoi xếp chồng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ tay cầm	3	Cái	2.340
269	Clip mạch máu 2 thì 4.2 - 4.5 x 4mm	Clip mạch máu 2 thì, có cấu tạo mặt trong clip dạng kim cương chống trượt - Chất liệu Titanium - Cỡ 4.2 - 4.5 x 4mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cán clip	3	Cái	720
270	Clip mạch máu 2 thì 4.8 - 5 x 6.2mm	Clip mạch máu 2 thì, có cấu tạo mặt trong clip dạng kim cương chống trượt - Chất liệu Titanium - Cỡ 4.8 - 5 x 6.2mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cán clip	3	Cái	3.666
271	Clip mạch máu 2 thì 8 - 8.1 x 7.9mm	Clip mạch máu 2 thì, có cấu tạo mặt trong clip dạng kim cương chống trượt. - Chất liệu Titanium - Cỡ 8 - 8.1 x 7.9mm - Hỗ trợ lắp đặt cán clip - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	576
272	Clip mạch máu các cỡ	Clip mạch máu - Chất liệu Polymer - Cấu tạo gai sọc thân clip chống trượt, có khoá an toàn - Clip kẹp mạch máu các cỡ từ 3 - 10mm, 5 - 13mm và 7 - 16mm - Hỗ trợ lắp đặt cán clip - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	8.004
273	Clip mạch máu cỡ 1.9 - 1.93 x 1.91mm	Clip mạch máu - Chất liệu Titanium - Cỡ 1.9 - 1.93 x 1.91mm - Có cấu tạo rãnh ngăn ngừa vỡ mạch máu và tuột khi phẫu thuật. - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cán clip - Tương đương loại Horizon	2	Cái	540

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
274	Clip mạch máu cỡ 1.95 - 2 x 2.87mm	Clip mạch máu - Chất liệu Titanium - Cỡ 1.95 - 2 x 2.87mm - Có cấu tạo rãnh ngăn ngừa vỡ mạch máu và tuột khi phẫu thuật. - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tương đương loại Horizon	2	Cái	3.600
275	Clip mạch máu cỡ 2 - 2.1 x 2.87mm	Clip mạch máu - Chất liệu Titanium - Cỡ 2 - 2.1 x 2.87mm - Có cấu tạo rãnh ngăn ngừa vỡ mạch máu và tuột khi phẫu thuật. - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tương đương loại Horizon	2	Cái	3.600
276	Clip mạch máu cỡ 2.9-3.1mm	Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Thiết kế dạng chữ V, mặt cắt hình trái tim, có rãnh ngang sâu giúp ngăn cản bị trượt trên mạch máu - Độ mở clip 2.9 - 3.1mm, chiều dài clip khi mở 2.7mm, độ hở clip khi đóng 0.38mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cân clip	3	Cái	3.960
277	Clip mạch máu cỡ 3 - 3.1 x 4.68mm	Clip mạch máu - Chất liệu Titanium - Cỡ 3 - 3.1 x 4.68mm - Có cấu tạo rãnh ngăn ngừa vỡ mạch máu và tuột khi phẫu thuật - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tương đương loại Horizon	2	Cái	10.800
278	Clip mạch máu cỡ 3 x 3.6 - 3.7mm	Clip mạch máu cỡ nhỏ, dùng để kẹp mạch máu trong phẫu thuật mổ mở - Chất liệu titanium - Độ mở clip 3mm, chiều dài clip khi đóng 3.6 - 3.7mm - Hỗ trợ lắp đặt cân clip khi bệnh viện có yêu cầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với kim kẹp clip đơn mổ mở Ligaclip cỡ nhỏ LX107	4	Cái	3.816
279	Clip mạch máu cỡ 3.8 - 4 x 5.33mm	Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Cỡ 3.8 - 4 x 5.33mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tương đương loại ligaclip	4	Cái	2.160
280	Clip mạch máu cỡ 4.1-4.3mm	Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Thiết kế dạng chữ V, mặt cắt hình trái tim, có rãnh ngang sâu giúp ngăn cản bị trượt trên mạch máu - Độ mở clip 4.1 - 4.3mm, chiều dài clip khi mở 4.5mm, độ hở clip khi đóng 0.76mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cân clip	3	Cái	7.020
281	Clip mạch máu cỡ 6 - 6.4mm	Clip mạch máu cỡ trung bình/lớn, dùng để kẹp mạch máu trong phẫu thuật mổ nội soi - Kim bằng titanium, ví bằng nhựa - Độ mở clip từ 6 - 6.4mm, chiều dài clip khi đóng từ 8.8 - 9mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/ISO - Tương thích với kim kẹp clip cùng hãng	3	Cái	6.156
282	Clip mạch máu cỡ 6.4-6.6mm	Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Thiết kế dạng chữ V, mặt cắt hình trái tim, có rãnh ngang sâu giúp ngăn cản bị trượt trên mạch máu - Độ mở clip 6.4 - 6.6mm, chiều dài clip khi mở 7.4mm, độ hở clip khi đóng 0.85mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cân clip	3	Cái	5.400
283	Clip mạch máu cỡ 7 - 7.5mm	Clip mạch máu cỡ lớn, dùng để kẹp mạch máu trong phẫu thuật mổ nội soi - Chất liệu titanium - Độ mở clip từ 7 - 7.5mm, chiều dài clip khi đóng từ 12 - 12.3mm - Hỗ trợ lắp đặt cân clip khi bệnh viện có yêu cầu - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/ ISO - Tiệt khuẩn - Tương thích với kim kẹp clip cùng hãng	3	Cái	2.052

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
284	Clip mạch máu polymer, đường kính 3 - 16mm	Clip mạch máu - Chất liệu Polymer - Đường kính 3 - 16mm - Có gai sọc thân clip chống trượt với chân bám 360 độ, có khoá an toàn, - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tương đương loại Hemolok	2	Cái	30.600
285	Clip mạch máu, 2 thì, titanium, dạng kim cương, 8 - 8.1 x 7.9mm	Clip mạch máu 2 thì, có cấu tạo mặt trong clip dạng kim cương chống trượt, loại trung bình/lớn - Chất liệu Titanium - Cỡ 8 - 8.1 x 7.9mm - Tiêu chuẩn ISO - Hỗ trợ lắp đặt cân clip	3	Cái	2.400
286	Dẫn lưu mật mũi trong nội soi mật chủ ngược dòng, nội soi tiêu hóa	Dẫn lưu mật mũi trong nội soi mật chủ ngược dòng, nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa - Stent mũi mật loại hình đuôi heo, dùng cho ống mật chủ, có phần đầu uốn cong female luer lock, đoạn cuối dụng cụ có đánh dấu (V-marking) - Đường kính stent $\leq 7Fr$ - Chiều dài $\geq 2550mm$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích dây dẫn hướng 0.025 - 0.035" và kênh sinh thiết từ 2.8mm trở lên	3	Cái	2
287	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Lưỡi dao thiết kế 3 kênh riêng biệt: cho dao, cho dây dẫn 0.035" và cho kênh bơm - Phủ lớp cách điện thông minh ở đoạn đầu dây cắt, thiết kế đoạn đầu thuận dài và được đánh dấu cân quang - Chiều dài làm việc 1700mm, đường kính đoạn đầu 4.5Fr, chiều dài đoạn đầu 7mm, chiều dài dao 25mm - Đánh dấu màu ở đoạn cuối dụng cụ (V-marking), đánh dấu màu cho "vị trí cắt tốt nhất, có phần kết nối với ống soi (C-Hook) - Dao có thể tự định hướng cắt ở khoảng an toàn 11h - 12h mà không cần điều chỉnh ống soi - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	110
288	Dao cắt hàn mạch máu lưỡng cực trong mổ nội soi, dài 30 - 40cm, đường kính 5mm	Dao cắt hàn mạch máu lưỡng cực trong mổ nội soi - Chiều dài cán dao 30 - 40cm, đường kính 5mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, đầu cong 20 - 25 độ - Kích thước mạch máu có thể hàn lên đến 5 - 7mm - Chiều dài mỗi hàn 20 - 22mm - Chiều dài mỗi cắt < chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn < 3mm - Thời gian hàn, cắt 2 - 9 giây - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Các bộ phận khác đi kèm: dây nối, dụng cụ cố định lưỡi dao - Tương thích máy Valleylab FT10 hiện có tại bệnh viện	3	Cái	60
289	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện dùng trong nội soi dạ dày	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện dùng trong nội soi dạ dày - Chất liệu bằng nhựa và sứ - Chiều dài làm việc $\leq 1650mm$, chiều dài dao tối thiểu 4mm - Đường kính đầu cuối cách điện $\leq 2.2mm$ - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích ống soi Olympus	1	Cái	7
290	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện dùng trong nội soi thực quản hoặc đại tràng	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện dùng trong nội soi thực quản hoặc đại tràng - Chất liệu bằng nhựa và sứ - Chiều dài làm việc 1650mm - 2300mm, chiều dài dao 3.3mm - 3.5mm - Đường kính đầu cuối cách điện $\leq 1.7mm$ - Đầu dao thiết kế đặc biệt nhỏ hơn, tăng độ an toàn cho thực quản và đại tràng, diện tích hình đĩa - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích ống soi Olympus	1	Cái	5
291	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình núm trong nội soi tiêu hóa	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình núm trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa và kim loại - Đầu dao hình núm có thể kéo dài hoặc thu ngắn lại, có kênh phun nước - Đường kính dao $\leq 0.3mm$, chiều cao của núm khi thu ngắn còn $\geq 0.1mm$ để hỗ trợ đánh dấu và cầm máu an toàn - Chiều dài làm việc 1650 - 2300mm - Chiều dài dao 1.5 - 2.0mm - Đường kính dụng cụ tối thiểu 2.8mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	1	Cái	5

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
292	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình tam giác trong nội soi tiêu hóa	- Dao cắt hút dưới niêm mạc hình tam giác trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa và kim loại - Chiều dài 1600mm - 1650mm, chiều dài đoạn đầu hình tam giác ≥ 0.4mm, chiều dài dao cắt 4.5mm - 4.7mm, lưỡi dao có hình tam giác, có kênh tưới rửa - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích ống soi Olympus	1	Cái	5
293	Dao cắt khối nang giả tụy cỡ 6Fr, dài 200cm	- Dao cắt khối nang trong dẫn lưu nang giả tụy - Đường kính/chiều dài dao kim 0.6mm/10mm - Đường kính/chiều dài dụng cụ 6Fr/200cm - Dây dẫn tương thích 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với tất cả các ống soi	3	Cái	2
294	Dao cắt kim dùng để cắt cơ vòng trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính 5Fr	- Dao cắt kim dùng để cắt cơ vòng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Lưỡi dao cắt, loại 3 kênh riêng biệt (cho dây dẫn 0.035", dây điều khiển dao và kênh bơm cân quang) - Phủ lớp cách điện thông minh, thiết kế đoạn đầu thuôn dài và được đánh dấu cân quang - Đường kính 5Fr, chiều dài làm việc 1700mm, chiều dài dao kim 5mm, chiều dài phần dao kim không phủ lớp cách điện 3mm, chiều dài kênh làm việc tối thiểu 2.8mm, có đánh dấu ở đoạn cuối dụng cụ (V-marking), có phần kết nối với ống soi (C -Hook) - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích ống soi dạ dày GIF	3	Cái	12
295	Dao Crescent	- Dao crested tiêu chuẩn Châu Âu (CE)nt - Chất liệu bằng thép không gỉ - Thiết kế cạnh mài ngang, hai mặt vát	3	Cái	24
296	Dao đốt hút khối điều khiển bằng tay thích hợp đầu đốt kích thước 65 và 120mm	- Dao đốt hút khối điều khiển bằng tay - Chất liệu ống PVC y tế trong suốt, có khả năng thiết kế xoay 360 độ - Có nổi và dụng cụ làm sạch đầu đốt - Ống hút mở rộng 30mm thích hợp đầu đốt có kích cỡ 65 và 120mm - Đầu đốt cách điện chống dính (dài 15mm, dày 65mm) - Dây cáp dài 3m - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Bộ	20
297	Dao đốt hút khối điều khiển bằng tay thích hợp mọi đầu đốt	- Dao đốt hút khối điều khiển bằng tay - Chất liệu ống PVC y tế trong suốt, có khả năng thiết kế xoay 360 độ - Có nổi và dụng cụ làm sạch đầu đốt - Ống hút mở rộng từ 25mm - 150mm thích hợp cho mọi loại đầu đốt - Đầu đốt cách điện chống dính (dài 15mm, dày 70mm) - Dây cáp dài 3m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Bộ	20
298	Dao mổ cắt đốt bằng sóng Plasma dùng trong phẫu thuật nạo V.A và cắt Amidan	- Dao mổ cắt đốt bằng sóng Plasma dùng trong phẫu thuật nạo V.A và cắt Amidan - Gồm 2 lưỡi cắt và tay dao rời nhau - Lưỡi cắt: 1 lưỡi thẳng dẹp dùng để cắt amidan, 1 lưỡi hình tròn cong, có sợi đốt bằng vonfram dùng để nạo V.A - Tay dao bằng nhựa, sử dụng một lần, được thiết kế có hai nút cắt và nút đốt thay cho bàn bập chấn, tay dao có vị trí kết nối với dây hút dịch - Chiều dài toàn bộ tay dao khoảng 3m - Hỗ trợ đặt máy - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	30
299	Dao mổ cắt đốt bằng sóng Plasma dùng trong phẫu thuật thẩm mỹ, cắt u vú, đầu mặt cổ.....	- Dao mổ cắt đốt bằng sóng Plasma dùng trong phẫu thuật thẩm mỹ, cắt u vú, đầu mặt cổ..... - Gồm lưỡi cắt và tay dao liền một khối - Lưỡi cắt hình dẹp, đường kính 3 - 4mm, cách điện tối thiểu 90% - Tay dao bằng nhựa, sử dụng một lần, được thiết kế có hai nút cắt và nút đốt thay cho bàn bập chấn, tay dao có vị trí kết nối với dây hút dịch - Hỗ trợ đặt máy - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	5

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
300	Dao mổ điện lưỡng cực hàn, cắt mô, mạch máu trong mô mềm, lưỡi dao cong 40 độ	Dao mổ điện lưỡng cực hàn, cắt mô, mạch máu trong mô mềm - Kích thước * Chiều dài lưỡi dao 20 - 22mm * Chiều dài cán dao 20 - 21cm - Lưỡi dao cong 40 độ, có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn 5 - 7mm - Chiều dài mỗi hàn 20 - 21 mm - Chiều dài mỗi cắt < chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn < 3mm - Thời gian hàn, cắt 2 - 9 giây - Nhiệt độ khi hàn 80 - 200 độ - Thời gian an toàn khi chạm mô sau hàn (trở về 60 độ) < 80 giây - Mỗi hàn sau cắt chịu được áp lực ít nhất > 300 mmHg - Các bộ phận khác đi kèm: dây nối, dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy Valleylab FT10 hiện có tại bệnh viện	3	Cái	120
301	Dao mổ mắt phaco, 45 độ	Dao mổ mắt phaco, lưỡi dao bằng thép, tay cầm nhựa, mặt vát 45 độ - Chiều rộng từ 2.2 - 3.2mm - Tiệt khuẩn	3	bộ	600
302	Dao mổ siêu âm dùng mô mềm, lưỡi dao cong dài 20 - 22mm	Dao mổ điện lưỡng cực hàn, cắt mô, mạch máu trong mô mềm - Kích thước * Chiều dài lưỡi dao 20 - 22mm * Chiều dài cán dao 20 - 21cm - Lưỡi dao cong 40 độ có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn 5 - 7mm - Chiều dài mỗi hàn 20 - 21 mm - Chiều dài mỗi cắt < chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn < 3mm - Thời gian hàn, cắt 2 - 9 giây - Nhiệt độ khi hàn 80 - 200 độ - Thời gian an toàn khi chạm mô sau hàn (trở về 60 độ) < 80 giây - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Bộ phận đi kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tương thích máy hàn cắt siêu âm hiện có tại bệnh viện	4	Cái	5
303	Dao mổ siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô mềm, cán dao dài 8 - 10cm	Dao mổ siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô mềm, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài lưỡi dao 10 - 18mm * Chiều dài cán dao 8 - 10 cm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn lên đến 5 - 7mm - Chiều dài mỗi hàn 8 - 16 mm, chiều dài mỗi cắt nhỏ hơn chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn < 3mm - Thời gian hàn, cắt 2 - 9 giây - Bộ phận khác đi kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Công nghệ thích ứng mô - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với dây dao cùng hãng - Tương thích máy hàn cắt siêu âm hiện có tại bệnh viện	4	Cái	160
304	Dao mổ siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô nội soi, dài 30 - 40cm	Dao mổ siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô nội soi, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài lưỡi dao 10 - 18mm, cong * Chiều dài cán dao 30 - 40cm, đường kính 5mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn lên đến 5 - 7mm - Chiều dài mỗi hàn 8 - 16 mm, chiều dài mỗi cắt nhỏ hơn chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn < 3mm - Thời gian hàn, cắt 2 - 9 giây - Bộ phận đi kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Công nghệ thích ứng mô - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với dây dao cùng hãng - Tương thích máy hàn cắt siêu âm hiện có tại bệnh viện	4	Cái	395

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
305	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực hàn, cắt mô, mạch máu trong mô nội soi, dài 30 - 40cm, đường kính 5mm	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực hàn, cắt mô, mạch máu trong mô nội soi - Kích thước * Chiều dài lưỡi dao 10 - 18mm * Chiều dài cán dao 30 - 40 cm, đường kính 5mm - Lưỡi dao thiết kế cong, có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn lên đến 5 - 7mm - Chiều dài mỗi hàn 8 - 16 mm - Chiều dài mỗi cắt phải < chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn < 3mm - Thời gian hàn, cắt 2 - 9 giây - Mỗi hàn sau cắt chịu được áp lực ít nhất > 300 mmHg - Công nghệ thích ứng mô - Bộ phận đi kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ kỹ thuật, lắp đặt - Tương thích hệ thống máy cắt đốt thunderbeat hiện có tại bệnh viện	3	Cái	60
306	Dao siêu âm không dây hàn, cắt mô, mạch máu dùng trong mô nội soi, đường kính 5mm, dài 30 - 40cm	Dao siêu âm không dây hàn, cắt mô, mạch máu dùng trong mô nội soi, tần số $\geq 55000\text{Hz}$ - Chiều dài cán dao 30 - 40 cm, đường kính 5mm - Lưỡi dao thiết kế cong, có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn 3 - 5mm - Chiều dài mỗi hàn 0.5 - 1.5cm - Chiều dài mỗi cắt phải < chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn < 3mm - Thời gian hàn, cắt 2 - 9 giây - Thời gian an toàn khi chạm mô sau hàn trở về 60 độ < 80 giây - Hỗ trợ kỹ thuật, lắp đặt - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy tại bệnh viện	3	Cái	20
307	Đầu dao 23kHz dùng trong mô mỡ, đường kính 1.98mm, dài 7.98cm	Đầu dao 23kHz dùng trong mô mỡ tổng quát - Đầu dao là hợp kim titanium - Đầu dao đường kính 1.98mm, dài 7.98cm, biên độ dao động 287 - 355 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng 3.54g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy Cusa extieu chuẩn Châu Âu (CE) hiện có tại bệnh viện	3	Cái	50
308	Đầu dao 23kHz dùng trong mô mỡ, đường kính 2.64mm, dài 7.95cm	Đầu dao 23kHz dùng trong mô mỡ tổng quát - Đầu dao là hợp kim titanium - Đầu dao đường kính 2.64mm dài 7.95cm, biên độ dao động 254 - 307 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng 3.84g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy Cusa extieu chuẩn Châu Âu (CE) hiện có tại bệnh viện	3	Cái	10
309	Đầu dao 23kHz dùng trong mô nội soi đường kính 1.98mm, dài 30.14cm	Đầu dao 23kHz dùng trong mô nội soi tổng quát - Đầu dao là hợp kim titanium - Đầu dao dài 30.14cm, đường kính đầu dao 1.98mm - Kèm 6 đầu phun dịch - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy Cusa extieu chuẩn Châu Âu (CE) hiện có tại bệnh viện	3	Cái	50
310	Đầu dao 36khz, đường kính 1.14mm, dài 11.49cm	Đầu dao 36kHz dùng trong phẫu thuật thần kinh - Đầu dao là hợp kim titanium - Đường kính 1.14mm, dài 11.49cm, biên độ dao động 117 - 135 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng 9.55g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy Cusa Extieu chuẩn Châu Âu (CE) hiện có tại bệnh viện	3	Cái	2
311	Đầu dao 36kHz, đường kính 1.57mm, dài 12.15cm	Đầu dao 36kHz dùng trong phẫu thuật thần kinh - Đầu dao là hợp kim titanium - Đường kính 1.57mm, dài 12.15cm, biên độ dao động 175 - 193 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng 7.5g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tiết khuẩn - Tương thích máy Cusa Extieu chuẩn Châu Âu (CE) hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	6

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
312	Đầu dao 36khz, đường kính 1.98mm, dài 4.57cm	Đầu dao 36kHz cỡ chuẩn dùng cho phẫu thuật thần kinh - Đầu dao là hợp kim titanium - Đường kính 1.98mm, dài 4.57cm, biên độ dao động 137 - 155 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng 1.31g, có cáp thông tác đầu mũi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy Cusa Extiêu chuẩn Châu Âu (CE) hiện có tại bệnh viện	3	Cái	6
313	Đầu dò cắt Amidan và nạo VA	Đầu dò cắt Amidan và nạo VA, bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15cm, đầu gấp góc nhẹ để dễ quan sát, kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có điện cực 3 chấu được tách biệt bằng Vonfam, có dòng nước muối tích hợp để cài đặt nhanh chóng và dễ dàng - Các bộ phận đi kèm dây truyền dịch, dây hút dịch, dây nối máy (gắn liền với tay cầm và phần hoạt động) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy Coblator II	4	Bộ	100
314	Đầu dò cắt cuống mũi	Đầu dò cắt cuống mũi, bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Chất liệu bằng nhựa tổng hợp, với phần hoạt động là thép không gỉ - Dụng cụ thẳng thon gọn, có phần tay cầm làm bằng nhựa tổng hợp, nối với phần hoạt động là trục đường kính 2.9mm với đầu góc cạnh giúp đưa vào cuống mũi dễ dàng, có 3 điểm đánh dấu độ sâu của đầu dò, có đường dọc cho phép dễ dàng định hướng đầu dò, kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút, điện cực hoạt động dạng lưới - Dính liền với bộ dây truyền dịch và dây dẫn nối với máy chính và máy hút - Bộ phận đi kèm đầu dò có tay cầm dính liền với bộ dây truyền dịch và dây dẫn nối với máy chính - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy Coblator II Hoặc tương đương loại Turbinator	4	Bộ	10
315	Đầu dò cắt, đốt và nạo VA	Đầu dò cắt, đốt và nạo VA bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15cm, đầu gấp góc nhẹ để dễ quan sát, kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có điện cực dạng mạng lưới thẳng được tách biệt bằng tiêu chuẩn Châu Âu (CE)ramic - Hệ thống phân phối đường nước muối riêng, có 3 lỗ bơm và thoát nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy Coblator II Hoặc tương đương loại Procise Max	4	Bộ	20
316	Đầu dò đốt cuống mũi	Đầu dò đốt cuống mũi bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Chất liệu tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động bằng thép không gỉ - Kích thước phần hoạt động là phần kim loại đường kính 2.9mm gấp góc, khoảng cách từ đầu đốt tới chỗ gấp góc là 42.6mm. Độ dài đầu đốt là 10.5mm. Đường kính đầu đốt là 1.3 mm, đầu đốt mỏng, nhọn, trơn để đưa vào trong cuống mũi, có 2 vạch chia màu để đo độ sâu, không có kênh dẫn nước, không có kênh hút - Các bộ phận khác đi kèm dây nối máy (gắn liền với tay cầm và phần hoạt động) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy Coblator II Hoặc tương đương loại Reflex Ultra PTR	4	Bộ	10
317	Đầu dò đốt màn hầu	Đầu dò đốt màn hầu bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Chất liệu tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động làm bằng thép không gỉ - Phần hoạt động gấp góc 55 độ thuận lợi để tiếp cận màn hầu, đầu ngoài cùng nhỏ, gọn để dễ xâm nhập mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy Coblator II Hoặc tương đương loại Reflex Ultra 55	4	Bộ	5

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
318	Đầu dò phẫu thuật xoang cắt, đốt	- Đầu dò phẫu thuật xoang cắt, đốt bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15cm, đầu gấp góc nhẹ để dễ quan sát, kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có điện cực 3 châu được cách nhiệt bằng tiêu chuẩn Châu Âu (CE)ramic - Hệ thống phân phối đường nước riêng, có 3 lỗ thoát nước cách đầu điện cực khoảng 1.5cm - Các bộ phận khác đi kèm dây truyền dịch, dây hút dịch, dây nối máy (gắn liền với tay cầm và phần hoạt động) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy Coblator II Hoặc tương đương loại Precise EZ View	4	Bộ	5
319	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa, đường kính 2.3mm, dài 2.2m, vác một bên	- Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa - Đường kính 2.3mm dài 2.2m vác một bên - Có đầu lọc khí tích hợp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy đốt Argon Plasma	3	Chiếc	5
320	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa, đường kính 2.3mm, dài 2.2m, vác tròn	- Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa - Đường kính 2.3mm dài 2.2m vác tròn - Có đầu lọc khí tích hợp - Tiệt khuẩn - Tương thích máy đốt Argon Plasma - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Chiếc	7
321	Đầu gắn ống soi có góc vát xiên hỗ trợ gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa	- Đầu gắn ống soi có góc vát xiên hỗ trợ gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa mềm - Đường kính ngoài $\leq 18.1\text{mm}$, góc vát xiên, có rãnh cổ định lỏng thắt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích ống soi Olympus	3	Cái	5
322	Đầu gắn ống soi dùng trong nội soi tiêu hóa	- Đầu gắn ống soi dùng trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa mềm - Chiều dài từ đầu cuối ống soi $\leq 4\text{mm}$, có lỗ bên - Đường kính ngoài từ 11.4mm - 15.0mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích ống soi Olympus	3	Cái	20
323	Đầu kim đốt Lase phẫu thuật thanh quản	- Đầu kim đốt Lase phẫu thuật thanh quản, dây thanh, Amydal - Cấu tạo: bên trong là sợi quang học dẫn truyền, có vỏ inox bảo vệ, đầu cắt vát hình vỏ sò, dài 80mm - Có thể uốn cong	3	Cái	20
324	Đầu kim Phaco 19G	- Đầu kim phaco dùng để tán và hút nhân thủy tinh thể - Chất liệu bằng thép không gỉ, tái sử dụng - Cỡ 19G, đầu thẳng mặt vát 30° đồng trục - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ đặt máy	3	Chiếc	7
325	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang, đầu cong	- Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đầu tù cong 40 độ, đường kính 4mm, dài 11cm $\pm 2\text{cm}$ - Thiết kế mặt cắt hình răng cưa 2 bên, cắt mặt bụng, diện cắt 3 mặt - Tốc độ hoạt động 5000 vòng/phút - Có cổng gắn với dây nước - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy khoan cắt nạo model IPC	3	Cái	130
326	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang, đầu thẳng	- Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đầu thẳng, đường kính 4mm, dài 11cm $\pm 2\text{cm}$, đầu tù - Thiết kế mặt cắt hình răng cưa 2 bên, cắt mặt bụng, diện cắt 3 mặt - Có cổng gắn với dây nước và kèm 01 dây nước - Tốc độ hoạt động khoảng 5000 vòng/phút - Tương thích máy khoan cắt nạo model IPC - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	70
327	Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm	- Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm - Tần số dao động 55500 lần/giây - Tín hiệu đèn LED và âm thanh báo hiệu tình trạng hoạt động của thiết bị - Có thể tái sử dụng lên đến 100 lần - Có thể hấp diệt trùng nhiệt độ cao - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	1

TT	Tên danh mục mới chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
328	Đầu nối ống thông dùng trong thăm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông	Đầu nối ống thông dùng trong thăm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông - Chất liệu bằng titanium - Đầu nối này phù hợp với ống thông lọc màng bụng có đường kính trong 1.04" - 1.30" (2.64 - 3.30mm), đường kính ngoài 1.92" - 2.00" (4.88 - 5.08mm) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	40
329	Đầu nối tay khoan loại cong	Đầu nối tay khoan loại cong - dùng được với mũi khoan dài 7cm - Tương thích với máy khoan model IPC sử dụng tại viện	3	Cái	4
330	Đầu nối tay khoan loại thẳng	Đầu nối tay khoan loại thẳng - Dùng được với mũi khoan dài 7cm - Tương thích với máy khoan model IPC sử dụng tại viện	3	Cái	4
331	Đầu phẫu thuật thanh quản	Đầu phẫu thuật thanh quản cắt Papiloma thanh quản, hạt xơ dây thanh, polyp thanh quản... bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ nơi phẫu thuật - Chất liệu tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần làm việc có trục làm việc bằng thép không gỉ - Đầu có thể uốn cong - Chiều dài 6.5 inches (chưa kể phần tay cầm) - Bộ đầu cắt vô khuẩn được sản xuất dính liền với bộ dây truyền dịch và dây dẫn nối với máy - Tương thích với máy coblator - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	bộ	10
332	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản - Chất liệu: * Vòng thắt 1/2 latex protein antigens tự co, giữ hình sau khi bung vòng * Đầu thắt bằng latex, thiết kế tăng tầm nhìn 360 độ * Dây kẹp thép không gỉ perma, có kênh tưới rửa - Đường kính đầu ống 8.6 - 11.6mm - Đường kính trong đầu thắt 9.6Fr - Đóng gói chống tia UV - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	bộ	350
333	Dây cưa các loại dùng trong phẫu thuật	Dây cưa các loại dùng trong phẫu thuật - Chất liệu bằng thép không gỉ - Cấu tạo: lưỡi hình răng cưa, dây từ 0.3 - 0.6mm, độ sâu của cạnh lưỡi cắt từ 12 - 39mm - Tương thích tay cưa tĩnh tiến, gấp góc dùng với máy khoan model IPC sử dụng tại viện - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	64
334	Dây cưa sọ dài 400mm	Dây cưa sọ - Bằng thép không gỉ, mảnh xoắn có thể uốn cong - Dài 400mm, đường kính 1.4mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	sợi	120
335	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính 0.035 - 0.038", dài 150cm	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu - Chất liệu: lõi bằng nitinol phủ Polytetrafluoroethylene (PTFE), đầu phủ lớp hydrophilic - Đường kính 0.035 - 0.038", dài 150cm - Thiết kế có điểm cân quang ở đầu dây dẫn, đầu mềm thân cứng để qua những chỗ hẹp - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	180
336	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính 0.035", dài 145 - 150cm	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu - Chất liệu: lõi bằng Nitinol, phủ Hydrophilic - Đường kính 0.035", dài 145 - 150cm - Thiết kế chịu được lực xoắn, không bị gãy, đầu dây dẫn mềm thẳng hoặc cong, chiều dài đầu dây dẫn 3 - 5cm, cân quang - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	900
337	Dây dẫn đường trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính ngoài 0.025"	Dây dẫn đường trong nội soi mật tụy ngược dòng - Thiết kế dạng đầu thẳng hoặc đầu cong - Chiều dài làm việc 4500mm, đường kính ngoài 0.025" - Có lớp phủ thấm nước (hydrophilic) ở đầu, dài 70mm, giúp dây dẫn dễ đi vào trong, đánh dấu 420cm từ đoạn đầu để hỗ trợ khi đo lường 5 - 7cm, đánh dấu cân quang, 8 - 9cm, đánh dấu hình xoắn ốc, 9 - 42cm, dấu X - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	20
338	Dây dẫn đường trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính ngoài 0.035"	Dây dẫn đường trong nội soi mật tụy ngược dòng - Thiết kế dạng đầu thẳng hoặc đầu cong - Chiều dài làm việc 4500mm, đường kính ngoài 0.035" - Có lớp phủ thấm nước (hydrophilic) ở đầu, dài 70mm, giúp dây dẫn dễ đi vào trong, đánh dấu 420cm từ đoạn đầu để hỗ trợ khi đo lường 5 - 7cm, đánh dấu cân quang, 8 - 9cm, đánh dấu hình xoắn ốc, 9 - 42cm, dấu X - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	40

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
339	Dây dẫn đường trong phẫu thuật bằng chất PTFE, đường kính 0.035", dài 150cm	Dây dẫn đường trong phẫu thuật - Chất liệu PTFE, lõi bằng Nitinol, phủ Hydrophilic - Đường kính 0.035", dài 150cm - Thiết kế chịu được lực xoắn, không bị gãy, đầu dây dẫn mềm, thẳng hoặc cong, chiều dài đầu dây dẫn 3 - 5cm - Cân quang - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	cái	70
340	Dây dẫn đường trong phẫu thuật nội soi, đường kính từ 0.025 - 0.038", dài 150cm	Dây dẫn đường trong phẫu thuật - Chất liệu nitinol phủ polyurethane - Đường kính 0.025 - 0.038", dài 150cm - Đầu và thân được phủ bởi chất ái nước hydrophilic dễ dàng trong việc vào dây dẫn - Có điểm cân quang ở phía đầu dây dẫn giúp dễ dàng xác định vị trí dây dẫn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	60
341	Dây dao siêu âm tương thích với dao siêu âm	Dây dao siêu âm tương thích với dao siêu âm cùng hãng - Tương thích máy Harmonic hiện có tại bệnh viện - Sử dụng được ≥ 95 lần - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	24
342	Dây đốt lưỡng cực, chiều dài ≥ 4m	Dây đốt lưỡng cực, dùng được cho dụng cụ lưỡng cực chuẩn tròn - Chất liệu lõi dây bằng kim loại bền xoắn chặt, mạ bạc chống ăn mòn, được bọc 2 lớp: lớp trong plastic, lớp ngoài bọc silicon - Chiều dài dây ≥ 4m - Đầu kết nối với kẹp lưỡng cực chuôi tròn, tương thích với hệ thống máy tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	40
343	Dây nối áp lực cao đo áp lực động mạch	Dây nối áp lực cao đo áp lực động mạch - Chất liệu bằng nhựa trong suốt, không latex không DEHP - Đường kính 1.5 x 3mm, dài 30 - 90cm - Dây chịu áp lực đến 800PSI - Thiết kế 1 đầu female luer lock và 1 đầu male luer lock - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	Cái	30
344	Dây nối kẹp dùng trong truyền dịch nhanh	Dây nối kẹp dùng trong truyền dịch nhanh - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Dây nối kẹp hình chữ Y dùng cho người bệnh dài 135 - 138cm có 2 khóa dạng trục lăn - Đầu dây có khóa luer lock - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2	3	Cái	25
345	Điện cực cắt đốt dạng vòng cắt, gấp góc, cỡ 24Fr, 02 chân cắm	Điện cực cắt đốt dạng vòng cắt, gấp góc - Đường kính 0.35mm - Cỡ 24Fr - Loại 02 chân cắm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	cái	10
346	Điện cực cắt đốt lưỡng cực, dạng vòng cắt	Điện cực cắt đốt lưỡng cực dạng vòng cắt - Đường kính 0.35mm - Kích cỡ 24Fr - Loại 02 chân cắm + Tương thích với tay cắt nội soi cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	cái	15
347	Điện cực cắt rạch hình vòng 24Fr	Điện cực cắt rạch hình vòng là điện cực cắt nạo, lưỡng cực dùng trong cắt đốt tiền liệt tuyến - Kích cỡ 24Fr - Thiết kế 1 vòng cắt sử dụng trong môi trường nước muối và dòng điện lưỡng cực - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với tay cắt lưỡng cực - Tương thích với máy cắt đốt cao tần UES-40, ESG-400 hiện có tại bệnh viện	3	Cái	72
348	Điện cực đơn cực hình vòng, dài 140mm, đường kính 20mm	Điện cực đơn cực hình vòng, mũi thẳng - Chiều dài 140mm, đường kính của trục gắn vào tay dao là 2.4mm, đường kính đầu dao 20mm - Tương thích dùng cho máy cắt đốt điện Vio 300, tải điện tối đa cho phép 1500V - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	60
349	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật, vết mổ dài > 20cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật - Thiết kế 2 vòng banh 2 đầu. Chất liệu lớp film được cấu tạo bằng Polyurethane - Đường kính vết mổ có thể banh 15 - 30cm - Thiết kế chắc chắn, trong suốt, giúp dễ quan sát, bảo vệ vết thương tốt hơn, tự giữ giúp bác sĩ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
350	Dụng cụ bảo vệ vết mở trong phẫu thuật, vết mổ dài 15 - 20cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật - Thiết kế 2 vòng banh 2 đầu. Chất liệu lớp film được cấu tạo bằng Polyurethane - Đường kính vết mổ có thể banh 10 - 20cm - Thiết kế chắc chắn, trong suốt, giúp dễ quan sát, bảo vệ vết thương tốt hơn, tự giữ giúp bác sĩ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Cái	40
351	Dụng cụ bảo vệ vết mở trong phẫu thuật, vết mổ ngắn < 10cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật - Thiết kế 2 vòng banh 2 đầu. Chất liệu lớp film được cấu tạo bằng Polyurethane - Đường kính vết mổ có thể banh 2 - 10cm - Thiết kế chắc chắn, trong suốt, giúp dễ quan sát, bảo vệ vết thương tốt hơn, tự giữ giúp bác sĩ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Cái	150
352	Dụng cụ bảo vệ vết mở trong phẫu thuật, vết mổ vừa 10 - 15cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật - Thiết kế 2 vòng banh 2 đầu. Chất liệu lớp film được cấu tạo bằng Polyurethane - Đường kính vết mổ có thể banh 10 - 15cm - Thiết kế chắc chắn, trong suốt, giúp dễ quan sát, bảo vệ vết thương tốt hơn, tự giữ giúp bác sĩ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Cái	1.000
353	Dụng cụ bẫy lỗ thùng thành tiêu hóa	Dụng cụ bẫy lỗ thùng thành tiêu hóa - Chất liệu bằng thép không gỉ - Kích thước: dài 165/220 cm, rộng 9/12mm - Chiều sâu kim 2 - 2.5 mm, 4mm - Kênh làm việc 3.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương đương loại Anchor	3	Cái	2
354	Dụng cụ cầm máu dạng phun dài 220cm	Dụng cụ cầm máu trong xuất huyết tiêu hóa - Bao gồm: 2 catheter 7Fr và 10Fr, dài 220cm, dùng cho kênh ống soi 2.8mm hoặc 3.7mm - Tay cầm gồm bình CO2, bình bột khoáng cầm máu - Cầm máu bằng bột khoáng không thấm thấu vào cơ thể người, không dùng nhiệt, không gây tổn thương nơi chảy máu, không tiếp xúc với điểm chảy máu, không cần tìm chính xác điểm chảy máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	15
355	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Dụng cụ cắt bao quy đầu điều trị hẹp, dài bao quy đầu - Thiết kế dạng pistol, dễ sử dụng, định khâu tự động, không có vòng cao su tránh nhiễm trùng - Kích thước 12 - 36mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	cái	400
356	Dụng cụ cắt lộn thất polyp	Dụng cụ cắt lộn thất polyp dùng để cắt đoạn cuối phần dây nylon dư ra sau thủ thuật thất polyp - Chất liệu bằng nhựa và kim loại - Chiều dài làm việc 1650mm - 2300mm, dụng cụ đã tích hợp với tay cầm nhựa, có thể tái sử dụng - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	2
357	Dụng cụ chống mờ hơi nước	Dụng cụ chống mờ hơi nước - Dung tích 6ml - Dung dịch hoạt tính bề mặt có chứa nước gồm: Sodium lauryl ether sulfate 5 - 10%, Polyethylene Glycol -7-glytiêu chuẩn Châu Âu (CE)ryl cocoate 1 - 3% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	4	Cái	500
358	Dụng cụ cố định lưỡi thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi, chất liệu tự tan	Dụng cụ cố định lưỡi thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu ghim tự tan chất liệu PGLA - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ 36 - 45cm * Đường kính nòng 5mm * Chiều dài ghim cao 4 - 5mm, rộng 5 - 6mm - Thiết kế: * Hình dạng ghim xoắn ốc * Đầu thẳng * Số lượng ghim 15 - 30/cây - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	60

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
359	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...), ghim 5mm dùng trong phẫu thuật nội soi	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu ghim bằng titan - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ 36 - 45cm * Đường kính nòng 5mm * Chiều dài ghim 3 - 5mm, rộng 4 - 5mm - Thiết kế: * Hình dạng ghim xoắn ốc * Đầu thẳng hoặc có khả năng gấp góc 60 - 65 độ * Số lượng ghim 15 - 30/cây - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	72
360	Dụng cụ đẩy stent trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dụng cụ đẩy stent trong nội soi mật tụy ngược dòng - Đầu cuối có cân quang, có C-Hook, V-Marking - Chiều dài làm việc 1900mm - Tương thích dây dẫn 0.035" và các loại stent 7Fr/10Fr - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	40
361	Dụng cụ gấp chỉ, đóng lỗ trocar	Dụng cụ gấp chỉ, đóng lỗ trocar - Chất liệu Polycarbonate, thép không gỉ - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cây	100
362	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi - Kích thước: 380x183mm, đường kính thân kim loại 12.6 mm - Gập liên tục không khác mỗi bên 45°, có nút xoay 360° - Dụng cụ tích hợp băng đạn nội soi cùng hãng. - Dụng cụ có thể được gắn và thay thế băng đạn dễ dàng tới 25 lần trong một cuộc phẫu thuật. - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	50
363	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng pin trong nội soi, 150 lần bắn	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng pin trong nội soi gấp góc đa năng, 150 lần bắn - Cán dài 15 - 26cm - Các bộ phận khác đi kèm phụ kiện lắp đặt pin, pin, khay sạc pin - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với băng đạn có lưỡi dao rời	3	Bộ	2
364	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở các cỡ 60/80mm, - Kích thước: 254x72 mm/ 274x72 mm. - Nút bắn được thiết kế điều chỉnh hai bên. - Nút tháo mở được thiết kế nhỏ gọn, thuận tiện cho việc tháo lắp. - Một tay súng có thể sử dụng cho 8 băng đạn. - Tích hợp với các băng đạn cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	15
365	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ, 70 - 80mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.5 - 2.0 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ - Chất liệu tay cầm plastic, lưỡi dao thép không gỉ - Chiều dài đường cắt từ 70 - 80mm - Có thể điều chỉnh độ dày của ghim bấm (3 mức), hàm đe có 6 hàng ghim, bắn được từ 2 phía, tạo hình ghim 3D, tối thiểu bắn được 5 lần - Chiều dài đường cắt nhỏ hơn chiều dài đường ghim - Chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1.5mm, 1.8mm, 2.0mm - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với băng đạn cùng hãng	4	Bộ	204
366	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ, 70 - 80mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 3.0 - 5.0 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ - Chất liệu tay cầm plastic, lưỡi dao thép không gỉ - Chiều dài từ 70 - 80mm - Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên, ghim bằng titanium, hình dạng ghim bắn hình chữ B, bắn được từ 2 phía, ghim 3D, 3 chiều cao ghim dập khác nhau, tối thiểu bắn được 5 lần - Chiều dài đường cắt nhỏ hơn chiều dài đường ghim - Gắn với các băng đạn với chiều cao ghim sau khi đóng 3mm - 3.5mm - 4mm (đối với mô có độ dày trung bình) / 4.0mm - 4.5mm - 5.0mm (đối với mô dày) - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với băng đạn cùng hãng	1	Bộ	100
367	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động - Kích thước dài trục 16 - 18cm - Thiết kế gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay băng đạn 360 độ, số lần sử dụng được 5 lần bắn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với băng đạn có lưỡi dao rời cùng hãng	1	Bộ	180
368	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, 45mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động - Chất liệu: de và lưỡi dao bằng thép không gỉ, 6 hàng ghim - Kích thước cán dài 32 - 36cm, đường kính 10 - 12mm, chiều dài hàm 45mm, độ mở hàm 20 - 22mm - Thiết kế gấp góc mỗi bên 45 độ, tối thiểu 5 lần bắn, hình dạng ghim sau khi đóng chữ B - Giữ ép mô trong suốt chiều dài hàm, 3 điểm tiếp xúc - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với băng đạn cùng hãng	4	Bộ	30

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
369	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng - Chất liệu đe và lưỡi dao bằng thép không gỉ, 6 hàng ghim - Kích thước: cán dài 32 - 36cm, đường kính 10 - 12mm, chiều dài hàm 60mm, độ mở hàm 20 - 22mm - Thiết kế gấp góc mỗi bên 45 độ, tối thiểu 5 lần bắn, hình dạng ghim sau khi đóng chữ B, dao hình chữ C - Giữ ép mô trong suốt chiều dài hàm, 3 điểm tiếp xúc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với băng đạn cùng hãng	4	Bộ	280
370	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng trong kỹ thuật Longo và Starr	Dụng cụ khâu nối vòng tự động dùng trong phẫu thuật Longo và Starr - Ghim bằng titanium - Thiết kế 32 ghim dập, có đầu đe tháo rời - Kích thước: * Chiều cao ghim 3.5 - 4.8mm * Đường kính ghim 33mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Bộ	3.000
371	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng - Ghim bằng titanium - Đường kính ngoài 33.4 mm, đường kính lòng cắt 24mm - Thiết kế 3 hàng ghim chứa 48 ghim dập - Ghim cao 3.4mm, chiều cao ghim đóng mô 0.75 - 1.6mm, rộng 3.8mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Bộ	300
372	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong phẫu thuật điều trị sa trực tràng và trĩ	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong phẫu thuật điều trị sa trực tràng và trĩ - Ghim bằng Titanium - Đường kính ngoài 33mm, đường kính trong 25mm - Thiết kế chứa 32 ghim bấm - Ghim cao 4.2mm, chiều cao ghim đóng mô 0.75 - 1.5mm, rộng 4 mm, đường kính 0.3mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	300
373	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong, đe thẳng, sử dụng pin, 23 - 31mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong, đe thẳng, sử dụng pin - Ghim làm bằng titanium - Cán dài 18 - 35cm - Đường kính 23 - 31mm - Số hàng ghim 02 - Chiều cao ghim sau khi đóng điều chỉnh được từ 1.0mm - 2.2mm - Hình dạng ghim sau khi đóng ghim 3D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	50
374	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, 3 hàng ghim, 21 - 33mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong, đe nghiêng sau khi sử dụng, dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa - Chiều dài cán từ 18 - 35cm - Đường kính 21 - 33mm - Thiết kế 3 hàng ghim, sau khi đóng ghim có hình dạng chữ B, chiều cao ghim đóng 1 - 2.5mm - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Bộ	40
375	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng, 21 - 33mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong, đe nghiêng sau khi sử dụng, dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa - Chất liệu ghim bằng titanium và thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài cán 35cm * Đường kính 21, 25, 28, 31, 33mm - Thiết kế 2 hàng ghim, sau khi đóng ghim có hình dạng chữ B - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Bộ	286
376	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, 21 - 33mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa - Ghim làm bằng titanium - Cán dài 18 - 35cm - Đường kính 21 - 33mm - Thiết kế 2 hàng ghim, sau khi đóng ghim có hình dạng chữ B, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được từ 1.5 - 2.2mm, số lượng ghim tương ứng với đường kính dao động 3 - 5 (đường kính - số lượng ghim) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Bộ	160
377	Dụng cụ khâu da dùng đóng da	Dụng cụ khâu da dùng đóng da - Bằng thép không gỉ - Gồm 35 ghim đường kính 5 - 6 x 3.9mm - Thiết kế cửa sổ nhìn trong suốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	100
378	Dụng cụ khâu nối thẳng 30mm hỗ trợ băng đạn trong phẫu thuật mổ mở ngực bụng	Dụng cụ khâu nối thẳng 30mm hỗ trợ băng đạn trong phẫu thuật mổ mở ngực bụng - Thiết kế thân đe dài thon, đầu thẳng - Tương thích băng đạn cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Bộ	45

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
379	Dụng cụ khâu nối thẳng nội soi 60mm gấp góc đa năng, sử dụng pin	Dụng cụ khâu nối thẳng nội soi 60mm gấp góc đa năng, sử dụng pin - Chất liệu đe bằng thép không gỉ - Kích thước cán dài 32 - 34cm - Thiết kế có thể gấp góc 40 - 45 độ, tự động thu dao sau khi bắn, hình dạng ghim sau khi đóng chữ B - Tương thích với băng đạn cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Bộ	50
380	Dụng cụ sinh thiết u trong nội soi siêu âm	Dụng cụ sinh thiết u trong nội soi siêu âm - Thân kim có bề mặt chấm hiển thị hình ảnh tốt qua siêu âm, đường kính 4 - 8Fr - Kim tự điều chỉnh chiều dài 0 - 8cm, đường kính kim 19 - 25G, lõi kim loại tự uốn cong khi rút khỏi kim - Kim đầu vát bẩy lợt, đuôi kim cắt chéo lấy mô tốt, chiều dài kim vát 1.5; 2; 2.9; 4mm - Vỏ kim dạng vòng xoắn giảm ma sát, mềm mại - Ống hút áp lực âm, đầu lõm dạng bóng hoặc đầu vát - Kênh làm việc 2.8mm, 3.7mm, 2mm - Tương thích ống soi Olympus, Pentax - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	2
381	Dụng cụ thắt polyp	Dụng cụ thắt polyp cầm máu, dùng một lần, cầm máu an toàn trước thủ thuật cắt polyp trong nội soi tiêu hóa - Lọng thắt cầm máu bằng nylon đã lắp sẵn với tay cầm nhựa, sử dụng trực tiếp - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm, chiều dài làm việc 2300mm, lọng thắt nylon đường kính 30mm, tương thích ống soi dạ dày, ống soi đại tràng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích ống soi OMLYPUS tại bệnh viện	3	Cái	170
382	Giá đỡ vừa tán vừa hút dùng trong phẫu thuật ống soi mềm	Giá đỡ vừa tán vừa hút dùng trong phẫu thuật ống soi mềm - Dùng thiết lập đường dẫn trong quá trình nội soi tiết niệu, tán sỏi - Chiều dài 36 - 46cm - Kích cỡ 9 - 12Fr - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	cái	20
383	Hộp đựng kim phẫu thuật 29 x 8 x 4cm	Hộp đựng kim phẫu thuật - Chất liệu nhựa - Kích thước 29 x 8 x 4cm Gồm 2 khay: - Khay 1 chứa mouse mềm để ghim cố định dao và kim phẫu thuật - Khay 2: chia thành 6 ô nhỏ (4 x 4cm), đựng đựng các vỏ bao bì của dao và chỉ phẫu thuật - Có in số thứ tự kiểm soát số lượng kim chính xác - Tiệt khuẩn	5	Cái	8.300
384	Kềm sinh thiết dạ dày phủ teflon, đường kính 3.0/2.3/1.8mm	Kềm sinh thiết dạ dày - Kích thước: * Chiều dài làm việc 280/230/160/120cm * Đường kính thân kềm 3.0/2.3/1.8mm - Thiết kế: * Thân kềm có vỏ bọc Teflon, tương phản cao trong đường tiêu hóa, giảm mài mòn kênh ống soi và không có vỏ bọc * Miệng kềm oval có 2 kiểu: Dạng lưỡi phẳng và dạng có răng mịn, có cửa sổ 2 bên hàm kềm, có kim hoặc không kim * Số lượng răng 6 răng bên ngàm trên, 5.5 răng bên ngàm dưới 2 ngàm - Tay cầm thiết kế kiểu Ergonomical - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích ống soi với kênh ống soi ≥ 2.8mm, 3.2mm	3	Cái	#####
385	Keo dán da 0.5ml	Keo dán da dùng để điều trị vết thương dài đến 4cm - Thành phần 2-octyl cyanoacrylate - Thể tích 0.5 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	lọ	248
386	Keo dán da, dán mô nội soi 0.5ml	Keo dán da, dán mô nội soi có thể dùng cho mô cơ thể (không chỉ dùng ngoài da) - Thành phần N - butyl - 2 - cyano acrylat - Thể tích 0.5ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Lọ	600
387	Kéo mổ nội soi cong, 5mm	Kéo mổ nội soi cong, 5mm - Kích thước: * Lưỡi kéo dài khoảng 15 - 17mm * Đường kính thân 5mm * Chiều dài thân 31 - 33cm - Thiết kế: cong sang trái khoảng 15 độ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	1.625

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
388	Keo sinh học đóng mạch ngoại biên	Keo sinh học đóng mạch ngoại biên điều trị bệnh suy tĩnh mạch - Là chất xơ hóa đưa vào lòng tĩnh mạch cần điều trị làm mạch máu tắc vĩnh viễn - Keo không gây sưng phù, phi nhiệt và không gây cứng khi bít tắc tĩnh mạch - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương đương venaseal closure system	3	Bộ	2
389	Keo sinh học vá mạch máu bằng hỗn hợp keo gelatin và chất đóng máu thrombin, 5ml	Keo sinh học vá mạch máu - Thành phần hỗn hợp keo gelatin kết dính và chất tạo đông máu thrombin - Thẻ tích 5ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	160
390	Keo sinh học, 2ml	Keo sinh học bịt kín kẽ hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm, trong mô tim, mạch máu, phổi, sinh dục, màng cứng, tiêu hóa... - Thành phần protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%), chịu được áp lực $\geq 450\text{mgHg}$ - Thẻ tích 2ml - Thiết kế xylanh hai nòng và vòi bơm dạng xoắn, kèm 4 đầu bơm keo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	tube	75
391	Keo sinh học, 4ml	Keo sinh học cầm máu phẫu thuật, phòng ngừa, giảm dính sau phẫu thuật - Chất liệu hydrogel tổng hợp - Thẻ tích 4ml - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương đương loại Coseal Surgical Sealant	3	Bộ	75
392	Keo sinh học, 5ml	Keo sinh học bịt kín kẽ hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm trong phẫu thuật tại tim, mạch máu, phổi, sinh dục, màng cứng, tiêu hóa... - Thành phần protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%), chịu được áp lực $> 450\text{mgHg}$ - Thẻ tích 5ml - Thiết kế xylanh hai nòng và vòi bơm dạng xoắn, kèm 4 đầu bơm keo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	tube	270
393	Kẹp bấm da	Kẹp bấm da thiết kế dạng đòn bẩy, đầu đập ghim thiết kế gấp xéo góc, dễ quan sát phẫu trường, có bấm ngăn, giảm môi tay khi bấm nhiều kim - Kích thước ngang 6.4 - 7.1mm, sâu 3.9 - 4.7mm, đường kính kim 0.55 - 0.58mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	60
394	Kẹp cầm máu điện dùng trong nội soi tiêu hóa	Kẹp cầm máu điện dùng trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa và kim loại. - Chiều dài làm việc 1650mm - 2300mm - Độ mở ngàm 4mm - 6.5mm, hỗ trợ tính năng xoay, thiết kế ngàm chống trượt để bám chắc vào điểm chảy máu - Đường kính kênh dụng cụ 2.8 - 3.2mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích ống soi Olympus	3	Cái	7
395	Kẹp cầm máu, ngàm dài 7.5 mm	Kẹp cầm máu dùng cầm máu trong cắt polyp ống tiêu hóa - Thiết kế góc 135 độ, chiều dài ngàm 7.5mm - Tương thích ống soi dạ dày GIF, ống soi đại tràng CF - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương đương loại kẹp cầm máu Olympus (HX-610-135)	3	Cái	5.920
396	Kẹp cầm máu, ngàm dài 9mm	Kẹp cầm máu dùng cầm máu trong cắt polyp ống tiêu hóa - Thiết kế góc 90 độ vỏ, chiều dài ngàm 9mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương đương loại kẹp cầm máu Olympus (HX-610-090L)	3	Cái	1.800
397	Kẹp lưỡng cực không dính, dài 22cm, đường kính đầu tip 0.7mm	Kẹp lưỡng cực đốt cầm máu - Chiều dài 22cm ($\pm 3\%$) - Đầu tip đốt không dính - Đường kính đầu tip 0.7mm - Cán cong - Khớp chặn giúp duy trì và định hướng độ khép chính xác giữa hai đầu tip - Lực đàn hồi mạnh hỗ trợ bóc tách - Thiết kế cấu trúc vi mô trong đầu tip - Chuôi tròn tương thích với dây đốt lưỡng cực tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	40
398	Kẹp lưỡng cực ngàm rộng, có khóa điều chỉnh	Kẹp lưỡng cực ngàm rộng, có khóa điều chỉnh - Chiều dài tay cầm 220 - 240mm - Chiều dài thân dụng cụ 360 - 380mm - Ngàm dụng cụ đa khớp nối, xoay đa chiều - Có đầu kết nối lưỡng cực - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	cái	2

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
399	Khăn trải bàn mayo hai lớp	Khăn trải bàn mayo hai lớp - Chất liệu Plastic, được gia cố bán thấm 58gsm chỉ thấm mặt trên - Kích thước 80 x 145cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	5.000
400	Khay hấp tiệt trùng dùng cho dao siêu âm không dây	Khay hấp tiệt trùng dùng cho dao siêu âm không dây - Có thể tái sử dụng nhiều lần - Có thể hấp tiệt trùng nhiệt độ cao - Có thể hấp cùng lúc 01 đầu máy và 02 khay hỗ trợ thay lắp pin - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	1
401	Khay hỗ trợ thay lắp pin dùng cho dao siêu âm không dây	Khay hỗ trợ thay lắp pin dùng cho dao siêu âm không dây - Có thể tái sử dụng nhiều lần - Có thể hấp tiệt trùng nhiệt độ cao - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	1
402	Kim chích cầm máu dạ dày chích keo	Kim chích cầm máu dạ dày chích keo, có đầu kim loại an toàn - Đường kính kênh 1.8/ 1.9/ 2.3/ 2.6 mm - Chiều dài kim 4 - 15mm, đường kính kim 0.5 - 1.2mm - Chiều dài làm việc 160/180cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	120
403	Kim chích cầm máu dạ dày đại tràng loại có đầu kim loại an toàn	Kim chích cầm máu dạ dày đại tràng loại có đầu kim loại an toàn - Đường kính kênh 1.8; 1.9; 2.3; 2.6mm - Chiều dài kim 4 - 15mm, đường kính kim 0.5 - 1.2mm - Chiều dài làm việc 230cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	750
404	Kim đốt sóng cao tần điều trị nhân giáp, bướu giáp nhân lành tính	Kim đốt sóng cao tần điều trị nhân giáp, bướu giáp nhân lành tính - Kích thước: * Đường kính kim đốt 18G * Chiều dài kim đốt 70 - 300mm - Chiều dài đoạn sinh nhiệt: 5mm, 7mm, 10mm - Bộ phận đi kèm: dây dẫn tín hiệu, cảm biến nhiệt độ và bộ phận làm mát kim đốt bằng nước - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy CoATherm AK-F200	6	Cái	100
405	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, các cơ	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, các cơ - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng polyurethane, không latex, không PVC, không DEHP - Kích cỡ 20G, 22G, chiều dài kim 15mm, chiều dài dây nối 25cm - Cấu tạo kim gấp góc có đế cố định không màu nổi với dây nối, có khóa kẹp - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO Tương đương loại Cytocan non-coring needle	4	Cái	290
406	Kim dùng tiêm chất làm đầy vùng má 23G, dài 50mm	Kim dùng tiêm chất làm đầy vùng má, dùng 1 lần - 1 Kim đầu tù bằng thép, phủ silicon, có nắp đậy - Cờ kim 23G, chiều dài 50mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Ống	100
407	Kim dùng tiêm chất làm đầy vùng má 25G, dài 50mm	Kim dùng tiêm chất làm đầy vùng má, dùng 1 lần - 1 kim đầu tù bằng thép, phủ silicon, có nắp đậy - Cờ kim 25G, chiều dài 50mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Ống	300
408	Kim gấp dị vật dùng để lấy dị vật trong nội soi tiêu hóa	Kim gấp dị vật dùng để lấy dị vật trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa và kim loại - Chiều dài 1600mm - 1650mm, độ mở rộng ngàm 11.3 - 14.9mm - Kèm tích hợp tay cầm, vỏ cách điện, ngàm răng chuốt kết hợp răng cá sấu - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	4
409	Kim gây tê đám rối thần kinh 20G, 100mm	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 20G dài 100mm - Thân kim có chia vạch, được khắc chữ "X" xung quanh thân kim để tối đa hóa độ cân âm, mặt vát 30 độ, cách điện - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn điện - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex HNS12	3	Cái	200

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
410	Kim gây tê đâm rỗng thần kinh 21G, 100mm	Kim gây tê đâm rỗng thần kinh - Kim 21G dài 100mm, mặt vát 30 độ, cách điện, thân kim có chia vạch - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex HNS12	3	Cái	200
411	Kim gây tê đâm rỗng thần kinh 22G, 50mm	Kim gây tê đâm rỗng thần kinh - Kim 22G dài 50mm, mặt vát 30 độ, cách điện, thân kim có chia vạch - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex HNS12	3	Cái	100
412	Kim gây tê đâm rỗng thần kinh dưới siêu âm, cỡ 21G, dài 100mm	Kim gây tê đâm rỗng thần kinh dưới siêu âm - Chất liệu kim bằng thép không gỉ - Đặc điểm: Đầu kim vát, hiển thị rất cao dưới máy siêu âm, hình ảnh đậm nét cho phép xác định chính xác vị trí và góc khi đâm kim, vạch chia độ dài trên kim màu đen - Kích cỡ 21G x 100mm có dây nối đi kèm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	300
413	Kim gây tê tủy sống cỡ 18G - 27G	Kim gây tê tủy sống - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim thiết kế 3 mặt vát sắc bén để giảm lực khi đâm kim - Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. - Cỡ 18G - 27G, dài 85 - 90mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	10.080
414	Kim gây tê tủy sống, có cánh, cỡ 18G - 27G	Kim gây tê tủy sống, có cánh - Kim bằng thép không gỉ phủ silicone, đầu kim thiết kế 3 mặt vát sắc bén giúp giảm lực khi đâm kim và luồn kim nhẹ nhàng - Chuôi kim hình lăng trụ, có nhiều rãnh quan sát dịch chảy ra và thuốc tiêm vào - Phần cánh giúp cố định kim khi bơm thuốc chắc chắn - Cỡ 18G - 27G, đường kính ngoài 0.4 - 1.2mm, đường kính trong 0.3 - 0.8mm, độ mở khoang 0.24 - 0.84mm, dài 85 - 90mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	3.012
415	Kim gây tê tủy sống, đầu kim bút chì 27G	Kim gây tê tủy sống - Kim bằng thép không gỉ cỡ 27G x 3 1/2" (88mm) - Kim dẫn đường cỡ 22G x 1 3/8" (35mm) - Đầu kim dạng bút chì giúp giảm tổn thương mô - Chuôi kim trong suốt, có phản quang, phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	500
416	Kim mang kim, có khóa điều chỉnh	Kim mang kim, có khóa điều chỉnh - Chiều dài tay cầm 220 - 240mm - Chiều dài thân dụng cụ 360 - 380mm - Ngâm dụng cụ đa khớp nối, xony đa chiều, có khóa điều chỉnh - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	cái	2
417	Kim sinh thiết dùng 1 lần, cỡ 18 - 20G	Kim sinh thiết - Thiết kế: Cán kim mã hóa màu để dàng xác định số kim, đầu kim cán tia X-ray - Kích cỡ 18 - 20G, dài 15 - 20cm, độ dài mẫu 18-20mm - Tương thích với súng sinh thiết cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	cái	30
418	Kim tiêm bằng quang 6Fr loại có lỗ bên hông	Kim tiêm bằng quang - Kim tiêm cỡ 6Fr - Van một chiều kích hoạt ống tiêm - Thành bên của kim có lỗ cho phép dung dịch xuyên vào thành bằng quang	3	Cái	10
419	Lọ cắt polyp hình oval, đường kính 10/15/25mm	Lọ cắt polyp hình oval - Đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm, chiều dài làm việc 2300mm - Đường kính lọ có độ mở tối đa 10/15/25mm - Độ dày của dây lọ cắt 0.47mm tối đa hóa cầm máu và điều khiển dễ dàng, tích hợp tay cầm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	5	Cái	150
420	Lưỡi cắt dùng trong phẫu thuật thanh quản	Lưỡi cắt dùng trong phẫu thuật thanh quản - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đầu cắt tù, không răng rũa, cong 15 độ - Lưỡi cắt cong kép - Đường kính 2.9mm, 3.5mm, 4.0mm, chiều dài lưỡi cắt 18 - 27.5cm - Tốc độ hoạt động 60 - 500 vòng/phút - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với máy khoan model IPC sử dụng tại viện	3	Cái	5

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
421	Lưỡi đèn soi đặt nội khí quản có camera sử dụng 1 lần	Lưỡi đèn soi đặt nội khí quản có camera sử dụng 1 lần - Chất liệu Polymer quang học có lớp chống mù - Kích cỡ: + Lưỡi số 1 dài 93mm, dài thân lưỡi 102mm + Lưỡi số 2 dài 102mm, dài thân lưỡi 111mm + Lưỡi số 3 dài 114mm, dài thân lưỡi 122mm + Lưỡi số 4 dài 126mm, dài thân lưỡi 138mm Sai số kích thước so với thông số yêu cầu không vượt quá ($\pm 3\%$) giá trị. - Trường nhìn = 47 độ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với bộ đèn soi có camera MC Grath đang có ở bệnh viện	4	Cái	1.000
422	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y bằng polyester, dài 40cm	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y điều trị bắc cầu động mạch chủ, ngoại biên - Chất liệu bằng polyester - Đường kính 12 x 6mm, 14 x 7mm, 16 x 8mm, 18 x 9mm, 20 x 10mm, 22 x 11mm, 24 x 12mm, chiều dài 40cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	20
423	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc kháng khuẩn, đường kính 6, 7, 8 mm dài 60cm	Mạch máu nhân tạo loại thẳng điều trị bắc cầu động mạch ngoại biên - Chất liệu bằng polyester có tráng bạc kháng khuẩn - Đường kính 6, 7, 8mm, dài 60cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	5
424	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc kháng khuẩn, đường kính 6, 7, 8 mm, dài 90cm	Mạch máu nhân tạo loại thẳng điều trị bắc cầu động mạch ngoại biên - Chất liệu bằng polyester có tráng bạc kháng khuẩn - Thiết kế có vòng xoắn chống gập, đè nén - Đường kính 6, 7, 8mm, dài 90cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	5
425	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô mỡ bằng polyvinylidene fluoride, ngang > 7cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô mỡ - Chất liệu polyvinylidene fluoride - Kích thước ngang > 7cm, dọc 10 - 15cm - Khả năng chịu lực $\geq 16N/cm$ - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Đóng gói riêng lẻ, không gập đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	20
426	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô mỡ bằng polyvinylidene fluoride, ngang 5 - 7cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô mỡ - Chất liệu polyvinylidene fluoride - Kích thước ngang 5 - 7cm, dọc 10 - 15cm - Khả năng chịu lực $\geq 16N/cm$ - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Đóng gói riêng lẻ, không gập đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	35
427	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi bằng polyester, trái, phải, có gai	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, trái, phải - Chất liệu polyester - Kích thước ngang 10 - 12cm, dọc 13 - 15cm - Khả năng chịu lực > 16N/cm - Độ nặng 70 - 140 g/m ² , thay đổi theo thời gian sau khi sử dụng - Kiểu dệt lưới (woven) hoặc đan (warp knitted) - Có gai làm bằng chất liệu có thể tan - Có khả năng tự cố định - Đóng gói riêng lẻ, không gập đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Miếng	10
428	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi bằng polypropylene 10x15cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị, có tính co giãn đa chiều - Chất liệu polypropylene đơn sợi, dệt 2D - Kích thước lỗ 1 - 2mm - Trọng lượng nhẹ 30 - 50g/m ² - Kích thước ngang 10 - 12cm, dọc 12 - 15cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Miếng	20

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
429	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước ngang 10 - 12cm, dọc 13 - 15cm - Khả năng chịu lực $\geq 16\text{N/cm}$ - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	70
430	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride, định hình 3D	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước ngang 10 - 12cm, dọc 13 - 15cm - Khả năng chịu lực $\geq 16\text{N/cm}$ - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Định hình lưới 3D - Đường kẻ định hình không gian: có - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	80
431	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị hoành bằng polyvinylidene fluoride cỡ 7 x 12cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị hoành - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 7 x 12cm - Lỗ hiệu quả $> 60\%$ - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ - Độ đàn hồi $> 10\%$ - Kiểu dệt lưới hoặc đan, thiết kế mặt lưới tiếp xúc thực quản mềm mại, hạn chế ăn mòn - Chống dính 1 mặt hoặc 2 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	2
432	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị hoành bằng polyvinylidene fluoride cỡ 8 x 13cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị hoành - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 8 x 13cm - Lỗ hiệu quả $> 60\%$ - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ - Độ đàn hồi $> 10\%$ - Kiểu dệt lưới hoặc đan, thiết kế mặt lưới tiếp xúc thực quản mềm mại, hạn chế ăn mòn - Chống dính 1 mặt hoặc 2 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	2
433	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20 x 15cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 15 x 20cm - Trọng lượng 70 - 140 g/m ² - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Miếng	11
434	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20 x 25cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 20 x 25cm - Trọng lượng 70 - 140g/m ² - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Miếng	12
435	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20 x 30cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 20 x 30cm - Trọng lượng 70 - 140g/m ² - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Miếng	10

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
436	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, 10 x 15cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước 10 x 15cm - Trọng lượng 70 - 140g/m2 - Kích thước lỗ 1 - 3mm - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Đóng gói riêng rẽ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	20
437	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, 12- 15cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene đơn sợi, có khả năng co giãn - Kích thước lỗ 1 - 3mm - Trọng lượng 30 - 50g/m2 - Kích thước ngang 12 - 15cm, dọc 12 - 15cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Miếng	20
438	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, 30 x 30cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước 30 x 30cm - Trọng lượng 70 - 140g/m2 - Kích thước lỗ 1 - 3mm - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Đóng gói riêng rẽ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	8
439	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 15 x 20cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu: polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 15 x 20cm - Lỗ hiệu quả $> 40\%$ - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng rẽ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	7
440	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 20 x 25cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 20 x 25cm - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng rẽ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	5
441	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 20 x 30cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 20 x 30cm - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng rẽ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	10
442	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, hình tròn đường kính 10 - 12cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Hình tròn, đường kính 10 - 12cm - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng rẽ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	5
443	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 15 x 25cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước ngang 12 - 15cm, dọc 22 - 25cm - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Đóng gói riêng rẽ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	5

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
444	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 20 x 30cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước ngang 18 - 20cm, dọc 28 - 30cm - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	2
445	Mảnh ghép nặng dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi, bằng polypropylene	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước ngang 10 - 15cm, dọc 13 - 15cm - Trọng lượng 70 - 140 g/m ² - Khả năng chịu lực $\geq 16\text{N/cm}$ - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Có đường kẻ định hình không gian - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	20
446	Mảnh ghép nặng dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi, bằng polypropylene, định hình lưới 3D, trái, phải	Mảnh ghép nặng dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước ngang 10 - 12cm, dọc $\geq 15\text{cm}$ - Trọng lượng 70 - 140g/m ² - Kích thước lỗ 1 - 3mm - Khả năng chịu lực $\geq 16\text{N/cm}$ - Độ đàn hồi $> 20\%$ - Kiểu dệt chéo - Có định hình lưới 3D - Phân chia trái, phải riêng biệt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	30
447	Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi, bằng polypropylene, định hình lưới 3D, trái, phải	Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước ngang 10 - 12cm, dọc $\geq 15\text{cm}$ - Trọng lượng 35 - 70g/m ² - Kích thước lỗ 1 - 3mm - Khả năng chịu lực $\geq 16\text{N/cm}$ - Kiểu dệt chéo - Có định hình lưới 3D - Phân chia trái, phải riêng biệt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	40
448	Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, chống dính, hình eclíp	Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị thành bụng, hình eclíp - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước ngang 15 - 18cm, dọc 20 - 22cm - Trọng lượng 35 - 70g/m ² - Kích thước lỗ 1 - 3mm - Khả năng chịu lực $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang - Kiểu dệt chéo - Chống dính 1 mặt hoặc 2 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	2
449	Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị vùng bẹn mổ mở, bằng polypropylene	Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị vùng bẹn mổ mở - Chất liệu polypropylene - Kích thước ngang 5 - 7cm, dọc 10 - 15cm - Trọng lượng 35 - 70g/m ² - Kích thước lỗ 1 - 3mm - Khả năng chịu lực ít nhất 16N/cm - Kiểu dệt lưới hoặc đan - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	168
450	Mặt nạ gây mê có van bơm, có mùi thơm	Mặt nạ gây mê có van bơm, có mùi thơm - Chất liệu PVC y tế, mùi dễ chịu, mềm, có van bơm 1 chiều, eo nối 22mmF - Kích cỡ 0, 1, 2, 3, 4, 5 chỉ thị màu theo số - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	15.200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
451	Mặt nạ thanh quản 2 nóng	Mặt nạ thanh quản 2 nóng - Chất liệu bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC) mềm dẻo, không Latex - Kích cỡ số 1- 5. Thể tích bóng (cuff) tối đa 5- 45ml, kích thước sonde dạ dày tối đa 6, 10, 14Fr - Có 2 điểm chèn: + Điểm chèn 1: ở vị trí hầu họng đưa áp lực thông khí lên đến 37cm H2O + Điểm chèn 2 ở vị trí thực quản - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	2	cái	50
452	Mặt nạ thanh quản bằng silicon	Mặt nạ thanh quản 2 nóng dùng 1 lần - Chất liệu nhựa nhiệt dẻo, không chứa latex - Trọng lượng tương ứng từ size 3 - 5: 47,3g/58,6g/72,2g - Chỉ dùng gel bôi trơn khi sử dụng - Mặt nạ kín khí và có màu sắc nhận diện riêng biệt giữa các size 3; 4; 5 - Có nòng thứ 2 thiết kế bên trong lồng ống - Thiết kế lá chắn nằm cuối mặt nạ ngăn không cho nắp thanh quản rơi xuống làm cản trở đường thở - Mặt nạ dạng bán nguyên khối chống cản ống - Trên thân ống thể hiện số kg và thể hiện vạch tối đa khi đặt - Co nối 15mmF - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	30
453	Mặt nạ thanh quản bằng silicon, sử dụng ≥ 30 lần, các cỡ	Mặt nạ thanh quản 2 nóng, sử dụng nhiều lần, cỡ tích hợp 1 nòng đặt sonde dạ dày - Chất liệu bóng chèn (cuff) bằng silicon, không latex - Kích cỡ 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 4.0, 5.0 - Thể tích cuff tối đa 7, 10, 14, 20, 30, 40 ml - Kích thước sonde dạ dày tương ứng từ 8 Fr-16 Fr - Thân ống được gia cố vòng lo xo bên trong giúp định hình ống và không bị gấp gảy tắc nghẽn * Có 2 điểm chèn: - Điểm chèn 1 ở vị trí hầu họng đưa áp lực thông khí lên đến 37cm H2O - Điểm chèn 2 ở vị trí thực quản - Có nắp màu đỏ bảo vệ bóng khi khử trùng - Tái sử dụng lên đến 40 lần - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	115
454	Miếng chống dính tự tiêu, 100 x 130 x 0.05mm	Miếng chống dính tự tiêu, dùng trong phẫu thuật tổng quát, sản khoa, tiết niệu - Chất liệu chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide theo tỷ lệ 70:30 - Kích cỡ 100 x 130 x 0.05mm - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, ngăn cản tăng sinh của mô sẹo và quá trình hình thành hoặc tái hình thành dính sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	5
455	Miếng chống dính tự tiêu, 200 x 130x 0.05mm	Miếng chống dính tự tiêu, dùng trong phẫu thuật tổng quát, sản khoa, tiết niệu - Chất liệu chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide theo tỷ lệ 70:30 - Kích cỡ 200 x 130 x 0.05mm - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, ngăn cản tăng sinh của mô sẹo và quá trình hình thành hoặc tái hình thành dính sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	5
456	Miếng chống dính tự tiêu, 50 x 70x 0.05mm	Miếng chống dính tự tiêu, dùng trong phẫu thuật tổng quát, sản khoa, tiết niệu - Chất liệu chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide theo tỷ lệ 70:30 - Kích cỡ 50 x 70 x 0.05mm - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, ngăn cản tăng sinh của mô sẹo và quá trình hình thành hoặc tái hình thành dính sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	2
457	Miếng lau đầu đốt dao phẫu thuật 47 x 47mm	Miếng lau đầu đốt giúp làm sạch và loại bỏ mô trên đầu dao điện trong quá trình phẫu thuật Bề mặt nhám giúp loại bỏ mô hiệu quả - Mặt sau dính - Có thể phát hiện bởi X-quang - Kích thước 47 x 47mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	3	Cái	24.200
458	Miếng lót phẫu thuật	Miếng lót phẫu thuật - Chất liệu bằng vải không dệt bán thấm 48gsm - Kích cỡ 80 x 120cm - Tiệt khuẩn	5	Cái	10.000

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
459	Miếng vá mạch máu tái tạo thành mạch máu bằng Polyesterurethane	Miếng vá mạch máu tái tạo thành mạch máu - Chất liệu Polyesterurethane - Thiết kế cấu trúc vi mô giúp cho sự kết hợp mô tốt, đàn hồi, không chảy máu lỗ chỉ khâu do độ đàn hồi cao của sợi polymer - Kích thước 3 x 4cm, 2 x 9cm, 1 x 7cm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	10
460	Miếng vá tạo hình Block	Miếng vá tạo hình Block - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 38 x50mm dày 1.0mm/1.7mm ; 38 x 63mm dày 3.0mm/6.0mm; 50 x50mm dày 2.0mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	5
461	Miếng vá tạo hình cân cơ thái dương trái /phải	Miếng vá tạo hình cân cơ thái dương trái /phải - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, có các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Miếng ghép có nhiều cuống, trái/phải, các cỡ 76 x 61 x 19mm; 90 x 73 x 19mm; 101 x 85 x 19mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	10
462	Miếng vá tạo hình dưới cung mắt trái/ phải	Miếng vá tạo hình dưới cung mắt trái/ phải - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 48 x 25mm, trái/phải - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	5
463	Miếng vá tạo hình gò má các cỡ	Miếng vá tạo hình gò má các cỡ - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng đến 50% thể tích toàn phần - Có mẫu định vị giúp ghép cân đối và chính xác - Kích cỡ 52 x 26 x 3.0mm; 52 x 27 x 4.0mm; 52 x 28 x 5.0mm, trái/ phải - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	5
464	Miếng vá tạo hình mũi trái/phải	Miếng vá tạo hình mũi trái/phải - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 29 x 19 x 6.0mm hoặc 35 x 26 x 9.0mm trái/ phải - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	2
465	Miếng vá tạo hình ống tai ngoài trái/ phải	Miếng vá tạo hình ống tai ngoài trái/ phải - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 35 x 53mm trái/phải - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	2
466	Miếng vá tạo hình quanh ổ mắt trái/ phải	Miếng vá tạo hình quanh ổ mắt trái/ phải - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 53 x 31mm, trái/phải - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	5
467	Miếng vá tạo hình sọ mặt	Miếng vá tạo hình sọ mặt - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 30 x50mm dày 0.45mm; 50 x76mm dày 0.85mm/1.5mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	5
468	Miếng vá tạo hình vành tai trái / phải	Miếng vá tạo hình vành tai trái / phải - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 50 x 61mm trái/phải - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	2
469	Miếng vá tạo hình vùng mặt và sàn ổ mắt	Miếng vá tạo hình vùng mặt và sàn ổ mắt - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 13 x 38mm dày 3.0mm/6.0mm; 30 x 50mm dày 0.45mm; 38 x 50mm dày 0.85mm/1.5mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	5
470	Miếng vá tạo hình xương và cân cơ thái dương trái/phải	Miếng vá tạo hình xương và cân cơ thái dương trái/phải - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần, miếng ghép có cuống - Kích cỡ 45 x 44 x 7.0mm x 3.0mm, trái/phải - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	5
471	Móc đơn cực, móc phải, có khóa	Móc đơn cực, móc phải, có khóa - Chiều dài tay cầm 220 - 240 mm - Chiều dài thân dụng cụ 360 - 380mm - Đầu móc phải xoay đa chiều - Có đầu kết nối đơn cực - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	Cây	1

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
472	Mũi khoan kim cương dùng trong phẫu thuật tai, đường kính 0.5 - 6mm	Mũi khoan kim cương dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thân bằng thép không gỉ, đầu mũi khoan hình tròn bằng kim cương - Đường kính 0.5 - 6mm, chiều dài 50 - 80mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy khoan model IPC sử dụng tại viện	3	Cái	9
473	Mũi khoan kim cương dùng trong phẫu thuật tai, đường kính 1 - 5mm	Mũi khoan kim cương dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thân bằng thép không gỉ hoặc tương đương, đầu mũi khoan hình tròn bằng kim cương - Đầu mũi khoan hình tròn, đường kính từ 1 - 5mm, chiều dài 50 - 80mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích tay khoan điện EM200 và máy khoan model IPC sử dụng tại viện	3	Cái	15
474	Mũi khoan mài kim cương sản sọ trước	Mũi khoan mài kim cương sản sọ trước dùng trong phẫu thuật sản sọ và phẫu thuật nội soi xoang mở rộng - Chất liệu thân bằng thép không gỉ - Đường kính 2.5mm - 5mm, dài 12.5cm - 15cm, cong 15 - 70 độ - Thiết kế đầu mũi khoan hình tròn, hình vuốt nhọn, hình viên đạn, bằng kim cương - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với máy khoan model IPC sử dụng tại viện	3	Cái	5
475	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật sản sọ	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật sản sọ - Chất liệu thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh - Đường kính 2.5 - 5mm, cong 15 - 70 độ - Mũi khoan dài 12.5 - 15cm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với máy khoan model IPC sử dụng tại viện	3	Cái	10
476	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai đường kính 0.5 - 7mm	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh, đường kính 0.5 - 7 mm - Mũi khoan có chiều dài từ 50 - 80 mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy khoan model IPC sử dụng tại viện	3	Cái	19
477	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai đường kính 1 - 6mm	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh, đường kính 1 - 6mm - Mũi khoan có chiều dài từ 50 - 80mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích tay khoan điện EM200 và máy khoan model IPC sử dụng tại viện	3	Cái	65
478	Ngáng miệng	Ngáng miệng dùng trong nội soi dạ dày giúp bảo vệ ống nội soi - Chất liệu bằng nhựa mềm không có latex - Có dây đeo cố định, bằng nhựa - Có lỗ ở giữa lớn $\geq 60\text{Fr}$, cao 20 - 22mm x rộng 25 - 27mm - Lỗ bên lớn để hút dịch	3	Cái	3.100
479	Ống có lắp phổi dùng thông khí một bên phổi	Ống có lắp phổi dùng thông khí một bên phổi - Chất liệu bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC), không Latex, không DEHP - Đường kính 7Fr. chiều dài 75cm - Bao gồm: * Một ống dẫn khí dài 75 cm là ống 1 nòng, có đầu xa hình chữ Y, trên hình Y có 2 bóng chèn (cuff) phế quản trái và phải. * Một co nối (dùng kết nối với ống nội khí quản) chức năng là thông khí, có cổng vào cho: ống nội soi hoặc ống hút đàm. * Một cổng kết nối oxy * Hai nắp đậy - Trên thân ống dẫn khí được đánh dấu độ dài tương ứng mỗi 1cm - Chất liệu bóng chèn (cuff) làm bằng polyurethane, được mã hóa màu tương ứng với 2 đầu cần bơm kiểm soát áp lực cuff - Có cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	3	Cái	10
480	Ống dẫn lưu có khoá hình đuôi heo	Ống dẫn lưu có khoá hình đuôi heo - Chất liệu Polyurethane, có phủ lớp ái nước - Thiết kế có vạch cân quang, có ≥ 4 lỗ thoát, kích thước lỗ $>1.5\text{mm}$, có khoá hình đuôi heo - Kích cỡ 6 - 16Fr dài 15 - 60cm - Bộ phận đi kèm: 1 cannula kim loại, 1 cannula nhựa cứng, 1 kim troca, 1 ống duỗi thẳng, 1 ống thông có khoá hình dạng đuôi heo vòng thông dụng hoặc vòng nhỏ - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	20
481	Ống dẫn lưu đường mật bằng cao su, cỡ 14 - 20Fr	Ống dẫn lưu đường mật - Chất liệu cao su tự nhiên, mềm, có tính kích thích mô để tạo đường hầm - Thiết kế đầu ống bo tròn để luồn, chữ T - Cạnh ngang 20 - 22cm, cạnh dọc 38 - 40cm, đường kính ống 14 - 20Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Cái	430

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
482	Ống dẫn lưu đường mật qua da có khóa	- Ống dẫn lưu đường mật qua da có khóa - Kích thước: 6.5F, 7.5F, 8.5F, 10F, 12F, 14F với chiều dài catheter 15cm, 25cm và 40cm - Đầu tip cong hình đuôi heo (pigtail), đầu nhọn và lớp phủ ái nước - Thiết kế với cơ chế khóa bằng một tay - Điểm đánh dấu cân quang được gắn trên thân ống, có 8 đến 9 lỗ thoát dịch - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	170
483	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da, dài 30 - 32cm	- Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da - Chất liệu bằng thermoplastic polyurethane, được phủ 1 lớp ái nước, cân quang - Đường kính 8Fr - 16Fr, dài 30 - 32cm - Số lượng lỗ trên ống ≥ 4, kích thước lỗ $> 2\text{mm}$ - Chiều dài đầu cong 5 - 10cm - Thiết kế phần đầu có thể uốn cong, có đánh dấu chiều dài trên thân ống, tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.89mm - Các bộ phận khác đi kèm: kim chọc, trocar - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Bộ	1.275
484	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da, dài 40cm	- Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da - Chất liệu bằng polyurethane, cân quang - Đường kính 8Fr - 14Fr, dài 40cm - Số lượng lỗ trên ống ≥ 10, kích thước lỗ $> 1.5\text{mm}$ - Chiều dài đầu cong 5 - 10cm - Thiết kế phần đầu có thể uốn cong, tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.89mm - Bộ phận đi kèm trocar - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	60
485	Ống dẫn lưu ổ bụng 24 - 26Fr	- Ống dẫn lưu ổ bụng - Chất liệu bằng silicon mềm, có thể uốn cong, có sọc cân quang, có 6 lỗ bên, dùng dẫn lưu vết thương hở và hở một phần theo phương pháp trọng lực - Kích thước 24 - 26Fr, dài 500mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	120
486	Ống dẫn lưu ổ bụng cỡ 28	- Ống dẫn lưu ổ bụng cỡ 28 - Chất liệu bằng cao su tự nhiên dẻo, có 6 lỗ nằm dọc theo chiều dài của ống để tránh nghẹt và tăng khả năng dẫn lưu, không gây kích thích hay phản ứng mô của cơ thể, bề mặt trơn láng để giảm thiểu nguy cơ nhiễm trùng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Cái	1.300
487	Ống dẫn lưu vết mổ, các cỡ	- Ống dẫn lưu vết mổ - Chất liệu silicon - Loại tròn/dẹt, các cỡ, độ dài 60 - 125cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích bộ dẫn lưu vết mổ cùng hãng	6	Cái	1.200
488	Ống kính nội soi mềm	- Ống kính nội soi mềm điều trị tán sỏi thận nội soi ngược dòng - Ống kính nội soi thiết kế một vỏ bọc cáp nhựa - Đường kính kênh làm việc ngoài 2.5 mm (7.5 Fr) - Đường kính kênh làm việc trong 1.2mm (3.6 Fr) - Góc uốn: $-270^\circ \sim +270^\circ$ - Chiều dài làm việc 630 - 650mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với dàn nội soi của bệnh viện	6	cái	80
489	Ống nối máy thở	- Ống nối máy thở co giãn dùng 1 lần - Chất liệu Polypropylene - Chiều dài điều chỉnh từ 70 - 150mm, khoảng chết từ 20 - 40ml - Kích cỡ co 22M/15F - 22F - 1 eo nối xoay 360 độ chữ L - Có cổng hút đàm/đờ ET/CO2 đường kính 7.6mm, có nắp đậy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	5	Cái	10.790

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
490	Ống nội soi đường mặt loại nhỏ qua ống soi nghiêng	Ống nội soi đường mặt loại nhỏ qua ống soi nghiêng cho phép tiếp cận và quan sát các phụ kiện bên ống mặt tụy - Hiện thị hình ảnh trực tiếp khi được kết nối với bộ điều khiển kỹ thuật số - Bao gồm tay cầm điều khiển và phần thân ống soi - Tay cầm bao gồm ba cổng: • Một cổng kênh làm việc để dẫn đường các phụ kiện • Một cổng hút để loại bỏ chất lỏng qua kênh làm việc tùy chọn • Một cổng tưới để bơm các dung dịch tưới thông qua hai kênh tưới rửa chuyên dụng - Hướng quan sát nhìn thẳng - Trường quan sát 110 - 120 độ - Đường kính đầu ống soi 3 - 4mm - Đường kính thân ống soi 3 - 4mm - Đường kính kênh làm việc 1 - 1.5mm - Khả năng uốn cong từ 20 - 30 độ - Chiều dài làm việc 210 - 215cm - Dụng cụ đi kèm: kèm sinh thiết, rọ lấy sỏi, 1 cổng chữ Y	3	cái	6
491	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng dùng thông khí độc lập 1 phổi, cỡ 28 - 39Fr, dài 42cm	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng dùng thông khí độc lập 1 phổi - Chất liệu bằng Polyvinylchlorua (PVC), không latex - Kích cỡ 28, 35, 37, 39, 41Fr (trái/phải), chiều dài 42cm - Đặc điểm: + Ống có đường cân quang xanh đậm dọc ống và 2 vòng (ống trái) và 3 vòng (ống phải) cân quang ngay tại giữa 2 bóng và mũi luồn giúp xác định chính xác đầu ống. Ống thông phế quản (trái/ phải) 2 nhánh 2 màu phân biệt, dài > 42cm + 2 bóng chèn có màu phân biệt vị trí khí quản/phế quản, có dây cân quang chia vạch - Đường kính trong của 2 nhánh và chiều dài bóng khí quản là 28 x 3.78mm x 45mm; 35 x 4.9mm x 50mm; 37 x 5.16mm x 53mm; 39 x 5.51mm x 54mm; 41 x 5.56mm x 56mm - Bóng chèn thể tích lớn áp lực thấp < 27cm H₂O an toàn khi lưu lâu, hạn chế tổn thương, bóng phế quản hình quả đậu màu xanh cân quang. Bóng khí quản hình oval, thuận dài không chiếm tầm nhìn - Phụ kiện: 1 cây dẫn, 2 ống nối, 1 co Y, 2 sợi dây hút đàm có khóa kiểm soát - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	250
492	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng trái phải, các cỡ 28 - 41Fr	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng trái phải - Chất liệu polyvinylchlorua (PVC) nhạy cảm nhiệt mềm mại, an toàn cho người bệnh - Chiều dài ống nội phế quản và đường kính 2 bóng lần lượt: * Nội phế quản phải: 28 x 23/13mm; 32 x 24/13mm; 35 x 26/21mm; 37 x 28/21mm; 39 x 29/21mm; 41 x 31/21mm * Nội phế quản trái: 28 x 23/12mm; 32 x 24/13mm; 35 x 26/18mm; 37 x 28/18mm; 39 x 29/23mm; 41 x 31/23mm - Bóng thể tích lớn áp lực thấp < 27 cm H₂O an toàn khi lưu lâu, hạn chế tổn thương, bóng phế quản hình quả đậu chứa chất cân quang giúp xác định chính xác đầu ống, cố định tốt tại vị trí đầu xa. Độ cong tương thích giải phẫu, có đường cân quang xanh đậm dọc ống, có nối vuông góc 90 độ giúp kết nối dễ và chắc chắn - Có 04 dây hút đàm đi kèm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	250
493	Ống thông dẫn lưu đường mật loại hình đuôi heo bằng polyethylen, đường kính 7/8.5/10Fr	Ống thông dẫn lưu đường mật loại hình đuôi heo - Chất liệu Polyethylen (PE), có cân quang và ống định vị - Chiều dài từ 3 - 15cm - Đường kính 7/ 8.5/ 10Fr - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	100
494	Ống thông dẫn lưu đường mật trong nội soi mật tụy ngược dòng	Ống thông dẫn lưu đường mật trong nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP), dạng thẳng - Chất liệu Ethylene Vinyl Atiêu chuẩn Châu Âu (CE) tate, mềm, đầu hình nón, có vạt và lỗ bên để giữ vị stent không bị trôi và chống tắt stent, có thể nhìn thấy rõ được dưới tia X - Đường kính stent 10Fr, 12Fr tương thích với kênh sinh thiết từ 3.7mm - 4.2 mm - Chiều dài giữa 2 vạt 50 - 180mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích ống soi Olympus	3	Cái	100
495	Ống thông đặt nong niệu quản, tán sỏi qua da bằng polyurethan, cỡ 6 - 8Fr, dài 80cm	Ống thông đặt nong niệu quản, tán sỏi qua da - Chất liệu bằng Polyurethan - Kích cỡ 6,7,8Fr, dài 80cm - Thiết kế trơn láng, 5 mắt, đầu mở, thẳng, có vạch chia chiều dài - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	100

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
496	Ống thông điều trị suy giãn tĩnh mạch hiền dày 400µm và 600µm	Ống thông điều trị suy giãn tĩnh mạch hiền - Kích thước: * Chiều dài catheter 2.6m * Đầu tip 1.0mm và 1.8mm - Đầu tip phát quang phóng tia tỏa tròn 360° 1 vòng và 2 vòng góc lệch 60 độ so với trục sợi quang - Bước sóng 1470nm - Độ dày 400µm, 600µm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy NeoV 1470 Hoặc tương đương loại Corona	6	Cái	500
497	Ống thông đốt tĩnh mạch đóng nhanh ít xâm lấn	Ống thông đốt tĩnh mạch đóng nhanh ít xâm lấn - Chiều dài dây 60, 100cm, chiều dài đầu phát nhiệt 7cm, phù hợp với dây dẫn 0.025" - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương đương loại RFA	3	Cái	170
498	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng polyurethan, cỡ 6, 7, 8Fr, dài 26cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nang niệu quản - Chất liệu bằng Polyurethan trơn láng, mềm - Kích cỡ 6, 7, 8Fr, dài 26cm - Thiết kế đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Thời gian đặt lưu trong cơ thể lâu ≤ 6 tháng, dẫn lưu tốt, không gây kích ứng người bệnh - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	1.550
499	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng silicone, cỡ 6Fr, 7Fr, dài 26cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nang niệu quản - Chất liệu bằng silicone trơn láng, mềm - Kích cỡ 6Fr, 7Fr, dài 26cm - Thiết kế đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Thời gian đặt lưu trong cơ thể lâu 6 - 12 tháng, dẫn lưu tốt, không gây kích ứng người bệnh - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	500
500	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng silicone, cỡ 6Fr, dài 16cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nang niệu quản, ghép thận - Chất liệu: bằng silicone trơn láng, mềm - Kích cỡ 6Fr, dài 16cm - Thiết kế đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Thời gian đặt lưu trong cơ thể lâu từ 6 - 12 tháng, dẫn lưu tốt, không gây kích ứng người bệnh - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	40
501	Ống thông khí cho hòm nhĩ	Ống thông khí cho hòm nhĩ - Chất liệu bằng Fluoroplastic - Có hình trụ, 2 đầu thiết kế giống cổ áo để kẹp khi sử dụng - Đường kính trong ống 1.14mm và 1.27mm - Đường kính trong mặt bích 2.4mm, 3mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	120
502	Ống thông niệu đạo 3 đường bằng silicone, cỡ 18 - 22 Fr	Ống thông niệu đạo 3 đường dùng trong cắt đốt nội soi tiền liệt tuyến - Chất liệu 100% silicon - Kích cỡ 18 - 22Fr - Bóng dung tích từ 30 - 70ml, bơm rửa, dẫn lưu tốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Cái	285
503	Phẫu tích lưỡng cực, có khóa điều chỉnh	Phẫu tích lưỡng cực, có khóa điều chỉnh - Chiều dài tay cầm 220 - 240 mm - Chiều dài thân dụng cụ 380mm - Ngâm dụng cụ đa khớp nối, xoay đa chiều - Có đầu kết nối lưỡng cực - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	cái	2
504	Pin sạc dùng cho dao siêu âm không dây	Pin sạc dùng cho dao siêu âm không dây - Có thể tái sử dụng lên đến 100 lần - Thời gian chờ lên đến 7 tiếng sau khi sạc đầy - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	1
505	Que tán sỏi điện thủy lực	Que tán sỏi điện thủy lực làm bể, nhỏ viên sỏi - Chất liệu nhựa và kim loại - Kích thước: * Đường kính 4 - 5Fr * Chiều dài dây 600mm * Chiều dài đầu que tán 5mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với máy tán sỏi điện thủy lực	3	Cái	80
506	Que tán sỏi siêu âm bằng kim loại, đài 396mm, đường kính 3.76mm	Que tán sỏi siêu âm dùng để tán sỏi thận, bàng quang, niệu quản - Chất liệu bằng kim loại - Chiều dài 396mm, đường kính 3.76mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ đặt máy - Tương thích với ống soi thận qua da đang sử dụng tại bệnh viện	3	Cái	10

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
507	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ, đường kính 22mm	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ trong nội soi tiêu hóa - Rọ tích hợp tay cầm, thiết kế đầu rọ có núm hình hạt đậu - Tương thích với tay cầm tán sỏi cấp cứu, có kênh bơm tưới rửa/thuốc cân quang, có phần kết nối với ống soi (C-hook), có V-Marking trên thân dụng cụ - Chiều dài làm việc 1900mm, tương thích với kênh dụng cụ 3.7mm trở lên, đường kính rọ 22mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích dây guidewire 0.035", ống soi Olympus tại BV	3	Cái	5
508	Rọ lấy sỏi 4 dây, xoay được	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng trong ERCP trong nội soi tiêu hóa - Rọ tích hợp tay cầm, thiết kế đầu rọ có núm hình hạt đậu, xoay được - Tương thích với tay cầm tán sỏi cấp cứu, có kênh bơm tưới rửa/thuốc cân quang, không cần dùng dây dẫn hướng, có phần kết nối với ống soi (C-hook), có V-Marking trên thân dụng cụ - Chiều dài làm việc 1900mm, tương thích với kênh dụng cụ 2.8mm trở lên, đường kính rọ 22mm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích ống soi Olympus tại BV	3	Cái	5
509	Rọ bắt sỏi làm tán sỏi nội soi bằng ống mềm	Rọ bắt sỏi làm tán sỏi nội soi bằng ống mềm - Kích cỡ 1.8 - 2.2 Fr - Chiều dài 118 - 120cm - Thiết kế loại 4 cạnh, đầu tròn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	cái	30
510	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, cỡ 3Fr, dài ≥ 90cm, độ mở rọ chứa 30mm	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản - Chất liệu Nitinol - Kích cỡ 3Fr, dài ≥ 90cm - Thiết kế: độ mở dài của rọ chứa 30mm, đường kính 15mm, 4 dây hình xoắn ốc, tay cầm có thể tháo rời ra và tái sử dụng lại được - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	317
511	Sleeve + Test chamber	Sleeve: Vỏ bọc bên ngoài phaco, bảo vệ vết mổ, dẫn nước tưới vào mắt - Test chamber: Buồng thử tiền phòng, để kiểm tra độ ổn định tiền phòng - Chất liệu bằng silicon, tái sử dụng nhiều lần - Kính thước: * Đường kính sleeve 1.85mm cho vết mổ 2.7 - 3mm * Cỡ test chamber 19G, 20G, 21G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ đặt máy	4	Cái	7
512	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xé mô, kích thước 272µm	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xé mô - Lõi sợi thạch anh - Kích thước 272µm, chiều dài 3m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy tán sỏi 65W qua da Raykeen	6	Sợi	4
513	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xé mô, kích thước 550µm	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xé mô - Lõi sợi thạch anh - Kích thước 550µm, chiều dài 3m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy tán sỏi 65W qua da Raykeen	6	Sợi	20
514	Stent kim loại dùng dẫn lưu mật ra dạ dày, tá tràng dưới nội soi siêu âm	Stent kim loại dùng dẫn lưu mật ra dạ dày, tá tràng dưới nội soi siêu âm, phù bán phần - Chất liệu bằng kim loại - Đường kính thân stent 10mm - Đường kính đầu stent lọc 16mm - Chiều dài từ 60 - 80 - 100mm - Có dây kéo - Đường kính bộ đặt 8.5Fr, dài 1800mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	Cái	2
515	Stent kim loại dùng dẫn lưu nang giả tụy dưới nội soi siêu âm	Stent kim loại dùng dẫn lưu nang giả tụy dưới nội soi siêu âm, phù toàn phần - Chất liệu bằng kim loại - Đường kính stent 13mm (±1mm) - Đường kính 2 đầu stent lọc từ 24 - 26mm - Chiều dài stent đoạn sử dụng ≤ 20mm - Chiều dài toàn bộ stent ≥ 30mm - Đường kính bộ đặt 10Fr (± 0.5mm) - Chiều dài bộ đặt ≥ 1800mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	Cái	2

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
516	Stent kim loại đường mật bằng nitinol qua ống soi ERCP, đường kính 10mm, dài 4/6/8cm	Stent kim loại đường mật dùng trong trường hợp u, hẹp đường mật lành tính, ác tính - Chất liệu nitinol tự bung - Đường kính stent 10mm, dài 4/6/8cm - Đường kính bộ đặt stent 8Fr, tương thích dây dẫn 0.035" - Stent không có vỏ bao hoặc có vỏ bao, bán phần 2 đầu không có vỏ bao, đầu stent hơi lóc, có thể thu hồi stent sau 12 tháng, cân quang 100% dưới C-arm, an toàn dưới MR có điều kiện ASTM F2503 - Bộ đặt stent có 3 điểm vàng: 1 điểm báo hiệu giới hạn cuối của stent và bộ đặt, 2 điểm trên phần trên của tay đặt báo hiệu giới hạn cuối có thể thu hồi stent đã bung đến 80% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với tất cả các ống soi ERCP	3	Cái	20
517	Stent kim loại đường mật có hoặc không màng bọc permalume	Stent kim loại đường mật - Chất liệu Platinol, có hoặc không màng bọc permalume phủ bên ngoài stent - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại 6cm, 8cm, 10cm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn 8 - 10mm * Chiều dài dụng cụ 60 - 80cm, đường kính catheter 8 - 10 Fr - Thiết kế 2 đầu stent có nhiều vòng nhỏ và lóc giảm chấn thương và chống di lệch stent, cấu trúc ô đóng, thiết kế bên chống xẹp và tăng ổn định, stent có thể thu gọn để tái định vị vị trí khi trong quá trình bung stent 60-80% - Có 3 - 4 điểm cân quang trên catheter (đầu - giữa - đuôi stent) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với dây dẫn 0.035"	3	Cái	50
518	Stent kim loại đường mật có màng bọc bằng silicone có nhiều lỗ trên màng bọc	Stent kim loại đường mật - Chất liệu bằng Nitinol, có màng bọc bằng silicone có nhiều lỗ trên màng bọc - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại 40 - 120mm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn 8 - 10mm * Chiều dài hữu dụng 50 - 180cm, đường kính catheter 8 - 10Fr - Thiết kế 2 đầu stent có nhiều vòng nhỏ và lóc giảm chấn thương và chống di lệch stent, cấu trúc ô đóng, thiết kế bên chống xẹp và tăng ổn định, stent có thể thu gọn để tái định vị vị trí khi bung stent 60 - 80% - Có 3 - 4 điểm cân quang trên catheter (đầu - giữa - đuôi stent) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích dây dẫn 0.035"	3	Cái	50
519	Súng sinh thiết đường mật nhiều lần	Súng sinh thiết dùng nhiều lần - Đặc điểm: Khả năng đẩy 20 - 22mm, Có bản được kích hoạt dễ dàng, Có khoá bảo vệ an toàn, lấy mẫu không cần tháo kim ra khỏi súng, dễ dàng vệ sinh khử trùng	3	Bộ	1
520	Tấm điện cực trung tính	Tấm điện cực trung tính - Chất liệu Polyethylen foam - Kích cỡ 176 x 120 - 123mm, hình oval - Thiết kế đường cong dần được mọi hướng, độ dày 1mm, lớp film bảo vệ PETP, độ dính tốt - Tương thích máy cắt đốt điện Erbe	3	cái	1.400
521	Tấm điện cực trung tính kèm dây	Tấm điện cực trung tính kèm dây dùng cho người bệnh có cân nặng $\geq 13\text{kg}$ - Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày $\geq 0.150\text{ cm}$ - Viên bán cực được bao quanh bằng lớp keo aryllic - Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC 60601-2-2:2006 - Tương thích với các hệ thống dao mổ điện - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab tại bệnh viện	3	cái	8.600
522	Tấm điện cực trung tính loại kép	Tấm điện cực trung tính loại kép - Gồm 1 lớp bảo vệ, 1 lớp hydrogel tiếp xúc người bệnh, điện cực làm bằng Aluminium - Tấm dán có Hydrogel, diện tích bề mặt lớn làm giảm mật độ năng lượng tại phần tiếp xúc, giảm nhiệt độ tại da người bệnh	4	cái	20
523	Tấm năng điều trị sa bằng quang bằng Polyvinylidene Fluoride, cỡ 7 x 6cm	Tấm năng điều trị sa bằng quang - Chất liệu 100% Polyvinylidene Fluoride (PVDF) - Kích thước 7 x 6cm - Thông số kỹ thuật: * Tỷ lệ lỗ lưới hiệu quả 68% * Phản ứng bề mặt 1.9m ² /m ² * Độ bền tối ưu 58N/cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	36

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
524	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo bằng polypropylene	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo - Chất liệu bằng polypropylene - Trọng lượng 19.2g/m ² - Thiết kế độ xấp trung bình 58 - 60%, mắt lưới cấu trúc lục giác, kích thước lỗ (1.17 - 1.19) x (0.6 - 0.8)mm, lực kéo sợi lưới 72 - 74N - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	24
525	Tấm nâng điều trị tiểu không tự chủ gia cố sàn âm đạo bằng polypropylene, độ xấp khoảng 84- 86%	Tấm nâng điều trị tiểu không tự chủ gia cố sàn âm đạo - Chất liệu bằng polypropylene - Thiết kế độ xấp khoảng 84 - 86%, độ dày sợi 0.14 - 0.16mm, kích thước lỗ (1.30 - 1.32) x (0.43 - 0.46)mm, kháng lực > 55N - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	48
526	Tấm nâng điều trị tiểu không tự chủ gia cố sàn âm đạo bằng polypropylene, độ xấp khoảng 90- 93%	Tấm nâng điều trị tiểu không tự chủ gia cố sàn âm đạo - Chất liệu bằng polypropylene - Trọng lượng 21mg/m ² - Thiết kế độ xấp trung bình 90 - 93%, mắt lưới cấu trúc lục giác, kích thước khe hở các sợi đan 100 - 150µm, lực kéo sợi lưới 16N/cm, độ bền tối ưu 113N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	20
527	Tấm phủ mỏ nội soi cột sống nằm sấp	Tấm phủ mỏ nội soi cột sống nằm sấp - Chất liệu Polyethylene - Kích thước 320 x 245cm - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	20
528	Tay cầm gắn kẹp cầm máu xoay được	Tay cầm gắn kẹp cầm máu xoay được, hấp khử trùng được - Đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm, chiều dài làm việc 1950 mm - Tương thích với kẹp cầm máu cùng hãng, ống soi dạ dày GIF, ống soi đại tràng CF - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	56
529	Tay cưa tĩnh tiến cho phẫu thuật tại mũi họng	Tay cưa tĩnh tiến cho phẫu thuật tại mũi họng tích hợp hệ thống động cơ ngay trên tay khoan tạo ra lực chuyển động trực tiếp không gián đoạn - Tốc độ ≥ 14000 chu kỳ/phút - Dài ≤ 20.3cm, đường kính ≤ 2.3cm - Trọng lượng ≤ 300g - Tiệt khuẩn - Tương thích với máy khoan model IPC	3	Cái	2
530	Tay dao cắt đốt đơn cực 3 châu	Tay dao cắt đốt đơn cực 3 châu, sử dụng 1 lần - Đầu đốt bằng thép không gỉ, tay cầm bằng nhựa - Đường kính 2.36mm, đầu dao hình kiếm, dây nối dài 3m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với kết nối 3 chân monolar của các loại máy ValleyLab, Erbe hiện có tại bệnh viện	6	Cái	28.400
531	Tay dao cắt, đốt hình kiếm	Tay dao cắt, đốt hình kiếm, sử dụng 1 lần - Đầu dao dài 35mm, dây dài 3m - Tay dao 3 nút bấm, có nút điều chỉnh độ dài đầu dao, có màng lọc khí, tự động nhận diện dụng cụ khi cắm vào máy, điện áp đỉnh tối đa 4.3 kVp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy Erbe APC2/APC3 hiện có tại bệnh viện	3	Cái	2
532	Tay khoan cắt tốc độ cao cho phẫu thuật sản sọ	Tay khoan cắt tốc độ cao cho phẫu thuật sản sọ + Lưỡi cắt có phần đầu quay 360 độ + Lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật mũi xoang loại cong 60 độ, 90 độ + Mũi khoan loại thẳng dùng trong phẫu thuật mũi xoang + Mũi khoan loại cong 12, 15, 40, 55, 70 độ dùng trong phẫu thuật mũi xoang + Lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật thanh quản loại thẳng và loại cong 15 độ + Mũi khoan và lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật thẩm mỹ - Có nút xoay trên thân tay cắt nạo giúp điều chỉnh mặt cắt của lưỡi cắt - Tốc độ tối đa 7500 vòng/phút ở chế độ cắt dao động - Tốc độ tối đa 30.000vòng/phút ở chế độ quay tròn liên tục - Kích thước tay cắt nạo dài 12.5cm x rộng 2cm - Trọng lượng 203g - Tương thích với máy khoan model IPC sử dụng tại viện	3	Cái	2
533	Thanh nâng ngực	Thanh nâng ngực định hình biến dạng lồng ngực, dùng trong điều trị dị tật lõm ngực - Chất liệu bằng thép không gỉ - Thiết kế 2 đầu bo tròn, nhỏ thon, có lỗ và khắc ở 2 đầu, các khắc ở 2 đầu được bo tròn, không răng cưa - Kích thước: * Loại ngang 10mm dành cho trẻ nhỏ dài 20 - 26cm * Loại ngang 13mm dành cho người lớn dài 28 - 40cm - Tiêu chuẩn ISO	6	Cái	40

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
534	Thanh nâng ngực, kèm 02 ốc vít	- Thanh nâng định hình biên dạng lồng ngực, dùng trong điều trị dị tật lồng ngực, lồng ngực bẩm sinh và các dị tật vừa lõm vừa lồi - Chất liệu bằng titanium - Kích cỡ 20 - 40cm - Thanh dùng ốc vít để cố định vào thành ngực, có thể dùng hai thanh ghép thành bộ để định hình thành ngực theo phương pháp sandwich - Cấu tạo: thanh có 2 loại thanh đỡ mỗi bên có 2 lỗ, thanh nẹp có rãnh ở 2 bên - Mỗi thanh kèm 2 ốc vít - Tiêu chuẩn ISO	6	Cái	200
535	Thiết bị xilanh, áp kế	- Thiết bị xilanh, áp kế, sử dụng một lần - Bao gồm xy lanh và đồng hồ đo áp lực đồng bộ, có dây nối với bóng nong - Tương thích với tay cầm tích hợp bơm bóng và tán sỏi cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	cái	10
536	Thông lộng cắt polyp ống tiêu hóa, đường kính 7Fr, dài 240cm	- Thông lộng cắt polyp ống tiêu hóa - Chất liệu sợi thép không gỉ pha nitinol, phủ ngoài Teflon - Đường kính 7Fr, dài 240cm, cỡ thông lộng 2.5 x 5.5cm và 3 x 6cm - Tay cầm đánh dấu mức kéo thông lộng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	80
537	Thủy tinh thể nhân tạo cứng, một mảnh	- Thủy tinh thể nhân tạo cứng, một mảnh - Chất liệu Poly methyl methacrylate (PMMA), màu trắng trong suốt - Kích thước: * Chiều dài thủy tinh thể 12.5mm * Đường kính thủy tinh thể 7mm - Thông số kỹ thuật * Chỉ số khúc xạ n 1.49 * Hằng số A 118.8 * Góc càng 5 độ, càng chữ C biến đổi, có 2 lỗ * Dây diop +4.0D đến +34.0D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	2
538	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, chỉ số khúc xạ < 1.5	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh - Chất liệu Acrylic không ngâm nước sắc sai thấp - Thiết kế 3 điểm cố định túi bao, bờ sau vuông liên tục 360 độ, được xử lý mờ chống chói - Chỉ số khúc xạ (n) < 1.5 - Càng chữ C, đường kính phần quang học 6mm, chiều dài tổng 13mm - Dây Diop +6.0D đến +30.0D - Dùng kèm Injector kiểu xoay - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	50
539	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu, đặt qua vết mổ 1.8mm	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 3 tiêu cự, thiết kế quang học khúc xạ, nhiễu xạ, kính không bị bọt khí (glistening), +3.33D cho tiêu cự nhìn gần, +1.66D cho tiêu cự nhìn trung gian, phi cầu (điều chỉnh cầu sai âm tính) - Chất liệu Acrylic ngâm nước (25%) với đặc tính bề mặt ngoài kỵ nước, lọc tia UV - Thiết kế dạng một mảnh, thiết kế theo bảng phiên 4 cạnh, góc càng 0 độ - Đường kính optic 6mm, đường kính tổng 11mm - Vòng nhiễu xạ đầu 1.04mm - Đặt qua vết mổ nhỏ 1.8mm - Dây diopter từ +0D đến +32D, bước nhảy 0.5D - Chỉ số A-constant 118.6 - ACD 5.26, đặt trong bao - Thiết kế ngăn PCO bờ vuông và vòng chống đục bao sau 360 độ - Chỉ số khúc xạ 1.46 - Chỉ số ABBE 58 - Thủy tinh thể đặt sẵn vào cartridge - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	20
540	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu, điều chỉnh lão thị	- Thủy tinh thể mềm đa tiêu cự, kết hợp công nghệ kéo dài tiêu cự, loại I mảnh - Chất liệu Acrylic không ngâm nước - Lọc tia cực tím và ánh sáng tím, sắc sai thấp với số ABBE = 55, mặt trước phi cầu điều chỉnh cầu sai về gần zero - Thiết kế 3 điểm cố định, bờ sau vuông liên tục 360 độ, càng chữ C, góc càng 0 độ - Chỉ số khúc xạ 1.47 - Dải công suất từ +5D đến +34D, được đặt qua vết mổ 2.2mm - Dùng kèm Injector kiểu xoay - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	10

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
541	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, điều chỉnh loạn thị	Thủy tinh thể mềm điều chỉnh loạn thị 1 mảnh - Chất liệu Acrylic Hydrophobic - Thiết kế 3 điểm cố định túi bao, bờ sau vuông liền tục 360 độ - Công suất +5.0D đến +34.0D, công suất điều chỉnh loạn thị 1.5D, 2.25D, 3.00D, 3.75D, 4.5D, 5.25D, 6.00D, 7.00D, 8.00D - Chỉ số khúc xạ 1.47, dùng với Injector kiểu xoay - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	20
542	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, phi cầu (điều chỉnh cầu sai trung tính) - Chất liệu Acrylic ngâm nước (hàm lượng nước 25%) với đặc tính bề mặt ngoài kỵ nước, lọc tia UV - Thiết kế dạng một mảnh, hình bán phiên 4 cạnh, góc cang 0 độ - Đường kính quang học 6mm, đường kính tổng 11mm - Đặt qua vết mổ nhỏ 2.2 mm - Dây diopter từ -10.0D đến +42.0D Từ -10.0D đến 10.0D bước nhảy 1D Từ 10.0D đến 30.0D bước nhảy 0.5D Từ 30.0D đến 42.0D bước nhảy 1D - Chỉ số A-constant 118.3 - ACD 5.14, đặt trong bao - Chỉ số khúc xạ 1.46 - Chỉ số ABBE 58 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	300
543	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu, chỉ số khúc xạ 1.49	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh - Chất liệu Acrylic không ngâm nước bề mặt phủ Heparin - Chỉ số sắc sai thấp ABBE 50, thấu kính phi cầu điều chỉnh cầu sai theo kích thước đồng tử (SA=-0.12μm), bờ vuông 360 độ giảm đục bao sau - Chỉ số khúc xạ 1.49 - Càng chữ C, đường kính thấu kính 6mm, chiều dài tổng 13mm - Dải công suất từ +0D đến +34.0D, tăng đều 0.5D, được đặt qua vết mổ 2.2mm - Lắp sẵn kèm cartridge + injector dùng một lần - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	100
544	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, phi cầu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, phi cầu - Chất liệu Acrylic không ngâm nước bề mặt phủ Heparin - Chỉ số sắc sai thấp ABBE 50 - Thấu kính phi cầu điều chỉnh cầu sai theo kích thước đồng tử (SA=-0.12μm), bờ vuông 360 độ giảm đục bao sau - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	400
545	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 5mm, dài 90 - 100mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi - Bao gồm: * Thân: nhựa trong, có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 5mm, dài 90 - 100mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	cái	1.140
546	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10mm/11mm, dài 90 - 100mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi - Bao gồm: * Thân: nhựa trong, có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 10mm/11mm, dài 90 - 100mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Lượng khí xì rò khí có dụng cụ ở góc nghiêng không quá 200ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	cái	228
547	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 12mm, dài 90 - 100mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi - Bao gồm: * Thân: nhựa trong, có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 12mm, dài 90 - 100mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Lượng khí xì rò khí có dụng cụ ở góc nghiêng không quá 200ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	cái	912
548	Van dẫn lưu khí	Van dẫn lưu khí - Thành phần gồm 1 đoạn ống cao su đặt trong 1 ống plastic, tích hợp cố định 1 tiếp hợp catheter dẫn lưu đa bậc và 1 van lọc khí - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Bộ	1

TT	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
549	Vật liệu cầm máu cỡ 8 x 2 x 1.5cm	Vật liệu cầm máu dùng cầm máu sau phẫu thuật mũi xoang - Chất liệu bằng Hydroxilated Poly-Vinyl Atiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc polypolyvinyl atieu chuẩn Châu Âu (CE)tal (PVAc) - Kích thước 8 x 2 x 1.5cm - Được nén kép, không bị vụn - Không có xơ vữa, không hóa chất, không bột, không gây hại cho môi trường - Có khả năng tương thích sinh học và cầm máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	6	Miếng	2.400
550	Vật liệu cầm máu tự tan bằng cellulose 10 x 20cm	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu - Chất liệu bằng tiêu chuẩn Châu Âu (CE)llulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated tiêu chuẩn Châu Âu (CE)llulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, lưới mềm, dễ thao tác, bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng, tự tiêu sau 7 - 14 ngày - Kích thước 10 x 20cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Miếng	2.728
551	Vật liệu cầm máu tự tan bằng Cellulose dạng bông xốp ép, 2.4 - 2.6 x 5 - 5.2cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng tiêu chuẩn Châu Âu (CE)llulose dạng bông xốp ép, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, thích hợp trong phẫu thuật nội soi, tan sau 7 - 14 ngày - Kích thước 2.4 - 2.6 x 5 - 5.2cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	300
552	Vật liệu cầm máu tự tan bằng Cellulose dạng bông xốp ép, 5.1 x 10.2cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng tiêu chuẩn Châu Âu (CE)llulose dạng bông xốp ép, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, thích hợp trong phẫu thuật nội soi, tan sau 7 - 14 ngày - Kích thước 5.1 x 10.2cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	630
553	Vật liệu cầm máu tự tan, bằng Cellulose dạng bông xốp nhiều lớp, 5.1 x 10.2cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng tiêu chuẩn Châu Âu (CE)llulose dạng bông xốp nhiều lớp, có thể tách ra từng lớp, có tính kháng khuẩn, tự tiêu sau 7 - 14 ngày - Kích thước 5.1 x 10.2cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	2.260
554	Vật liệu cầm máu tự tiêu bằng Gelatin 7 x 5 x 1cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng gelatin, dạng xốp, độ phồng sau khi thấm hút bằng 40 lần so kích thước sản phẩm, tự tan sau 4 - 6 tuần - Kích thước 7 x 5 x 1cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Miếng	7.500
555	Vật liệu cầm máu xương, 70% sáp ong trắng	Vật liệu cầm máu xương - Thành phần 70% sáp ong trắng và 30% vaseline - Trọng lượng 2.4 - 2.6gr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Miếng	1.742
556	Vật liệu cầm máu xương, 85% sáp ong trắng	Vật liệu cầm máu xương - Thành phần sáp ong trắng 85% và Isopropyl Palmitate 15% - Trọng lượng 2.4 - 2.6gr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Miếng	840
557	Vật liệu thay thế chỉ khâu	Vật liệu thay thế chỉ khâu dùng khép miệng vết thương và gia cố lực kéo căng khép miệng vết thương tương đương như chỉ khâu hoặc kim bấm da - Bằng sợi polyester + Rayon phủ keo Acrylate, không kích ứng - Kích cỡ 12 x 100mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	964
558	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi mật qua da	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi mật qua da - Kích cỡ 12Fr, 14Fr, 16Fr - Có tai xé bỏ sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tương ứng với que nong cùng hãng	3	Cái	50
559	Vôi soda	Vôi soda dùng hấp thụ khí CO2 trong gây mê - Thành phần 3% sodium hydroxide, 97% calcium hydroxide - Vôi soda chuyển từ hồng sang trắng, cỡ hạt 2.5 - 5.0mm - Đạt tiêu chuẩn được diễn Mỹ, độ cứng > 75 - Thùng 4.5kg ≈ Volume 5lit - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Lít	4.150

TT	Tên danh mục mới chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
560	Xương con thay thể xương bàn đạp	Xương con thay thể xương bàn đạp - Chất liệu nhựa flo - Chiều dài 4.5mm, 6mm - Đường kính trong vòng lắp 0.6mm, 0.8mm - Đường kính trục 0.6mm - Thiết kế hình vòng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	3	Cái	35

CÔNG TY:

Địa chỉ:

Điện thoại liên hệ:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/ -BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	Stt theo thư mời chào giá	Tên danh mục	Tên thương mại	Chi tiết kỹ thuật	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng /Nước sản xuất	Hãng/ Nước Chủ sở hữu	Phân nhóm thông tư 14	Số lưu hành/ giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng (có khả năng cung ứng)	ĐVT	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Mã vật tư y tế theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021	Giá kê khai	Mã HS (HS code)

Báo giá này có hiệu lực từ ngày / / đến ngày / /

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

